

SỔ TAY

hướng dẫn về cư trú và lao động

~Dành cho người nước ngoài tại Nhật Bản~



Dịch tạm thời

Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú

Giám sát biên soạn

Lời nói đầu

Số lượng người nước ngoài cư trú tại Nhật Bản tính đến cuối tháng 12 năm 2019 đạt mức cao kỷ lục khoảng 2,93 triệu người và dự kiến số lượng người nước ngoài cư trú tại Nhật Bản sẽ tiếp tục gia tăng trong những năm tới.

Để đảm bảo một xã hội mà người Nhật và người nước ngoài có thể an tâm sinh sống tại Nhật Bản, việc người Nhật am hiểu về người nước ngoài rất quan trọng, nhưng việc người nước ngoài có thể nhận được thông tin chính xác và nhanh chóng về các quy định và tập quán của Nhật Bản cũng hết sức quan trọng.

Dựa trên “Các biện pháp toàn diện nhằm tiếp nhận và cùng sinh sống với nhân lực nước ngoài” được thông qua tại “Hội nghị Bộ trưởng các Bộ liên quan đến việc tiếp nhận và cùng sinh sống với nhân lực nước ngoài” vào tháng 12 năm 2018, “Sổ tay hướng dẫn về cư trú và lao động” là tài liệu đã được các Bộ và Cơ quan liên quan liên kết với nhau để tổng hợp và đăng tải các thông tin cơ bản, cần thiết để người nước ngoài cư trú tại Nhật có thể an tâm sinh sống và lao động một cách an toàn. Sổ tay hướng dẫn này đang được đăng với phiên bản nhiều thứ tiếng (14 thứ tiếng) trên “Cổng thông tin hỗ trợ cuộc sống cho người nước ngoài” được mở trên trang chủ của Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú.

Lần này, các Bộ và Cơ quan liên quan đã cùng phối hợp soạn thảo phiên bản 3, trong đó cập nhật phiên bản 2 dựa trên các cơ chế chính sách mới được xây dựng hoặc đã sửa đổi, hủy bỏ v.v..., và đã đăng tải trên “Cổng thông tin hỗ trợ cuộc sống cho người nước ngoài”.

Chúng tôi hy vọng các bạn đọc người nước ngoài vận dụng các thông tin được đăng tải trong Sổ tay hướng dẫn này để cuộc sống tại Nhật Bản trở nên suôn sẻ hơn.

Tháng 2 năm 2021

Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú

Sổ tay hướng dẫn này được soạn thảo nhờ sự hợp tác của các Bộ, Cơ quan dưới đây và Đại học Ngoại ngữ Tokyo.

Danh sách các Bộ và Cơ quan:

Ban Thư ký Nội các

Văn phòng Nội các

Cơ quan Cảnh sát quốc gia

Cơ quan Dịch vụ Tài chính

Cơ quan về Người tiêu dùng

Bộ Nội vụ và Truyền thông

Bộ Tư pháp

Bộ Ngoại giao

Bộ Tài chính

Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ

Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi

Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản

Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp

Bộ Đất đai, Cơ sở Hạ tầng, Giao thông và Du lịch

Mục lục

Lời nói đầu

Chương I. Thủ tục nhập cảnh, cư trú

1	Thẻ cư trú.....	1
1-1	Cấp Thẻ cư trú.....	1
1-2	Khai báo địa chỉ cư trú (thông báo chuyển đến).....	2
1-3	Mất Thẻ cư trú.....	3
1-4	Trả lại Thẻ cư trú.....	3
2	Thủ tục liên quan đến tư cách cư trú.....	4
2-1	Gia hạn thời gian cư trú (khi muốn kéo dài thời hạn cư trú).....	4
2-2	Thay đổi tư cách cư trú (khi thay đổi mục đích cư trú tại Nhật Bản)..	4
2-3	Cấp phép vĩnh trú.....	5
2-4	Nhận tư cách cư trú (trường hợp trẻ em được sinh ra).....	5
2-5	Cấp phép hoạt động ngoài tư cách cư trú.....	6
2-6	Khai báo với Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú địa phương.....	7
(1)	Khai báo liên quan đến cơ quan hoạt động.....	
(2)	Khai báo liên quan đến cơ quan hợp đồng.....	
(3)	Khai báo liên quan đến người phối ngẫu.....	
3	Cấp phép tái nhập cảnh (duy trì tư cách cư trú hiện tại và nhập cảnh lại vào Nhật Bản)	9
(1)	Cấp phép tái nhập cảnh đặc biệt (trường hợp quay lại Nhật Bản trong vòng 1 năm)	
(2)	Cấp phép tái nhập cảnh (trường hợp rời Nhật Bản hơn 1 năm)	
4	Thủ tục công nhận người tị nạn.....	10
4-1	Định nghĩa “Người tị nạn”.....	10
4-2	Về việc xin công nhận người tị nạn.....	10
4-3	Đề nghị thẩm tra.....	11

5	Thủ tục trục xuất v.v.....	11
5-1	Lý do trục xuất chủ yếu.....	11
5-2	Trường hợp bị trục xuất.....	11
5-3	Cơ chế lệnh trục xuất.....	11
5-4	Cấp phép đặc biệt để cư trú tại Nhật Bản.....	12
6	Địa chỉ liên hệ về thủ tục xuất nhập cảnh và cư trú v.v.....	12

Chương II. Thủ tục tại cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố

1	Các khai báo cần thiết.....	16
1-1	Khai báo địa chỉ.....	16
(1)	Trường hợp đã nhập cảnh vào Nhật Bản và được cấp phép nhập cảnh mới	
(2)	Trường hợp chuyển nhà	
1-2	Đăng ký kết hôn.....	17
(1)	Giấy tờ cần thiết để đăng ký kết hôn	
(2)	Hiệu lực tại nước nhà	
1-3	Đăng ký ly hôn.....	18
(1)	Hiệu lực tại nước nhà	
(2)	Trường hợp lo lắng đối phương tự ý nộp đơn đăng ký ly hôn	
1-4	Khai tử.....	19
(1)	Giấy tờ cần thiết để khai tử	
(2)	Trả lại Thẻ cư trú	
1-5	Đăng ký con dấu.....	20
(1)	Thủ tục đăng ký con dấu	
(2)	Giấy chứng nhận đăng ký con dấu	
2	Cơ chế Số định danh cá nhân (My Number)	20
2-1	Định nghĩa “Cơ chế Số định danh cá nhân”.....	20
2-2	Thẻ Số định danh cá nhân.....	21
(1)	Nội dung ghi trên thẻ	
(2)	Khi nào sử dụng?	
(3)	Cách xin cấp thẻ	

(4)	Cách nhận thẻ	
2-3	Một số lưu ý liên quan đến việc sử dụng Thẻ Số định danh cá nhân..	23
2-4	Các vấn đề khác.....	23

Chương III. Việc làm và lao động

1	Kiến thức cơ bản trước khi bắt đầu công việc.....	25
1-1	Tư cách cư trú.....	25
1-2	Hình thức làm việc.....	25
(1)	Lao động phái cử (Nhân viên phái cử)	
(2)	Nhân viên hợp đồng (Nhân viên hợp đồng lao động có thời hạn)	
(3)	Lao động bán thời gian	
(4)	Người làm việc trên cơ sở ký kết hợp đồng ủy thác nghiệp vụ (hợp đồng dịch vụ)	
1-3	Hợp đồng lao động.....	28
(1)	Phạm vi thuật ngữ “Người lao động”	
(2)	Nêu rõ điều kiện lao động	
1-4	Tiền lương.....	30
(1)	Định nghĩa “Lương tối thiểu”	
(2)	Đặc trưng của Lương tối thiểu	
(3)	Trợ cấp nghỉ làm	
2	Quy định khi làm việc.....	31
2-1	Cách thức trả lương.....	31
2-2	Thời gian lao động, nghỉ giữa giờ, ngày nghỉ.....	31
(1)	Thời gian lao động	
(2)	Nghỉ giữa giờ	
(3)	Ngày nghỉ	
(4)	Nghĩa vụ liên quan đến việc quyết định điều kiện lao động của nhân viên phái cử	
2-3	Làm thêm giờ và làm việc vào ngày nghỉ.....	33
(1)	Làm thêm giờ và làm việc vào ngày nghỉ	
(2)	Tiền lương làm thêm giờ	
2-4	Quản lý sức khỏe người mẹ, nghỉ thai sản, nghỉ chăm con, nghỉ chăm sóc người thân.....	34

(1)	Mang thai	
(2)	Nghi thai sản	
(3)	Nghi chăm con	
(4)	Nghi chăm sóc người thân	
2-5	Nghi việc, sa thải v.v... ..	37
(1)	Nghi việc	
(2)	Sa thải	
(3)	Công ty phá sản	
(4)	Bảo hiểm việc làm (Trợ cấp cơ bản)	
(5)	Hoạt động tìm việc	
3	Sức khỏe và an toàn.....	42
3-1	Môi trường làm việc an toàn và thoải mái.....	42
(1)	Nội dung Luật An toàn Vệ sinh Lao động	
(2)	Kiểm tra sức khỏe v.v...	
(3)	Hướng dẫn trực tiếp của bác sĩ	
3-2	Bồi thường thương tích, bệnh tật v.v... khi làm việc (Bảo hiểm tai nạn lao động)	44
(1)	Trình tự áp dụng Bảo hiểm tai nạn lao động	
(2)	Một số lưu ý khác	
3-3	Cấm phân biệt giới tính.....	45
(1)	Khi tìm việc	
(2)	Sau khi vào công ty	
3-4	Biện pháp phòng chống quấy rối.....	45
3-5	Hướng dẫn quản lý việc làm của người nước ngoài.....	46
4	Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm lao động.....	47
4-1	Bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm sức khỏe quốc dân.....	47
4-2	Bảo hiểm hưu trí quốc dân, bảo hiểm hưu trí người lao động.....	47
4-3	Bảo hiểm chăm sóc dài hạn.....	47
4-4	Bảo hiểm việc làm.....	47
(1)	Đối tượng áp dụng	

(2)	Chi trả phí bảo hiểm	
4-5	Bảo hiểm tai nạn lao động.....	48

Chương IV. Sinh con và nuôi dạy con cái

1	Thủ tục khi mang thai.....	49
1-1	Thông báo việc mang thai và cấp sổ tay sức khỏe bà mẹ và trẻ em v.v.....	49
1-2	Khám sức khỏe thai phụ.....	49
1-3	Tư vấn tại nhà bởi chuyên viên chăm sóc sức khỏe, nữ hộ sinh v.v...	49
1-4	Lớp học tiền sản (dành cho mẹ và bố)	50
2	Thủ tục sau khi sinh.....	50
2-1	Thông báo khai sinh.....	50
(1)	Giấy tờ cần thiết để thông báo khai sinh	
(2)	Các thủ tục khác	
2-2	Thông báo khai sinh về Nước nhà.....	50
3	Chi phí sinh con và các loại trợ cấp.....	51
3-1	Tiền trợ cấp sinh và chăm sóc con trả 1 lần.....	51
3-2	Tiền trợ cấp sinh con.....	51
3-3	Tiền trợ cấp nghỉ chăm con.....	52
(1)	Cấp trong thời gian nghỉ chăm con	
(2)	Trường hợp lao động hợp đồng có thời hạn (người lao động hợp đồng có thời hạn)	
3-4	Trợ cấp nhi đồng.....	53
(1)	Người có thể nhận	
(2)	Cách thức nhận	
(3)	Khoản tiền có thể nhận	
(4)	Thời gian nhận	
4	Nuôi dạy con.....	54
4-1	Khám sức khỏe trẻ em.....	54
4-2	Tiêm chủng.....	54

4-3	Chi phí y tế của trẻ em.....	55
4-4	Cơ sở dành cho trẻ trước khi đi học tiểu học.....	55
(1)	Nhà trẻ	
(2)	Trường mẫu giáo	
(3)	Trung tâm giáo dục mầm non	
4-5	Câu lạc bộ trẻ em sau giờ học (chương trình chăm sóc sau giờ học)..	56
4-6	Trung tâm hỗ trợ gia đình.....	56

Chương V. Giáo dục

1	Hệ thống giáo dục ở Nhật Bản.....	58
1-1	Trường tiểu học, trường trung học cơ sở.....	62
1-2	Trường trung học phổ thông.....	62
1-3	Trường cho người nước ngoài.....	62
1-4	Trường Trung học cơ sở buổi tối.....	63
1-5	Kỳ thi chứng nhận trình độ tốt nghiệp trường trung học cơ sở.....	63
1-6	Kỳ thi chứng nhận trình độ tốt nghiệp trường trung học phổ thông...	63
1-7	Cơ sở Giáo dục đại học (trường đại học v.v...)	64
1-8	Kỳ thi tuyển sinh vào cơ sở Giáo dục đại học.....	65
2	Hỗ trợ tài chính chi phí giáo dục.....	65
2-1	Hỗ trợ đi học.....	65
2-2	Tiền hỗ trợ đi học trường trung học phổ thông v.v...	66
2-3	Tiền trợ cấp khuyến học dành cho học sinh trung học phổ thông v.v...	66
2-4	Học bổng bậc Giáo dục đại học.....	67
3	Học tiếng Nhật.....	67
3-1	Tổng quan việc học tiếng Nhật.....	68
3-2	Địa điểm học tiếng Nhật.....	68
(1)	Trường tiếng Nhật	
(2)	Lớp học tiếng Nhật tại địa phương	
(3)	Giáo dục từ xa, trực tuyến	
3-3	Tiếng Nhật dành cho “Người nước ngoài sinh sống tại Nhật Bản” ...	69
3-4	Tài liệu dạy và học tiếng Nhật.....	70

Chương VI. Y tế

1	Cơ sở y tế.....	71
1-1	Các loại cơ sở y tế.....	71
1-2	Tìm cơ sở y tế.....	72
2	Bảo hiểm y tế.....	72
2-1	Bảo hiểm sức khỏe.....	73
(1)	Điều kiện tham gia	
(2)	Phí bảo hiểm	
(3)	Nội dung trợ cấp	
2-2	Bảo hiểm sức khỏe quốc dân.....	75
(1)	Điều kiện tham gia	
(2)	Thủ tục tham gia và rút khỏi	
(3)	Phí bảo hiểm	
(4)	Nội dung trợ cấp	
2-3	Cơ chế y tế dành cho người cao tuổi từ 75 tuổi trở lên.....	77
(1)	Điều kiện tham gia	
(2)	Thủ tục tham gia và rút khỏi	
(3)	Phí bảo hiểm	
(4)	Nội dung trợ cấp	
3	Thuốc.....	80
3-1	Nhà thuốc.....	80
3-2	Cửa hàng dược, hóa mỹ phẩm.....	80

Chương VII. Lương hưu, phúc lợi

1	Lương hưu.....	81
1-1	Hưu trí quốc dân.....	81
(1)	Người được bảo hiểm (người tham gia bảo hiểm) và thủ tục tham gia	
(2)	Phí bảo hiểm	
(3)	Quyền lợi bảo hiểm	
1-2	Bảo hiểm hưu trí người lao động.....	85

(1)	Người được bảo hiểm (người tham gia bảo hiểm)	
(2)	Phí bảo hiểm	
(3)	Quyền lợi bảo hiểm	
1-3	Tiền trả 1 lần khi rút khỏi.....	88
2	Bảo hiểm chăm sóc dài hạn.....	90
2-1	Đối tượng tham gia.....	90
2-2	Phí bảo hiểm.....	90
2-3	Sử dụng dịch vụ hộ lý.....	90
3	Phúc lợi nhi đồng.....	91
3-1	Trợ cấp nhi đồng.....	91
3-2	Trợ cấp nuôi dưỡng trẻ em.....	91
3-3	Trợ cấp nuôi dưỡng trẻ em đặc biệt.....	92
3-4	Trợ cấp phúc lợi cho trẻ em khuyết tật.....	92
4	Phúc lợi cho người khuyết tật.....	93
4-1	Sổ tay.....	93
4-2	Dịch vụ hành chính dành cho người khuyết tật và trẻ em khuyết tật..	93
5	Trợ cấp công cộng.....	93
5-1	Điều kiện để nhận trợ cấp công cộng.....	94
(1)	Sử dụng các loại tài sản	
(2)	Sử dụng các năng lực	
(3)	Các trợ cấp khác	
(4)	Cấp dưỡng bởi người có nghĩa vụ cấp dưỡng	
5-2	Các loại hình và nội dung trợ cấp công cộng.....	95
6	Cơ chế hỗ trợ người nghèo tự lập.....	95
Chương VIII. Thuế		
1	Thuế thu nhập.....	96
1-1	Người có nghĩa vụ nộp thuế và phạm vi thu nhập chịu thuế.....	96
(1)	Người cư trú	

(2)	Người không vĩnh trú	
(3)	Người không cư trú	
1-2	Khai thuế cuối cùng và nộp Thuế thu nhập.....	97
(1)	Người cần khai thuế cuối cùng	
(2)	Người được hoàn thuế thu nhập nếu khai thuế cuối cùng	
(3)	Khai thuế cuối cùng và hạn nộp thuế	
(4)	Trường hợp xuất cảnh khỏi Nhật Bản	
1-3	Các khoản khấu trừ thu nhập chính.....	99
(1)	Trường hợp cấp dưỡng người thân	
(2)	Trường hợp có người phối ngẫu	
(3)	Trường hợp đã trả phí bảo hiểm xã hội	
(4)	Trường hợp đã trả phí bảo hiểm nhân thọ v.v...	
(5)	Trường hợp đã trả chi phí y tế	
1-4	Khấu trừ tại nguồn và điều chỉnh cuối năm.....	101
1-5	Điều khoản đặc biệt theo Công ước về thuế.....	101
2	Thuế cư trú.....	101
2-1	Định nghĩa “Thuế cư trú”	101
2-2	Nộp Thuế cư trú.....	101
2-3	Các vấn đề khác.....	102
3	Thuế tiêu dùng.....	102
4	Tiền thuế do người có xe cộ trả.....	103
4-1	Thuế xe ô tô/Thuế xe ô tô hạng nhẹ.....	103
(1)	Tiền thuế xe ô tô/thuế xe ô tô hạng nhẹ theo tính năng môi trường	
(2)	Tiền thuế xe ô tô/thuế xe ô tô hạng nhẹ theo chủng loại	
4-2	Thuế trọng lượng xe.....	103
5	Thuế tài sản cố định.....	104
6	Địa chỉ liên hệ liên quan đến thuế.....	104
6-1	Địa chỉ liên hệ liên quan đến thuế quốc gia.....	104

(1)	Trung tâm tư vấn qua điện thoại	
(2)	Trả lời thuế (FAQ)	
(3)	Hướng dẫn trang chủ Cơ quan thuế quốc gia	
6-2	Liên hệ liên quan đến thuế địa phương.....	105

Chương IX. Giao thông

1	Luật lệ giao thông.....	106
1-1	Những điều cần lưu ý khi đi bộ.	106
(1)	Khi đi lại trên đường	
(2)	Cách qua đường	
(3)	Khi đi bộ trên đường vào ban đêm	
1-2	Những điều cần lưu ý khi đi xe đạp.	107
(1)	Tuân thủ quy tắc đi xe đạp “Năm quy tắc sử dụng xe đạp an toàn”	
(2)	Đạp xe qua giao lộ	
1-3	Khi lái xe ô tô (bao gồm cả xe máy)	109
2	Giấy phép lái xe.....	110
2-1	Lấy giấy phép lái xe của Nhật Bản.....	110
2-2	Gia hạn bằng lái xe của Nhật Bản v.v... ..	111
2-3	Cơ chế tính điểm cho giấy phép lái xe.. ..	111
3	Sở hữu xe ô tô (bao gồm cả xe máy)	112
3-1	Đăng ký xe.. ..	112
(1)	Các trường hợp cần tiến hành thủ tục đăng ký và tên gọi của thủ tục đăng ký	
(2)	Nơi có thể tiến hành thủ tục đăng ký và địa chỉ liên hệ	
3-2	Chứng nhận nhà để xe.. ..	112
3-3	Kiểm tra xe ô tô (bao gồm một số loại xe máy)	113
3-4	Bảo hiểm xe cộ.. ..	114
(1)	Bảo hiểm trách nhiệm xe cộ bắt buộc (hỗ trợ lẫn nhau)	
(2)	Bảo hiểm tự nguyện (hỗ trợ lẫn nhau)	
4	Làm gì khi xảy ra tai nạn.. ..	116

4-1	Dừng xe..	116
4-2	Thông báo cho cảnh sát và gọi cấp cứu..	116
4-3	Chẩn đoán của bác sĩ..	116
4-4	Đề nghị cấp Giấy chứng nhận tai nạn giao thông..	116

Chương X. Trường hợp khẩn cấp, thiên tai, thảm họa

1	Gọi điện thoại trong trường hợp khẩn cấp	118
1-1	Bệnh đột ngột, bị thương, hỏa hoạn v.v... (gọi 119)	118
1-2	Nạn nhân của tai nạn giao thông hoặc hành vi phạm tội (gọi 110) ...	118
2	Thiên tai, thảm họa.....	119
2-1	Bão và mưa lớn cục bộ.....	119
(1)	Lũ sông	
(2)	Thảm họa sạt lở	
2-2	Động đất.....	120
2-3	Sóng thần.....	123
2-4	Núi lửa phun trào.....	124
3	Sơ tán.....	125
3-1	Khu vực sơ tán.....	125
3-2	Thông tin sơ tán.....	125
3-3	Phương pháp sơ tán.....	127
3-4	Có được thông tin khí tượng hữu ích trong trường hợp thiên tai, thảm họa.....	129

Chương XI. Nhà ở

1	Nhà ở tại Nhật Bản.....	133
1-1	Nhà riêng.....	133
1-2	Nhà công.....	133
1-3	Nhà cho thuê UR.....	133
1-4	Nhà tư nhân cho thuê.....	133
2	Điều kiện vào ở.....	133
2-1	Nhà công.....	133

2-2	Nhà cho thuê UR.....	134
2-3	Nhà tư nhân cho thuê.....	134

Chương XII. Các quy tắc, tập quán trong cuộc sống thường ngày

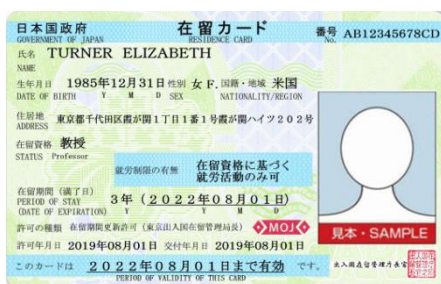
1	Quy tắc sinh hoạt.....	137
1-1	Rác.....	137
	(1) Quy tắc cơ bản về việc đổ rác	
	(2) Vứt rác trái phép (vứt rác bất hợp pháp)	
1-2	Tiếng ồn.....	139
1-3	Nhà vệ sinh.....	139
1-4	Sử dụng điện thoại di động.....	140
1-5	Trên tàu điện và xe buýt.....	140
1-6	Sưởi nước nóng và nhà tắm công cộng..	140
1-7	Biển báo cấm.....	140
2	Phòng chống bệnh truyền nhiễm.....	141
2-1	Rửa tay.....	141
2-2	Quy tắc khi ho.....	142
2-3	Độ ẩm.....	142
2-4	Nghỉ ngơi và ăn uống dinh dưỡng.....	142
2-5	Ra ngoài.....	143
3	Những điều cần thiết đối với đời sống..	143
3-1	Sinh hoạt cộng đồng..	143
	(1) Các tổ chức cộng đồng (Hội tự quản, tổ dân phố)	
	(2) Tình làng nghĩa xóm	
3-2	Phòng chống tội phạm.....	144
3-3	Các dịch vụ cần thiết cho cuộc sống hàng ngày..	144
	(1) Điện	
	(2) Gas	
	(3) Nước	
3-4	Điện thoại di động.....	147
	(1) Hợp đồng điện thoại di động	

(2)	Lưu ý khi ký kết hợp đồng và sử dụng	
3-5	Tài khoản ngân hàng.....	148
(1)	Mở tài khoản ngân hàng	
(2)	Đóng tài khoản ngân hàng không sử dụng	
3-6	Bưu điện.. ..	149
4	Giao thông công cộng.....	149
4-1	Thẻ IC.....	149
(1)	Chức năng cơ bản	
(2)	Thẻ ghi tên	
(3)	Thẻ không ghi tên	
(4)	Tiền đặt cọc (deposit)	
4-2	Đường sắt.....	149
(1)	Sử dụng đường sắt	
(2)	Các loại vé	
(3)	Các loại vé khác	
4-3	Xe buýt.. ..	151
(1)	Xe buýt di chuyển quãng đường xa (Xe buýt chạy đường dài)	
(2)	Xe buýt di chuyển theo tuyến đường cố định trong khu vực sinh sống (Xe buýt chạy theo tuyến)	

Chương I. Thủ tục nhập cảnh, cư trú

1. Thẻ cư trú

Đây là chứng minh thư nhận dạng cá nhân của người nước ngoài sinh sống tại Nhật Bản. Trên đó có ghi các chi tiết của bản sắc cá nhân chủ sở hữu, khoảng thời gian có thể ở tại Nhật Bản (thời gian cư trú), hoạt động có thể tiến hành tại Nhật Bản (tư cách cư trú) v.v...



- Người từ 16 tuổi trở lên phải luôn đem theo người.
- Đây cũng là chứng minh thư nhận dạng cá nhân xuất trình khi làm các thủ tục tại cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố và ký kết hợp đồng.

Đối tượng cấp Thẻ cư trú

Thẻ cư trú được cấp cho người nước ngoài cư trú tại Nhật Bản trên 3 tháng. (Đối tượng cấp Thẻ cư trú được gọi là “Người cư trú trung, dài hạn”.)

[6 trường hợp không được cấp Thẻ cư trú]

- ① Người có thời gian cư trú là “3 tháng” trở xuống
- ② Người có tư cách cư trú là “Cư trú ngắn hạn”
- ③ Người có tư cách cư trú là “Ngoại giao” hoặc “Công vụ”
- ④ Nhân viên Văn phòng tại Nhật Bản của Hiệp hội Quan hệ Đài Loan – Nhật Bản (Văn phòng đại diện kinh tế và văn hóa Đài Bắc tại Nhật Bản v.v...) hoặc Cơ quan đại diện thường trực của Palestine tại Nhật Bản có tư cách cư trú là “Hoạt động đặc định” và gia đình của họ
- ⑤ Người vĩnh trú đặc biệt
- ⑥ Người không có tư cách cư trú

1-1. Cấp Thẻ cư trú

Thời kỳ được cấp thẻ cư trú chủ yếu như dưới đây.

Chương I. Thủ tục nhập cảnh, cư trú

- ① Khi được cho phép nhập cảnh mới tại Sân bay Narita, Sân bay Haneda, Sân bay Chubu, Sân bay Kansai, Sân bay New Chitose, Sân bay Hiroshima và Sân bay Fukuoka
 - Thẻ cư trú được cấp tại sân bay.
- ② Khi được cho phép nhập cảnh mới tại sân bay và cảng biển không nêu trong mục ①
 - Sau khi nhập cảnh vào Nhật Bản, hãy nộp “Thông báo chuyển đến” cho cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi bạn sinh sống. Sau đó, Thẻ cư trú sẽ được gửi đến nhà bạn qua đường bưu điện.
- ③ Khi được cho phép gia hạn thời gian cư trú
 - Thẻ cư trú mới được cấp trong trường hợp trước khi hết hạn thời gian cư trú, bạn đã nộp Đơn xin gia hạn lưu trú (tham khảo mục 2-1.) cho Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú địa phương (Bao gồm chi cục và văn phòng chi nhánh. Dưới đây sẽ lược đi.) và được cho phép.
- ④ Khi được cho phép thay đổi tư cách cư trú
 - Thẻ cư trú mới được cấp trong trường hợp bạn muốn thay đổi mục đích cư trú tại Nhật Bản, đã nộp Đơn xin thay đổi tư cách cư trú (tham khảo mục 2-2.) cho Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú địa phương và được cho phép.
- ⑤ Khi được cho phép nhận Tư cách cư trú
 - Thẻ cư trú mới được cấp trong trường hợp trẻ em sinh ra tại Nhật Bản và không có quốc tịch Nhật Bản, muốn lưu trú liên tục hơn 60 ngày sau khi sinh, đã nộp Đơn xin cấp tư cách cư trú (tham khảo mục 2-4.) cho Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú địa phương trong vòng 30 ngày kể từ ngày sinh và được cho phép.

1-2. Khai báo địa chỉ cư trú (thông báo chuyển đến)

Trong vòng 14 ngày kể từ ngày ấn định nơi sống (địa chỉ cư trú), người được cấp Thẻ cư trú phải khai báo địa chỉ cư trú (thông báo chuyển đến) tại cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi người đó sinh sống.

Để khai báo, cần Thẻ cư trú (trường hợp ① tại 1-1), hoặc Hộ chiếu (trường hợp ② tại 1-1) nên hãy nhớ đem theo.

→ Hãy tham khảo mục 1. 1-1. Khai báo địa chỉ trong Chương II.

1-3. Mất Thẻ cư trú

Xin cấp lại Thẻ cư trú tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú địa phương trong vòng 14 ngày kể từ ngày phát hiện việc đã làm mất Thẻ cư trú.

Thành phần hồ sơ

- Hộ chiếu
 - 1 tấm ảnh thẻ (dọc 4cm x ngang 3cm, chụp trong vòng 3 tháng, không yêu cầu đối với người dưới 16 tuổi)
 - Tài liệu chứng minh việc đã làm mất Thẻ cư trú (Giấy chứng minh khai báo mất đồ, Giấy chứng minh khai báo bị trộm cắp, Giấy chứng minh nạn nhân thảm họa v.v...)
 - Đơn xin cấp lại Thẻ cư trú
- ▣ Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy xác nhận tại trang chủ dưới đây:
- http://www.moj.go.jp/isa/applications/procedures/nyuukokukanri10_00010.html



1-4. Trả lại Thẻ cư trú

Trong những trường hợp dưới đây, cần phải trả lại Thẻ cư trú cho Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú địa phương.

Xuất cảnh đơn thuần (Xuất cảnh sau khi kết thúc hoạt động tại Nhật Bản)

- Hãy trả lại cho nhân viên thẩm tra nhập cảnh tại sân bay hoặc cảng biển khi xuất cảnh.

- Khi người thân hoặc người chung sống tử vong
- Khi được cấp phép tái nhập cảnh (đặc biệt) nhưng không tái nhập cảnh trong thời gian cho phép tái nhập cảnh (đặc biệt) còn hiệu lực
- Khi nhận được quốc tịch Nhật Bản

Trong vòng 14 ngày, hãy trả lại bằng một trong những phương pháp dưới đây.

- Đem đến Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú địa phương gần đó.
- Gửi bưu điện đến địa chỉ dưới đây.

Chương I. Thủ tục nhập cảnh, cư trú

Địa chỉ gửi đến: 2-7-11, Aomi, Koto-ku, Tokyo, 135-0064, Tokyo Kowan Godo Chosha 9F, Tokyo Nyukoku Kanrikyoku Odaiba Bunshitsu [Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú Tokyo, Văn phòng chi nhánh Odaiba] (Bên ngoài phong bì hãy ghi: “Zairyu card henno (Trả lại Thẻ cư trú)”.)



▣ Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy xác nhận tại trang chủ dưới đây:

http://www.moj.go.jp/isa/applications/procedures/nyuukokukanri10_00020.html

2. Thủ tục liên quan đến tư cách cư trú

2-1. Gia hạn thời gian cư trú (khi muốn kéo dài thời hạn cư trú)

Trường hợp muốn tiếp tục cư trú tại Nhật Bản lâu hơn thời gian cư trú đang được cho phép, cần nộp hồ sơ xin gia hạn thời gian cư trú cho Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú địa phương.

Thành phần hồ sơ

- Hộ chiếu
- Thẻ cư trú (trường hợp đã được cấp)
- 1 tấm ảnh thẻ (dọc 4cm x ngang 3cm, chụp trong vòng 3 tháng, không yêu cầu đối với người dưới 16 tuổi)
- Đơn xin cấp phép gia hạn thời gian cư trú
<http://www.moj.go.jp/isa/applications/procedures/16-3-1.html>
- Tài liệu làm rõ các hoạt động dự kiến v.v...
http://www.moj.go.jp/isa/applications/procedures/shin_zairyu_koshin10_01.html



2-2. Thay đổi tư cách cư trú (khi thay đổi mục đích cư trú tại Nhật Bản)

Trường hợp muốn thay đổi mục đích cư trú, cần nộp hồ sơ xin thay đổi tư cách cư trú cho Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú địa phương.

Thành phần hồ sơ

- Hộ chiếu
- Thẻ cư trú (trường hợp đã được cấp)

Chương I. Thủ tục nhập cảnh, cư trú

- 1 tấm ảnh thẻ (dọc 4cm x ngang 3cm, chụp trong vòng 3 tháng, không yêu cầu đổi với người dưới 16 tuổi)
- Đơn xin cấp phép thay đổi tư cách cư trú
<http://www.moj.go.jp/isa/applications/procedures/16-2-1.html>
- Tài liệu làm rõ các hoạt động dự kiến v.v...
http://www.moj.go.jp/isa/applications/procedures/zairyu_henko10.html



2-3. Cấp phép vĩnh trú

Người muốn vĩnh trú tại Nhật Bản cần nộp hồ sơ xin cấp phép vĩnh trú. Trường hợp được cho phép vĩnh trú, không có giới hạn đối với hoạt động và thời gian cư trú tại Nhật Bản, và không cần thực hiện thủ tục gia hạn thời gian cư trú hay thủ tục thay đổi tư cách cư trú.

Thành phần hồ sơ

- Hộ chiếu
 - Thẻ cư trú
 - 1 tấm ảnh thẻ (dọc 4cm x ngang 3cm, chụp trong vòng 3 tháng, không yêu cầu đổi với người dưới 16 tuổi)
 - Đơn xin cấp phép vĩnh trú
 - Các tài liệu khác
- ▣ Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy xác nhận tại trang chủ dưới đây:
- <http://www.moj.go.jp/isa/applications/procedures/16-4.html>



2-4. Nhận tư cách cư trú (trường hợp trẻ em được sinh ra)



Trường hợp trẻ em sinh ra tại Nhật Bản và không có quốc tịch Nhật Bản, khi muốn lưu trú liên tục hơn 60 ngày sau khi sinh, cần nộp Đơn xin cấp tư cách cư trú cho Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú địa phương trong vòng 30 ngày kể từ ngày sinh.

- * Vì cần các tài liệu bao gồm “Giấy chứng minh các mục ghi trên thông báo khai sinh” như giải thích dưới đây, nên hãy hoàn thành thủ tục thông báo khai sinh tại cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố trước rồi mới tiến hành thủ tục này tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú địa phương.

Chương I. Thủ tục nhập cảnh, cư trú

→ Hãy tham khảo mục 2. 2-1. Thông báo khai sinh trong Chương IV.


Thành phần hồ sơ

- Hộ chiếu (trường hợp đã được cấp)
- Đơn xin cấp tư cách cư trú
<http://www.moj.go.jp/isa/applications/procedures/16-10.html> 
- Văn bản chứng minh việc đã sinh, ví dụ như Giấy chứng minh các mục ghi trên thông báo khai sinh (Có thể nhận tại cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố)
- Tài liệu làm rõ nội dung các hoạt động dự kiến
http://www.moj.go.jp/isa/applications/procedures/zairyu_henko10.html 
- Bản sao Phiếu chứng nhận cư trú hoặc Giấy chứng minh các mục ghi trên Phiếu chứng nhận cư trú (Có thể nhận tại cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố)

2-5. Cấp phép hoạt động ngoài tư cách cư trú

Trường hợp muốn làm công việc ngoài phạm vi tư cách cư trú là tư cách cư trú không được lao động (du học, đoàn tụ gia đình v.v...), hoặc phạm vi lao động đã ấn định và có thu nhập hoặc thù lao, cần nộp đơn cho Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú địa phương và được cấp phép hoạt động ngoài tư cách cư trú (Hãy xác nhận tại mục 1. 1-1. Tư cách cư trú trong chương III để biết tư cách cư trú của bản thân được phép lao động đến mức nào.)

Thành phần hồ sơ

- Hộ chiếu
 - Thẻ cư trú
 - Đơn xin cấp phép hoạt động ngoài Tư cách cư trú
 - Tài liệu làm rõ các hoạt động để có thu nhập hoặc thù lao
- ▣ Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy xác nhận tại trang chủ dưới đây:
- <http://www.moj.go.jp/isa/applications/procedures/16-8.html> 

2-6. Khai báo với Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú địa phương

Trong số những người có Thẻ cư trú, người có tư cách cư trú nêu dưới đây có thay đổi cơ quan trực thuộc v.v... thì cần khai báo với Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú địa phương.

(1) Khai báo liên quan đến cơ quan hoạt động

Tư cách cư trú cần khai báo

Giáo sư, Chuyên gia có kỹ năng cao loại (i) (c), Chuyên gia có kỹ năng cao loại (ii) (trường hợp tham gia vào các hoạt động được liệt kê trong (ii) (c)), Quản trị/quản lý, Công việc pháp lý/kế toán, Y tế, Giáo dục, Chuyển công tác nội bộ, Thực tập kỹ thuật, Du học, Học viên khóa đào tạo.

Nội dung cần khai báo

- Khi cơ quan hoạt động thay đổi tên gọi
- Khi cơ quan hoạt động thay đổi địa chỉ
- Khi cơ quan hoạt động giải thể
- Khi rời khỏi cơ quan hoạt động
- Khi chuyển khỏi cơ quan hoạt động

Thời gian khai báo

Hãy khai báo trong vòng 14 ngày.

▣ Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy xác nhận tại trang chủ dưới đây:



http://www.moj.go.jp/isa/applications/procedures/nyuukokukanri10_00014.html

(2) Khai báo liên quan đến cơ quan hợp đồng

Tư cách cư trú cần khai báo

Chuyên gia có kỹ năng cao loại (i) (a), Chuyên gia có kỹ năng cao loại (i) (b), Chuyên gia có kỹ năng cao loại (ii) (trường hợp tham gia vào các hoạt động được liệt kê trong (ii) (a) hoặc (b)), Nghiên cứu, Công việc kỹ thuật/kiến thức nhân văn/quốc tế, Hộ lý, Giải trí (giới hạn trong trường hợp tham gia vào các hoạt động theo hợp đồng với cơ quan nhà nước hoặc tư nhân của Nhật Bản), Lao động có tay nghề, Lao động có tay nghề đặc định

Nội dung cần khai báo

- Khi cơ quan hợp đồng thay đổi tên gọi
- Khi cơ quan hợp đồng thay đổi địa chỉ
- Khi cơ quan hợp đồng giải thể
- Khi hợp đồng với cơ quan hợp đồng kết thúc
- Khi ký kết hợp đồng mới với cơ quan hợp đồng

Thời gian khai báo

Hãy khai báo trong vòng 14 ngày.

- ▣ Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy xác nhận tại trang chủ dưới đây:

http://www.moj.go.jp/isa/applications/procedures/nyuukokukanri10_00015.html



(3) Khai báo liên quan đến người phối ngẫu

Tư cách cư trú cần khai báo

Là người phối ngẫu trong trường hợp tư cách cư trú đoàn tụ gia đình, vợ/chồng/con của người có quốc tịch Nhật Bản, vợ/chồng/con của người vĩnh trú

Nội dung cần khai báo

- Ly hôn với người phối ngẫu
- Người phối ngẫu tử vong

Thời gian khai báo

Hãy khai báo trong vòng 14 ngày.

- ▣ Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy xác nhận tại trang chủ dưới đây:

http://www.moj.go.jp/isa/applications/procedures/nyuukokukanri10_00016.html



Những khai báo này có thể thực hiện khai báo điện tử qua internet.

- ▣ Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy xác nhận tại trang chủ dưới đây:

http://www.moj.go.jp/isa/publications/materials/i-ens_index.html



Chương I. Thủ tục nhập cảnh, cư trú

- Một điểm quan trọng Cơ chế ưu đãi dựa trên việc chấm điểm đối với chuyên gia nước ngoài có kỹ năng cao

Người nước ngoài có năng lực và phẩm chất cao, có khả năng đóng góp cho tăng trưởng kinh tế v.v... của Nhật Bản được hưởng ưu đãi về nội dung hoạt động và thời gian cư trú tại Nhật Bản.

Điểm được đặt ra theo từng mục như “Trình độ học vấn”, “Kinh nghiệm làm việc”, “Tuổi” v.v... tương ứng với đặc tính của hoạt động. Người nộp đơn cho Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú địa phương, tổng điểm đạt 70 điểm trở lên và được công nhận là “Chuyên gia nước ngoài có kỹ năng cao” thì có thể hưởng ưu đãi dưới đây.

- Cho phép nhiều hoạt động cư trú
- Cấp thời gian cư trú dài nhất: “5 năm”
- Trong số các điều kiện cấp phép vĩnh trú, được nói lỏng điều kiện liên quan đến thời gian cư trú tại Nhật Bản



▣ Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy xác nhận tại trang chủ dưới đây:

http://www.moj.go.jp/isa/publications/materials/newimmiact_3_index.html

3. Cấp phép tái nhập cảnh (duy trì tư cách cư trú hiện tại và nhập cảnh lại vào Nhật Bản)

Khi xuất cảnh khỏi Nhật Bản, nếu sử dụng cơ chế tái nhập cảnh trong thời gian được chấp thuận thì có thể tái nhập cảnh lại vào Nhật Bản mà vẫn duy trì tư cách cư trú và thời gian cư trú hiện tại.

(1) Cấp phép tái nhập cảnh đặc biệt (trường hợp quay lại Nhật Bản trong vòng 1 năm)

Trường hợp người có Thẻ cư trú và Hộ chiếu còn hiệu lực xuất cảnh khỏi Nhật Bản và quay lại Nhật Bản trong vòng 1 năm (trường hợp thời hạn cư trú còn dưới 1 năm thì đến ngày thời hạn cư trú hết hạn), trước đó không cần xin cấp phép tái nhập cảnh tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú địa phương.

(2) Cấp phép tái nhập cảnh (trường hợp rời Nhật Bản hơn 1 năm)

Có thể tái nhập cảnh mà vẫn duy trì tư cách cư trú và thời gian cư trú hiện tại bằng cách nộp đơn xin cấp phép tái nhập cảnh trước tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú địa

phương gần nhất. (Dài nhất là 5 năm. Trường hợp thời hạn cư trú còn dưới 5 năm thì đến ngày thời hạn cư trú hết hạn).

▀ Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy xác nhận tại trang chủ dưới đây:

<http://www.moj.go.jp/isa/applications/procedures/16-5.html>



4. Thủ tục công nhận người tị nạn

Nhật Bản tham gia Công ước về người tị nạn v.v... (Công ước về vị thế của người tị nạn và Nghị định thư về vị thế của người tị nạn), công nhận người tị nạn được định nghĩa tại Công nước này v.v... và thực hiện các biện pháp bảo vệ cho người tị nạn.

4-1. Định nghĩa “Người tị nạn”

Người tị nạn là đối tượng áp dụng của Công ước về người tị nạn theo quy định tại Điều 1 của Công ước về vị thế của người tị nạn hoặc Điều 1 của Nghị định thư về vị thế của người tị nạn, được định nghĩa như dưới đây.

- Một người có sự sợ hãi có cơ sở bị ngược đãi vì những lý do chủng tộc, tôn giáo, dân tộc, hoặc do là thành viên của một nhóm xã hội cụ thể nào đó, hay vì quan điểm chính trị, đang ở ngoài đất nước mà người đó có quốc tịch và không thể, hoặc, do sự sợ hãi như vậy nên không muốn tiếp nhận sự bảo vệ của quốc gia đó.

4-2. Về việc xin công nhận người tị nạn

- Xin công nhận người tị nạn là cơ chế để người tị nạn đã chạy trốn khỏi đất nước của mình (tham khảo mục 4-1.) và tìm kiếm sự bảo vệ từ Nhật Bản. Người nước ngoài tại Nhật Bản có thể tiến hành nộp đơn xin công nhận tị nạn. Người nước ngoài được công nhận là người tị nạn sẽ được cấp Giấy chứng nhận người tị nạn và được cấp phép cư trú “Thường trú nhân” v.v...
- Căn cứ vào hồ sơ xin công nhận người tị nạn, người nước ngoài được công nhận là người tị nạn có thể được cấp Giấy thông hành tị nạn như giấy tờ đi lại thay cho hộ chiếu.
- Người nước ngoài được công nhận là người tị nạn và gia đình của người này có thể tham gia “Chương trình hỗ trợ thường trú” bao gồm giảng dạy tiếng Nhật và hướng dẫn sinh sống tại Nhật Bản, giới thiệu công việc v.v...

4-3. Đề nghị thẩm tra

Nếu không thỏa mãn với quyết định không công nhận là người tị nạn v.v..., có thể đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp thẩm tra.

Khi đưa ra quyết định đối với đề nghị thẩm tra, Bộ trưởng Bộ Tư pháp sẽ tham khảo ý kiến của các Cố vấn thẩm tra người tị nạn. Cố vấn thẩm tra người tị nạn là người có kiến thức về luật pháp và các vấn đề quốc tế v.v...

▣ Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy xác nhận tại trang chủ dưới đây:

http://www.moj.go.jp/isa/applications/guide/nanmin_tetuduki.html



5. Thủ tục trục xuất v.v...

5-1. Lý do trục xuất chủ yếu

- Lưu lại Nhật Bản quá thời gian cư trú (Kể cả quá 1 ngày cũng bị coi là lưu lại bất hợp pháp và trở thành đối tượng của thủ tục trục xuất. Do vậy, hãy chú ý.)
- Không được cấp phép hoạt động ngoài tư cách cư trú nhưng lại thực hiện hoạt động ngoài tư cách cư trú đang có, và có thu nhập hoặc thù lao.
- Trường hợp chịu hình phạt hình sự nhất định

5-2. Trường hợp bị trục xuất

Trường hợp bị trục xuất sau khi Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú địa phương tiến hành điều tra, theo nguyên tắc, sẽ không thể nhập cảnh vào Nhật Bản trong 5 năm hoặc 10 năm. Ngoài ra, trường hợp bị trục xuất do chịu hình phạt hình sự nhất định, theo nguyên tắc, sẽ không thể nhập cảnh vào Nhật Bản nữa.

5-3. Cơ chế lệnh trục xuất

Đây là cơ chế một người lưu lại bất hợp pháp xuất cảnh thông qua thủ tục rút gọn mà không bị giam giữ nếu thỏa mãn tất cả điều kiện dưới đây.

Trường hợp đã xuất cảnh theo cơ chế lệnh trục xuất, theo nguyên tắc, sẽ không thể nhập cảnh vào Nhật Bản trong 1 năm.

Điều kiện của cơ chế lệnh trục xuất

Để cơ chế lệnh trục xuất được áp dụng, cần thỏa mãn các điều kiện dưới đây.

Chương I. Thủ tục nhập cảnh, cư trú

- Tự đầu thú tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú địa phương với ý định xuất cảnh khỏi Nhật Bản
- Không bị trục xuất vì bất cứ lý do nào khác ngoài việc lưu lại bất hợp pháp
- Không bị phạt tù kèm theo hoặc không kèm theo chế tài cải tạo lao động do một số tội nhất định ví dụ như trộm cắp v.v... tại Nhật Bản
- Chưa từng bị trục xuất trong quá khứ
- Chưa từng xuất cảnh theo lệnh trục xuất
- Dự kiến chắc chắn sẽ nhanh chóng xuất cảnh khỏi Nhật Bản

5-4. Cấp phép đặc biệt để cư trú tại Nhật Bản

Ngay cả khi các thủ tục trục xuất được thực hiện, cũng có trường hợp được Bộ trưởng Bộ Tư pháp cấp phép đặc biệt để cư trú trên cơ sở xem xét quá trình sinh sống tại Nhật Bản và hoàn cảnh gia đình v.v...

6. Địa chỉ liên hệ về thủ tục xuất nhập cảnh và cư trú v.v...

>>> Phòng Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú địa phương

Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú Sapporo	12 Chome Odorinishi, Chuo-ku, Sapporo, Hokkaido, 060-0042	Điện thoại: 011-261-7502 (đại diện)
Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú Sendai	1-3-20 Gorin, Miyagino-ku, Sendai, Miyagi, 983-0842	Điện thoại: 022-256-6076 (đại diện)
Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú Tokyo	5-5-30 Konan, Minato-ku, Tokyo, 108-8255	Điện thoại: 0570-034-259 (từ điện thoại IP, nước ngoài: 03-5796-7234)
Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú Tokyo – Văn phòng chi nhánh Yotsuya	Tầng 14, tòa nhà Yotsuya, 1-6-1, Yotsuya, Shinjuku-ku, Tokyo, 160-0004	Điện thoại: 0570-011000 (số máy lẻ: 8) (từ điện thoại IP, nước ngoài: 03-5363-3013)
	Bộ phận thông tin Quản lý cư trú	Khai báo liên quan đến cơ quan trực thuộc, v.v..., Điện thoại: 03-5363-3032

Chương I. Thủ tục nhập cảnh, cư trú

		khai báo bởi cơ quan trực thuộc	
		Thủ tục xin cư trú trực tuyến	Điện thoại: 03-5363-3030
	Bộ phận quản lý thông tin	Quản lý hồ sơ thẩm tra	Điện thoại: 03-5363-3039
Chi cục sân bay Narita	Tầng 6, nhà ga số 2, sân bay quốc tế Narita, 1-1 Furugome, Narita, Chiba, 282-0004 (Bộ phận quản lý thẩm tra)		Điện thoại: 0476-34-2222 (đại diện) Điện thoại: 0476-34-2211
Chi cục sân bay Haneda	Tòa CIQ, 2-6-4 sân bay Haneda, Ota-ku, Tokyo, 144- 0041		Điện thoại: 03-5708-3202 (đại diện)
Chi cục Yokohama	10-7 Torihama-cho, Kanazawa-ku, Yokohama, Kanagawa, 236-0002		Điện thoại: 0570-045259 (từ điện thoại IP, nước ngoài: 045-769-1729)
Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú Nagoya	5-18, Shoho-cho, Minato-ku, Nagoya, Aichi, 455-8601		Điện thoại: 052-559-2150 (đại diện)
Chi cục sân bay Chubu	Trong tòa CIQ, 1-1 Centrair, Tokoname, Aichi, 479-0881		Điện thoại: 0569-38-7410 (đại diện)
Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú Osaka	1-29-53, Nankokita, Suminoe-ku, Osaka, 559- 0034		Điện thoại: 06-4703-2100 (đại diện)
Chi cục sân bay Kansai	1 Senshukukonaka, Tajiri- cho, Sennan-gun, Osaka, 549-0011		Điện thoại: 072-455-1453 (đại diện)
Chi cục Kobe	29 Kaigandori, Chuo-ku, Kobe, Hyogo, 650-0024		Điện thoại: 078-391-6377 (đại diện)

Chương I. Thủ tục nhập cảnh, cư trú

Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú Hiroshima	2-31 Kamihatchobori, Naka-ku, Hiroshima, 730-0012	Điện thoại: 082-221-4411 (đại diện)
Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú Takamatsu	1-1 Marunouchi, Takamatsu, Kagawa, 760-0033	Điện thoại: 087-822-5852 (đại diện)
Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú Fukuoka	3-5-25 Maizuru, Chuo-ku, Fukuoka, 810-0073	Điện thoại: 092-717-5420 (đại diện)
Chi cục Naha	1-15-15 Higawa, Naha, Okinawa, 900-0022	Điện thoại: 098-832-4185 (đại diện)
Trung tâm quản lý nhập cảnh Đông Nhật Bản	1766-1 Kuno-cho, Ushiku, Ibaraki, 300-1288	Điện thoại: 029-875-1291 (đại diện)
Trung tâm quản lý nhập cảnh Omura	644-3 Kogashimamachi, Omura, Nagasaki, 856-0817	Điện thoại: 0957-52-2121 (đại diện)

>>>Trung tâm hỗ trợ cư trú cho người nước ngoài

Trung tâm hỗ trợ cư trú cho người nước ngoài	Tầng 13, tòa nhà Yotsuya, 1-6-1, Yotsuya, Shinjuku-ku, Tokyo, 160-0004	Điện thoại: 0570-011000 (từ điện thoại IP, nước ngoài: 03-5363-3013)
--	--	---

>>>Trung tâm thông tin

Trung tâm thông tin tổng hợp về cư trú dành cho người nước ngoài	Bố trí tại: Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú Sendai, Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú Tokyo, Chi cục Yokohama trực thuộc Cục trên, Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú Nagoya, Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú Osaka, Chi cục Kobe trực thuộc Cục trên, Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú Hiroshima và Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú Fukuoka	Điện thoại: 0570-013904 (từ điện thoại IP,
Nơi bố trí tư vấn viên	Bố trí tại: Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú Sapporo, Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú	PHS, nước ngoài:

Chương I. Thủ tục nhập cảnh, cư trú

	Takamatsu và Chi cục Naha trực thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú Fukuoka	03-5796-7112)
--	---	---------------

Chương II. Thủ tục tại cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố

Chương II. Thủ tục tại cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố

1. Các khai báo cần thiết

1-1. Khai báo địa chỉ

Trong số người nước ngoài, những người dưới đây cần khai báo địa chỉ cho cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố.

Người cần khai báo

- Người có Thẻ cư trú (Người cư trú trung, dài hạn)
- Người vĩnh trú đặc biệt
- Người đã được cấp phép tị nạn tạm thời hoặc tạm trú
- Người có thể tiếp tục tạm thời ở lại sau khi sinh hoặc mất quốc tịch Nhật Bản

(1) Trường hợp đã nhập cảnh vào Nhật Bản và được cấp phép nhập cảnh mới

- Trong vòng 14 ngày kể từ ngày ấn định địa chỉ, cần thông báo chuyển đến cho cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố.
 - Khi khai báo, hãy đem theo Thẻ cư trú (Người cấp sau thì đem Hộ chiếu).
 - Trường hợp sống cùng với gia đình, cần tài liệu chứng minh mối quan hệ gia đình do cơ quan chính phủ cấp, ví dụ như Giấy chứng nhận kết hôn, Giấy chứng sinh v.v...
 - Trình tự sau khi đã thông báo chuyển đến như dưới đây.
 - ① Nếu thông báo chuyển đến thì đồng thời hoàn thành việc đăng ký địa chỉ đăng ký trên Thẻ cư trú.
 - ② Phiếu chứng nhận cư trú được lập.
 - Có ghi họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, địa chỉ v.v...
 - Có thể xin cấp Bản sao Phiếu chứng nhận cư trú để chứng minh tình hình sinh sống. (có mất phí)
 - ③ Cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố sẽ thông báo số định danh cá nhân (My Number) cho bạn.
- * Số định danh cá nhân (My Number): Là một dãy gồm 12 chữ số để ngay lập tức có thể xác định cá nhân bạn khi thực hiện các thủ tục an sinh xã hội, thuế, ứng phó thảm họa tại Nhật Bản.

Chương II. Thủ tục tại cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố

- ▣ Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy tham khảo mục 2 . Cơ chế Số định danh cá nhân (My Number).
- ④ Người chưa xin cấp Thẻ Số định danh cá nhân có thể xin cấp với mẫu đơn kèm theo thông báo Số định danh cá nhân.

(2) Trường hợp chuyển nhà

- ① Trường hợp chuyển đến xã, phường, quận, thành phố khác
 - Trước khi chuyển nhà→Thông báo chuyển đi cho cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi đã sinh sống
 - Sau khi chuyển nhà→Trong vòng 14 ngày kể từ khi chuyển nhà, thông báo chuyển đến cho cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi sinh sống mới
- ② Trường hợp chuyển nhà trong cùng xã, phường, quận, thành phố
Trong vòng 14 ngày kể từ khi chuyển nhà, thông báo chuyển nơi ở cho cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi đang sinh sống
- ③ Trường hợp chuyển ra nước ngoài
Trước khi chuyển, thông báo chuyển đi cho cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi đang sinh sống

- ▣ Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy xác nhận tại trang chủ dưới đây:

https://www.soumu.go.jp/main_sosiki/jichi_gyousei/c-gyousei/zairyu/english/move-in_move-out.html



1-2. Đăng ký kết hôn

Khi kết hôn ở Nhật Bản

- Đăng ký kết hôn tại cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố.
- Nếu cả hai người dự định kết hôn đều được công nhận là đủ điều kiện kết hôn và việc đăng ký được thụ lý thì cuộc hôn nhân được thiết lập.

(1) Giấy tờ cần thiết để đăng ký kết hôn

Người Nhật

- Bản sao hộ tịch của toàn bộ hộ

Chương II. Thủ tục tại cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố

Người nước ngoài

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kết hôn
- * Có thể được cấp sau khi làm thủ tục tại Đại sứ quán hoặc (Tổng) Lãnh sự quán tại Nhật Bản của nước mà người đó có quốc tịch (Chú ý 1).
- Khi nộp các tài liệu được viết bằng tiếng nước ngoài, ví dụ như Giấy chứng nhận đủ điều kiện kết hôn, cần đính kèm bản dịch tiếng Nhật của tất cả các tài liệu đó (Chú ý 2).

(Chú ý 1) Một số nước không cấp Giấy chứng nhận này. Trong trường hợp đó, cần nộp các tài liệu thay thế.

(Chú ý 2) Hãy ghi tên người dịch vào bản dịch. Người dịch có thể là chính bản thân người đăng ký kết hôn.

(2) Hiệu lực tại nước nhà

Cuộc hôn nhân được thiết lập tại Nhật Bản có hiệu lực tại Nhật Bản nhưng không hẳn là cuộc hôn nhân đó có hiệu lực tại nước nhà nơi người nước ngoài có quốc tịch. Hãy liên hệ Đại sứ quán hoặc (Tổng) Lãnh sự quán tại Nhật Bản để xác nhận cuộc hôn nhân được thiết lập tại Nhật Bản có hiệu lực hay không.

1-3. Đăng ký ly hôn

Khi ly hôn tại Nhật Bản

- Trường hợp cả hai người dự định ly hôn đều đồng ý ly hôn, sẽ đăng ký ly hôn tại cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố.
- Các điều kiện đăng ký ly hôn khác nhau tùy theo nơi ở và quốc tịch, nên về chi tiết hãy liên hệ cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố.
- Trường hợp đối phương không đồng ý ly hôn, sẽ tiến hành ly hôn theo hình thức hòa giải hoặc ly hôn theo hình thức xét xử tại tòa ở Tòa án gia đình.

(1) Hiệu lực tại nước nhà

Việc ly hôn được xác lập tại Nhật Bản có hiệu lực tại Nhật Bản nhưng không hẳn là việc ly hôn đó có hiệu lực tại nước nhà nơi người nước ngoài có quốc tịch. Hãy liên hệ Đại sứ quán hoặc (Tổng) Lãnh sự quán tại Nhật Bản để xác nhận việc ly hôn được xác lập tại Nhật Bản có hiệu lực hay không.

Chương II. Thủ tục tại cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố

(2) Trường hợp lo lắng đối phương tự ý nộp đơn đăng ký ly hôn

Trường hợp lo lắng đối phương (người Nhật) tự ý nộp đơn đăng ký ly hôn cho cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố, bạn có thể ngăn ngừa việc xác lập ly hôn bằng cách đến cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố của nơi đăng ký hộ khẩu của đối phương (người Nhật) hoặc nơi đăng ký địa chỉ cư trú của bạn để gửi Đơn yêu cầu không thụ lý đăng ký ly hôn.

1-4. Khai tử

Khi tử vong tại Nhật Bản

- Người thân, người sống chung v.v... phải khai tử
- Khai báo này cần thực hiện trong vòng 7 ngày kể từ ngày biết về việc tử vong.
- Hãy nộp khai báo này cho cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi người đó tử vong hoặc nơi đặt địa chỉ của người khai báo.

(1) Giấy tờ cần thiết để khai tử

- Giấy chứng tử hoặc Giấy khám nghiệm tử thi
- Về các giấy tờ cần thiết khác, hãy liên hệ cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi khai tử.

(2) Trả lại Thẻ cư trú

Trong vòng 14 ngày, hãy trả lại Thẻ cư trú của người nước ngoài đã tử vong bằng một trong những phương pháp dưới đây.

- Dem đến Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú địa phương gần đó.
- Gửi bưu điện đến địa chỉ dưới đây.

Địa chỉ gửi đến: 2-7-11, Aomi, Koto-ku, Tokyo, 135-0064, Tokyo Kowan Godo Chosha 9F, Tokyo Nyukoku Kanrikyoku Odaiba Bunshitsu [Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú Tokyo, Văn phòng chi nhánh Odaiba] (Bên ngoài phong bì hãy ghi: “Zairyu card henno (Trả lại Thẻ cư trú)”.)

Chương II. Thủ tục tại cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố

1-5. Đăng ký con dấu

Định nghĩa Đăng ký con dấu

- Thủ tục đăng ký con dấu (“inkan” hay còn gọi là “hanko”) tại cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố được gọi là Đăng ký con dấu.
→ Có thể cần đến trong một số hoàn cảnh quan trọng (hợp đồng mua bán bất động sản v.v...).

(1) Thủ tục đăng ký con dấu

Giấy tờ cần thiết để làm thủ tục

- Đơn đăng ký
 - Con dấu (hanko)
 - Giấy tờ xác nhận danh tính của người đăng ký con dấu (1 trong số các giấy tờ như Thẻ Số định danh cá nhân, Thẻ cư trú, Bằng lái xe v.v...)
- * Sau khi đăng ký xong, sẽ được cấp Thẻ đăng ký con dấu.
- * Để biết thêm thông tin chi tiết về thủ tục, hãy liên hệ với cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi bạn đang sinh sống.

(2) Giấy chứng nhận đăng ký con dấu

- Là tài liệu chứng minh con dấu (hanko) đã được đăng ký
→ Hãy xuất trình Thẻ đăng ký con dấu v.v... cho cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi bạn đang sinh sống khi xin cấp Giấy chứng nhận đăng ký con dấu.
- Ở một số xã, phường, quận, thành phố, có thể được cấp tại cửa hàng tiện lợi bằng cách sử dụng Thẻ Số định danh cá nhân.

2. Cơ chế Số định danh cá nhân (My Number)

2.1. Định nghĩa “Cơ chế Số định danh cá nhân”

- Các trường hợp cần Số định danh cá nhân chủ yếu như dưới đây.
 - ① Khi nhận lương hưu, trợ cấp chăm sóc trẻ em, dịch vụ y tế lương hưu
 - ② Khi gửi tiền ra nước ngoài, hoặc khi nhận tiền từ nước ngoài
 - ③ Khi mở tài khoản ngân hàng
- Khi sử dụng Số định danh cá nhân, sẽ xác nhận:

Chương II. Thủ tục tại cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố

- ① Số đó có đúng là Số định danh cá nhân của bạn không
- ② Bạn có đúng là cùng một người với người trên giấy tờ nhân thân kèm ảnh, ví dụ như hộ chiếu v.v... không

Như vậy, người khác không thể mạo danh sử dụng Số định danh cá nhân của bạn.

2-2. Thẻ Số định danh cá nhân

Thẻ Số định danh cá nhân là thẻ có chip IC, cần thiết để sinh sống thuận tiện tại Nhật Bản.

(1) Nội dung ghi trên thẻ

Mặt trước: Họ tên, địa chỉ, ngày tháng năm sinh, giới tính, ảnh thẻ

Mặt sau: Số định danh cá nhân



【おもて面】



【うら面】

(2) Khi nào sử dụng?

- Sử dụng như là giấy tờ xác nhận danh tính chính thức
- Khai thuế thu nhập trực tuyến
- Xin cấp trợ cấp chăm sóc trẻ em, làm thủ tục xin đi học nhà trẻ v.v... trực tuyến
- Lấy Bản sao Phiếu chứng nhận cư trú tại cửa hàng tiện lợi (có thể lấy ngay cả vào ngày nghỉ)
- Sử dụng với tư cách Thẻ bảo hiểm y tế (kế hoạch)

(3) Cách xin cấp thẻ

Hãy nộp đơn xin cấp Thẻ Số định danh cá nhân khi làm thủ tục thông báo chuyển đến tại cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố, sau khi đã ấn định địa chỉ tại Nhật Bản.

Khi xin cấp thẻ lần đầu tiên, có thể xin cấp miễn phí.

Người không thể xin cấp thẻ khi làm thủ tục thông báo chuyển đến thì Đơn xin cấp Thẻ Số định danh cá nhân sẽ được gửi tới nhà sau. Có thể sử dụng Đơn xin cấp để xin cấp thẻ theo các cách dưới đây.

Chương II. Thủ tục tại cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố

① Xin cấp bằng điện thoại thông minh

Chụp ảnh thẻ bằng điện thoại thông minh, truy cập trang web dùng cho việc xin cấp thẻ từ mã QR của mẫu đơn xin cấp

② Xin cấp bằng máy tính

Chụp ảnh thẻ bằng máy ảnh kỹ thuật số, truy cập trang web dùng cho việc xin cấp thẻ

③ Xin cấp bằng đường bưu điện

Dán ảnh thẻ vào Đơn xin cấp thẻ, điền các mục cần thiết, cho vào phong bì và bỏ vào thùng thư

④ Xin cấp tại buồng chụp ảnh dùng để chứng minh (Chỉ riêng các loại thiết bị tương thích)

Thao tác trên màn hình cảm ứng, bỏ tiền vào, giơ mã QR của mẫu đơn xin cấp lên trước đầu đọc mã vạch. Điền các mục cần thiết, chụp ảnh rồi gửi đi.

⑤ Xin cấp tại quầy làm việc của cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi bạn đang sinh sống (trừ một số trường hợp)

Điền các mục cần thiết vào Đơn xin cấp rồi nộp cho cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi bạn đang sinh sống

* Nếu xin cấp thẻ tại quầy làm việc của cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố thì cũng có thể nhận Thẻ Số định danh cá nhân qua đường bưu điện.

☛ Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy xác nhận tại trang chủ dưới đây:

<https://www.kojinbango-card.go.jp/en-kofushinse/>



(4) Cách nhận thẻ

Khoảng 1 tháng sau khi xin cấp thẻ, bưu thiếp sẽ được cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố gửi đến nhà.

Dem theo bưu thiếp đó và các giấy tờ cần thiết khi đi nhận Thẻ Số định danh cá nhân của bạn.

☛ Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy xác nhận tại trang chủ dưới đây:

<https://www.kojinbango-card.go.jp/en-uketori/>



Chương II. Thủ tục tại cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố

2-3. Một số lưu ý liên quan đến việc sử dụng Thẻ Số định danh cá nhân

- Trường hợp có thay đổi về họ tên, địa chỉ v.v..., cần thông báo cho cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi bạn đang sinh sống.
 - Thời hạn có hiệu lực của Thẻ Số định danh cá nhân giống như thời hạn cư trú.
 - Sau khi gia hạn thời hạn cư trú, trong thời gian Thẻ Số định danh cá nhân còn hiệu lực, hãy làm mới Thẻ tại cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi bạn đang sinh sống.
- * Ngay cả khi thời hạn cư trú đã được gia hạn thì thời hạn có hiệu lực của Thẻ Số định danh cá nhân cũng không tự động thay đổi.
- * Cần chú ý về thời hạn đặc biệt phát sinh khi xin cấp phép cư trú.

Trường hợp có khả năng không được cấp phép gia hạn thời hạn cư trú trước thời hạn có hiệu lực của Thẻ Số định danh cá nhân, cần phải gia hạn thời hạn có hiệu lực của Thẻ Số định danh cá nhân trong 2 tháng (thời hạn đặc biệt).

Sau khi lấy Thẻ cư trú mới, cần phải thực hiện việc gia hạn lại thời hạn có hiệu lực của Thẻ Số định danh cá nhân cho đến thời hạn cư trú mới.

- ▣ Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy xác nhận tại trang chủ dưới đây:

https://www.soumu.go.jp/main_sosiki/jichi_gyousei/c-gyousei/zairyu/english/basic_resident_registration_card.html



2-4. Các vấn đề khác

Về các vấn đề khác, hãy xác nhận tại trang chủ dưới đây:

- ▣ Cơ chế Số định danh cá nhân

<https://www.cao.go.jp/bangouseido/foreigners/index.html>



- ▣ Thẻ Số định danh cá nhân

<https://www.kojinbango-card.go.jp/en/>



Bạn cũng có thể hỏi qua điện thoại.

- Trung tâm cuộc gọi

(Thứ 2 ~ thứ 6: 9:30-20:00; thứ 7, chủ nhật: 9:30-17:30)

◎ Tiếng Nhật

TEL 0120-95-0178

◎ Tiếng Anh, Tiếng Trung, Tiếng Hàn, Tiếng Tây Ban Nha, Tiếng Bồ Đào Nha

Chương II. Thủ tục tại cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố

TEL 0120-0178-27

Chương III. Việc làm và lao động

1. Kiến thức cơ bản trước khi bắt đầu công việc

1-1. Tư cách cư trú

Người nước ngoài được phép hoạt động tại Nhật Bản trong phạm vi của tư cách cư trú đã được cấp phép.

Trên quan điểm có được phép làm việc hay không, người nước ngoài có thể được chia ra thành 3 nhóm chủ yếu như dưới đây.

Tư cách cư trú có thể làm việc trong phạm vi quy định

Ngoại giao, Công vụ, Giáo sư, Nghệ thuật, Tôn giáo, Báo chí, Chuyên gia có kỹ năng cao, Quản trị/quản lý, Công việc pháp lý/kế toán, Y tế, Nghiên cứu, Giáo dục, Công việc kỹ thuật/kiến thức nhân văn/quốc tế, Chuyển công tác nội bộ, Hộ lý, Giải trí, Lao động có tay nghề, Lao động có tay nghề đặc định, Thực tập kỹ thuật, Hoạt động đặc định (Lao động kết hợp kỳ nghỉ, Hộ lý và điều dưỡng viên người nước ngoài v.v... dựa trên Thỏa thuận hợp tác kinh tế (EPA))

Tư cách cư trú mà theo nguyên tắc không được làm việc

Hoạt động văn hóa, Cư trú ngắn hạn, Du học, Học viên khóa đào tạo, Đoàn tụ gia đình

Tư cách cư trú không hạn chế hoạt động làm việc

Người vĩnh trú, vợ/chồng/con của người có quốc tịch Nhật Bản, Vợ/chồng/con của người vĩnh trú, Thường trú nhân

1-2. Hình thức làm việc

(1) Lao động phái cử (Nhân viên phái cử)

- Phái cử là hình thức làm việc nêu dưới đây.
 - ① Người lao động ký kết hợp đồng lao động với công ty phái cử (bên phái cử). (Công ty phái cử là người sử dụng lao động, trả lương cho người lao động.)
 - ② Người lao động được phái cử đến công ty (công ty tiếp nhận phái cử) mà công ty phái cử đã ký kết Hợp đồng phái cử người lao động.

Chương III. Việc làm và lao động

③ Người lao động làm việc theo hướng dẫn và chỉ đạo của công ty tiếp nhận phái cử.

- Để bảo vệ lao động phái cử, Luật Phái cử lao động đặt ra các quy định mà công ty phái cử và công ty tiếp nhận phái cử phải tuân thủ.
- Vì cả công ty phái cử và công ty tiếp nhận phái cử đều có tư vấn viên nên có thể xin tư vấn với người phụ trách nếu gặp phải vấn đề hay sự cố trong công việc.
- Trường hợp làm công việc phái cử, cả công ty phái cử và công ty tiếp nhận phái cử đều được phân chia trách nhiệm, bao gồm các điều khoản liên quan đến tiêu chuẩn lao động và an toàn, vệ sinh.

(2) Nhân viên hợp đồng (Nhân viên hợp đồng lao động có thời hạn)

- Nhân viên hợp đồng là người lao động ký hợp đồng lao động có quy định thời hạn với chủ doanh nghiệp.
- Trường hợp ký kết hợp đồng lao động đã ấn định sẵn thời hạn hợp đồng, khi hết thời hạn hợp đồng thì thỏa thuận cũng sẽ tự động chấm dứt.
Tuy nhiên, có thể gia hạn thời hạn hợp đồng nếu người lao động và công ty đồng ý ký lại (gia hạn) hợp đồng lao động.
- Thời hạn hợp đồng tối đa là 3 năm 1 lần (ngoại trừ một số trường hợp).

(3) Lao động bán thời gian

- Lao động bán thời gian là người lao động có thời gian lao động hàng tuần theo hợp đồng (*) ngắn hơn so với người lao động bình thường (được gọi là “Nhân viên chính thức”) được thuê bởi cùng một chủ doanh nghiệp.

Người lao động thỏa mãn điều kiện này đều là Lao động bán thời gian, dù cho cách gọi có là “Người làm bán thời gian”, “Lao động bán thời gian tạm thời (Arubaito)”, “Nhân viên hợp đồng”, “Nhân viên tạm thời” hay “Nhân viên phụ” v.v... đi chăng nữa.

- (*) Thời gian lao động hàng tuần theo hợp đồng chỉ thời gian lao động sau khi trừ thời gian nghỉ ngơi khỏi khoảng thời gian từ thời khắc bắt đầu cho đến thời khắc kết thúc công việc đã được quy định trong quy chế làm việc v.v...

Chương III. Việc làm và lao động

- Lao động bán thời gian cũng được áp dụng các Luật về lao động. Do đó, nếu đáp ứng các điều kiện nhất định thì:
 - ① Có thể được nghỉ phép có lương hàng năm.
 - ② Được áp dụng bảo hiểm việc làm, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm hưu trí người lao động.
- Khi tuyển dụng người lao động, các công ty có các nghĩa vụ dưới đây.
 - ① Nêu rõ điều kiện lao động.
 - ② Liên quan đến 6 điều kiện đặc biệt quan trọng thì theo nguyên tắc phải cung cấp văn bản (Tham khảo mục 1-3 (2)).

Ngoài những điều trên, trường hợp Lao động bán thời gian hay Nhân viên hợp đồng (Nhân viên hợp đồng lao động có thời hạn) thì trên nguyên tắc còn phải nêu rõ bằng các phương pháp như phát hành văn bản v.v... về việc “có tăng lương không”, “có tiền thưởng không”, “có trợ cấp nghỉ việc không”, “đầu mối tư vấn liên quan đến cải thiện quản lý, bố trí lao động v.v...”.

(4) Người làm việc trên cơ sở ký kết hợp đồng ủy thác nghiệp vụ (hợp đồng dịch vụ)

Nguyên tắc

- Trường hợp làm việc trên danh nghĩa “Hợp đồng ủy thác nghiệp vụ” hoặc “Hợp đồng dịch vụ”, vì được trả thù lao khi hoàn thành công việc đã nhận từ khách hàng nên được coi là “Người tự làm chủ” không nhận chỉ đạo của khách hàng, về cơ bản, không nhận được sự bảo vệ như “Người lao động”.

Ngoại lệ

- Tuy nhiên, cho dù ký kết trên danh nghĩa “Hợp đồng ủy thác nghiệp vụ” hoặc “Hợp đồng dịch vụ” đi nữa, nếu xét từ cách làm việc thực tế mà được đánh giá kết luận là “Người lao động” nhận chỉ thị của khách hàng thì có thể nhận được sự bảo vệ như “Người lao động”.
- Nếu gặp khó khăn khi đánh giá kết luận về việc có phải là “Người lao động” hay không, hãy tham vấn Văn phòng Thanh tra Tiêu chuẩn Lao động.

1-3. Hợp đồng lao động

(1) Phạm vi thuật ngữ “Người lao động”

- “Người lao động” là người làm việc dưới sự hướng dẫn và chỉ đạo của người sử dụng lao động, nhận tiền lương như là khoản thù lao cho công việc và có thể nhận được sự bảo vệ của một số quy định về lao động bao gồm Luật Tiêu chuẩn lao động v.v...
- Là “Người lao động” hay không thì không phụ thuộc ngành nghề công việc. Không chỉ nhân viên chính thức mà nhân viên phái cử, nhân viên hợp đồng, người làm bán thời gian, lao động bán thời gian tạm thời (Arubaito) nói chung đều là “Người lao động”.

(2) Nêu rõ điều kiện lao động

- Để tránh việc người lao động bắt đầu làm việc trong tình trạng không hiểu rõ về các điều kiện lao động như tiền lương, thời gian lao động v.v... dẫn đến sau đó phát sinh rắc rối với công ty, Luật Tiêu chuẩn lao động của Nhật Bản (một trong các bộ Luật về lao động) quy định công ty có nghĩa vụ phải nêu rõ về điều kiện lao động cho người lao động khi ký kết hợp đồng lao động.
- Liên quan đến các mục đặc biệt quan trọng dưới đây, theo nguyên tắc, công ty phải nêu rõ bằng cách cung cấp văn bản cho người lao động (Trường hợp ngoại lệ, nếu bản thân người lao động mong muốn thì cũng có thể nêu rõ qua đường FAX hoặc Email v.v... (giới hạn trong điều kiện có thể xuất ra lập thành văn bản).

① Hợp đồng từ bao giờ đến bao giờ (liên quan đến thời hạn hợp đồng)

- * Khi ký kết hợp đồng lao động, có trường hợp ấn định thời hạn hợp đồng và trường hợp không ấn định thời hạn hợp đồng. Chỉ với tên gọi cách làm việc như nhân viên chính thức, nhân viên hợp đồng, lao động bán thời gian, lao động bán thời gian tạm thời (Arubaito) v.v... thì không thể kết luận là có ấn định thời hạn hợp đồng hay không. Không chỉ tên gọi cách làm việc mà hãy xác nhận cẩn thận thời hạn hợp đồng nữa.

② Các điều khoản liên quan đến việc gia hạn hợp đồng trong trường hợp ký kết hợp đồng có ấn định thời hạn (có gia hạn hay không, nếu có gia hạn thì quyết định bằng cách nào v.v...)

Chương III. Việc làm và lao động

- ③ Làm việc ở đâu, công việc như thế nào (địa điểm làm việc, nội dung công việc)
 - ④ Điều khoản về thời gian làm việc và nghỉ ngơi (thời khắc bắt đầu và kết thúc công việc, có làm thêm giờ hay không, thời gian nghỉ ngơi, ngày nghỉ, nghỉ phép, luân phiên thay ca v.v...)
 - ⑤ Tiền lương là bao nhiêu, bao giờ được trả, cách thức trả như thế nào (quyết định tiền lương, phương pháp tính toán, phương pháp thanh toán, thời gian tính toán và ngày thanh toán)
 - ⑥ Điều khoản về kết thúc hợp đồng lao động (Bao gồm lý do sa thải.)
- Ngoài ra, Luật Hợp đồng lao động quy định rằng người sử dụng lao động và người lao động cần xác nhận bằng văn bản càng chi tiết càng tốt về cả những nội dung trong hợp đồng lao động ngoài các mục nêu trên.

- Một điểm quan trọng Điều khoản cấm đưa vào hợp đồng lao động

Luật Tiêu chuẩn lao động quy định cả những điều khoản mà người sử dụng lao động không được đưa vào hợp đồng lao động.

1. Bất trả tiền vi phạm hợp đồng khi người lao động vi phạm hợp đồng lao động, hoặc quy định trước khoản bồi thường thiệt hại.

Điều này là để cấm quy định trước tiền vi phạm hợp đồng, hoặc khoản bồi thường thiệt hại. Do đó, điều này không phải để cấm công ty yêu cầu bồi thường thiệt hại thực sự phát sinh do kết quả của một hành động cố ý hoặc bất cẩn của người lao động, mà là để không cam kết trước số tiền bồi thường thiệt hại.

2. Lấy việc lao động làm điều kiện và ứng trước tiền cho người lao động, đơn phương bắt trả nợ dưới hình thức khấu trừ từ tiền lương hàng tháng.

3. Bắt buộc người lao động phải tiết kiệm thông qua công ty.

Nghiêm cấm việc bắt buộc tiết kiệm tiền vì bất kể lý do gì, kể cả là để dành phúc lợi cho người lao động, ví dụ như tổ chức chuyên du lịch cho nhân viên công ty v.v... Tuy nhiên, trong một số điều kiện nhất định, cho phép việc người lao động uỷ thác cho công ty quản lý tiền tiết kiệm căn cứ vào quyết định của chính người lao động, bất kể quy định của hợp đồng lao động.

- Một điểm quan trọng Nếu điều kiện lao động khác với cam kết khi ký hợp đồng

- Khi một người lao động bắt đầu làm việc và nhận thấy rằng các điều kiện lao động thực tế khác với cam kết tại thời điểm ký kết hợp đồng lao động, người này có thể hủy bỏ ngay hợp đồng lao động với lý do này.
- Điều kiện lao động được quyết định dựa trên hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động và người sử dụng lao động, quy chế làm việc của công ty v.v..., tiêu chuẩn tối thiểu được quy định trong Luật Tiêu chuẩn lao động (Điều kiện lao động không đạt tiêu chuẩn quy định trong Luật Tiêu chuẩn lao động sẽ trở nên vô hiệu, phần vô hiệu sẽ dựa trên tiêu chuẩn quy định trong Luật Tiêu chuẩn lao động.).
- Theo nguyên tắc, sau khi đã bắt đầu làm việc thực tế, công ty không thể đơn phương thay đổi thành điều kiện làm việc bất lợi cho người lao động mà không được sự đồng ý của người lao động.

1-4. Tiền lương

(1) Định nghĩa “Lương tối thiểu”

Là khoản tiền lương tối thiểu công ty phải trả, được quy định trong Luật Lương tối thiểu.

(2) Đặc trưng của Lương tối thiểu

- ① Được áp dụng cho mọi người lao động, bất kể sự khác biệt về cách làm việc.
- ② Hợp đồng lao động với mức lương dưới lương tối thiểu không có giá trị. Cho dù đã ký hợp đồng theo đề nghị của công ty đi nữa, hợp đồng này cũng trở nên vô hiệu, và sau đó có thể yêu cầu thanh toán $[\text{Khoản chênh lệch với lương tối thiểu}] \times [\text{Số thời gian đã làm việc}]$.

(3) Trợ cấp nghỉ làm

Trường hợp người lao động nghỉ làm do trách nhiệm của công ty

Để đảm bảo mức sống tối thiểu của người lao động, công ty phải trả tiền trợ cấp nghỉ làm ít nhất 60% lương trung bình. Do đó, người lao động được đảm bảo mức lương nhất định trong trường hợp nghỉ làm do trách nhiệm của công ty.

2. Quy định khi làm việc

2-1. Cách thức trả lương

4 nguyên tắc được đặt ra để đảm bảo tiền lương được trả đầy đủ cho người lao động.

① Nguyên tắc trả lương bằng tiền

Nguyên tắc...Tiền lương phải được trả bằng tiền mặt.

Ngoại lệ... Trường hợp người lao động đồng ý, cũng có thể chuyển khoản ngân hàng v.v...

Trường hợp công ty và công đoàn có cam kết, có thể trả bằng hiện vật (sản phẩm của công ty v.v...)

② Nguyên tắc trả lương trực tiếp

Tiền lương phải được trả trực tiếp cho chính người lao động.

③ Nguyên tắc trả lương đầy đủ

Nguyên tắc...Tiền lương phải được trả đầy đủ.

Ngoại lệ... Khấu trừ theo quy định pháp luật các khoản như thuế thu nhập, phí bảo hiểm xã hội v.v...

Khấu trừ một phần trong trường hợp có thỏa thuận bằng văn bản với công đoàn hoặc người đại diện cho đa số người lao động.

④ Nguyên tắc trả lương định kỳ ít nhất 1 lần mỗi tháng

Nguyên tắc...Tiền lương phải được trả ít nhất 1 lần mỗi tháng vào một ngày cố định.

→ Ví dụ, không được phép trả gộp tiền lương 2 tháng. Ngoài ra, việc không chỉ định ngày trả lương ví dụ như "từ ngày 20 đến ngày 25 hàng tháng", hoặc đặt ngày trả lương biến động trong phạm vi 7 ngày trong tháng ví dụ như "ngày thứ sáu của tuần thứ tư hàng tháng" là không được phép.

Ngoại lệ...Tiền lương bất thường và tiền thưởng

2-2. Thời gian lao động, nghỉ giữa giờ, ngày nghỉ

(1) Thời gian lao động

- Thời gian làm việc tối đa được quy định theo pháp luật.
- Luật Tiêu chuẩn lao động quy định theo nguyên tắc trong vòng 8 tiếng 1 ngày, trong vòng 40 tiếng 1 tuần (thời gian lao động theo pháp luật quy định).

Chương III. Việc làm và lao động

- Trường hợp công ty muốn người lao động làm thêm giờ, công ty phải trả tiền lương làm thêm giờ.

(2) Nghỉ giữa giờ

Công ty phải cho phép người lao động, trong giờ làm việc được nghỉ giữa giờ ít nhất 45 phút nếu thời gian lao động 1 ngày vượt quá 6 tiếng và ít nhất 60 phút nếu vượt quá 8 tiếng.

(3) Ngày nghỉ

Công ty phải cho người lao động ngày nghỉ (ngày nghỉ theo pháp luật quy định) ít nhất 1 lần nghỉ mỗi tuần, hoặc ít nhất 4 ngày nghỉ trong khoảng thời gian 4 tuần.

(4) Nghĩa vụ liên quan đến việc quyết định điều kiện lao động của nhân viên phái cử

Bên phái cử chịu trách nhiệm quyết định điều kiện lao động của nhân viên phái cử bao gồm thời gian lao động, nghỉ giữa giờ, ngày nghỉ v.v..., nhưng công ty tiếp nhận nhân viên phái cử có trách nhiệm tuân thủ các điều kiện đó.

• Một điểm quan trọng Nghỉ phép có lương hàng năm

Nghỉ phép có lương hàng năm là kỳ nghỉ mà người lao động được trả tiền lương mặc dù không làm việc vào những ngày này. Theo nguyên tắc, người lao động có thể hưởng ngày nghỉ phép có lương vào ngày mà mình mong muốn, mục đích sử dụng tự do. Người lao động đã làm việc liên tục trong 6 tháng và đi làm ít nhất 80% tổng số ngày làm việc có thể được nghỉ phép có lương hàng năm 10 ngày. Hơn nữa, khi số năm làm việc liên tục của người lao động tăng lên, số ngày nghỉ có lương mà người này có thể hưởng hàng năm sẽ tăng lên miễn là đáp ứng điều kiện đi làm ít nhất 80% số ngày làm việc (tối đa là 20 ngày). Thêm vào đó, đối với người lao động được nghỉ phép có lương hàng năm từ 10 ngày trở lên, mỗi năm, công ty phải cho nghỉ 5 ngày trong số ngày nghỉ phép đó bằng cách chỉ định mùa, thời điểm cụ thể v.v...

Ngoài ra, những người lao động như nhân viên phái cử và lao động bán thời gian v.v..., mặc dù có hình thức lao động khác với nhân viên chính thức, nhưng được cho

phép cùng số ngày nghỉ như nhân viên chính thức, miễn là thỏa mãn 3 điều kiện dưới đây:

- Làm việc liên tục trong 6 tháng (*)
- Đi làm ít nhất 80% số ngày làm việc
- Làm việc ít nhất 5 ngày 1 tuần hoặc 217 ngày 1 năm

(Ngay cả trong trường hợp chỉ làm việc 4 ngày 1 tuần hoặc ít hơn, hoặc 216 ngày 1 năm hoặc ít hơn, nếu thời gian lao động hàng tuần theo hợp đồng từ 30 tiếng trở lên, thì sẽ được nghỉ phép có lương tương đương với nhân viên chính thức.)

Thời gian lao động hàng tuần theo hợp đồng là 4 ngày hoặc ít hơn, đồng thời số ngày lao động trong 1 năm là 216 ngày hoặc ít hơn, và thời gian lao động hàng tuần theo hợp đồng dưới 30 tiếng thì được nghỉ phép có lương tương ứng với số ngày làm việc.

Khi nhân viên hợp đồng có thời hạn gia hạn hợp đồng, trong trường hợp việc gia hạn hợp đồng không khác với làm việc liên tục thì phần làm việc trong thời gian trước khi gia hạn cũng được tính.

2-3. Làm thêm giờ và làm việc vào ngày nghỉ

(1) Làm thêm giờ và làm việc vào ngày nghỉ

- Trong những trường hợp dưới đây, công ty phải thỏa thuận bằng văn bản (dưới đây gọi là “Thỏa thuận 36”) với công đoàn được tổ chức bởi đa số người lao động, hoặc đại diện của đa số người lao động nếu không có công đoàn được tổ chức bởi đa số người lao động.

- ① Trường hợp công ty muốn người lao động làm việc quá thời gian lao động theo pháp luật quy định
- ② Trường hợp công ty muốn người lao động làm việc vào ngày nghỉ theo pháp luật quy định

- Pháp luật giới hạn mức làm thêm giờ tối đa.
- Luật Tiêu chuẩn lao động quy định theo nguyên tắc, mức tối đa này là 45 tiếng mỗi tháng, 360 tiếng mỗi năm. (Ngay cả trong trường hợp có tình huống đặc biệt, bất thường đi nữa thì hạn mức là 720 tiếng mỗi năm, dưới 100 tiếng một tháng (bao gồm làm việc vào ngày nghỉ), 80 tiếng trung bình nhiều tháng (bao gồm làm

Chương III. Việc làm và lao động

việc vào ngày nghỉ), số tháng được phép làm thêm giờ quá 45 tiếng là 6 lần trong 1 năm.)

(2) Tiền lương làm thêm giờ

Theo Thỏa thuận 36, công ty phải trả tiền lương làm thêm giờ trong trường hợp muốn người lao động làm việc quá thời gian lao động theo pháp luật quy định, hoặc làm việc vào ngày nghỉ theo pháp luật quy định.

● Một điểm quan trọng Cách tính tiền lương làm thêm giờ

① Tăng 25% trở lên khi yêu cầu người lao động làm việc quá thời gian lao động theo pháp luật quy định

* Khi làm việc quá thời gian lao động theo pháp luật quy định hơn 60 tiếng 1 tháng, phải trả tiền lương làm thêm giờ tăng từ 50% trở lên. (Doanh nghiệp vừa và nhỏ được hoãn chấp hành đến tháng 3 năm 2023)

② Tăng 35% trở lên khi yêu cầu người lao động làm việc vào ngày nghỉ theo pháp luật quy định (làm việc vào ngày nghỉ)

③ Tăng 25% trở lên khi yêu cầu người lao động làm việc đêm khuya trong khoảng thời gian từ 10 giờ tối đến 5 giờ sáng (lao động đêm khuya)

Ví dụ, trường hợp làm việc ngoài thời gian lao động theo pháp luật quy định, đồng thời cũng là lao động đêm khuya (①+③) thì tiền lương được trả sẽ tăng từ 50% trở lên.

Tiền lương làm thêm giờ được áp dụng cho tất cả người lao động, bất kể hình thức nào. Do đó, phải trả cho cả nhân viên phái cử, nhân viên hợp đồng, lao động bán thời gian, lao động bán thời gian tạm thời (Arubaito).

2-4. Quản lý sức khỏe người mẹ, nghỉ thai sản, nghỉ chăm con, nghỉ chăm sóc người thân

(1) Mang thai

• Người lao động nữ đang mang thai (bao gồm cả một số người lao động nữ sau khi sinh) có thể yêu cầu các việc dưới đây.

① Chuyển đổi sang công việc nhẹ nhàng khác (chỉ khi đang mang thai)

Chương III. Việc làm và lao động

- ② Thời gian lao động trong 1 tuần hoặc 1 ngày không vượt quá số giờ pháp luật quy định (bao gồm cả trường hợp áp dụng Cơ chế thời gian lao động linh hoạt) (thai phụ và sản phụ)
 - ③ Không làm thêm giờ, làm việc vào ngày nghỉ, làm việc đêm khuya (thai phụ và sản phụ)
- * Công ty phải thực hiện các biện pháp dưới đây.
- ① Đảm bảo thời gian để người lao động nữ nhận được hướng dẫn về sức khỏe hoặc khám sức khỏe dành cho thai phụ và sản phụ
 - ② Thực hiện các biện pháp ví dụ như thay đổi giờ làm và giảm công việc v.v... để người lao động nữ có thể tuân thủ các chỉ dẫn nhận được từ bác sĩ hoặc nữ hộ sinh khi khám sức khỏe v.v...
- Cấm các việc dưới đây.
- ① Quy định việc kết hôn, mang thai hoặc sinh con như một lý do để cho lao động nữ nghỉ việc
 - ② Lấy việc kết hôn làm lý do sa thải người lao động nữ
 - ③ Sa thải hoặc đối xử bất lợi đối với người lao động nữ vì lý do người lao động nữ đó mang thai, sinh con, yêu cầu cho nghỉ thai sản v.v...
- * Việc sa thải người lao động nữ đang mang thai hoặc trong năm đầu tiên sau khi sinh con là không có hiệu lực. Tuy nhiên, điều này sẽ không được áp dụng khi công ty chứng minh được việc sa thải không phải vì lý do mang thai, sinh con v.v...

(2) Nghỉ thai sản

- Người lao động nữ đang mang thai có thể nghỉ làm trong khoảng thời gian dưới đây.
 - ① 6 tuần trước khi sinh, căn cứ vào yêu cầu của bản thân lao động nữ (trong vòng 14 tuần với trường hợp đa thai)
 - ② Khoảng thời gian không được bắt lao động nữ làm việc là trong vòng 8 tuần sau khi sinh con (Tuy nhiên, sau 6 tuần kể từ khi sinh con, nếu bản thân lao động nữ yêu cầu thì có thể làm công việc mà bác sĩ công nhận là không gây ra tác động xấu)

(3) Nghỉ chăm con

- Nghỉ chăm con là việc người lao động nam, nữ xin phép nghỉ làm cho đến khi con người đó được 1 tuổi (tối đa 2 tuổi trong một số trường hợp nhất định).
- Công ty (áp dụng với cả công ty tiếp nhận phái cử) không được thực hiện các việc dưới đây.
 - ① Từ chối đơn xin nghỉ chăm con
 - ② Sa thải hoặc đối xử bất lợi vì lý do người lao động đã yêu cầu được nghỉ hoặc đã nghỉ chăm con

(4) Nghỉ chăm sóc người thân

- Người lao động có thể được nghỉ làm trong các trường hợp dưới đây (Luật Nghỉ để chăm con và người thân)
 - ① Nghỉ làm để chăm sóc người thân đang trong tình trạng cần chăm sóc
 - ② Thời gian nghỉ làm có thể được chia tối đa 3 lần trong tối đa 93 ngày cho mỗi người thân cần chăm sóc.
- Công ty (áp dụng với cả công ty tiếp nhận phái cử) không được thực hiện các việc dưới đây.
 - ① Từ chối đơn xin nghỉ chăm sóc người thân
 - ② Sa thải hoặc đối xử bất lợi vì lý do người lao động đã yêu cầu được nghỉ hoặc đã nghỉ chăm sóc người thân

• Một điểm quan trọng Các loại tiền trợ cấp

• Người thỏa mãn điều kiện trong thời gian nghỉ thai sản có thể nhận được tiền trợ cấp sinh con.

→Hãy tham khảo mục 3-2 trong Chương IV.

• Người nghỉ chăm con và thỏa mãn một số điều kiện nhất định có thể nhận được tiền trợ cấp nghỉ chăm con.

→Hãy tham khảo mục 3-3 trong Chương IV.

• Người nghỉ chăm sóc người thân và thỏa mãn một số điều kiện nhất định có thể nhận được tiền trợ cấp nghỉ chăm sóc người thân.

→Khoản tiền trợ cấp nghỉ chăm sóc người thân tương đương với 67% tiền lương trước khi nghỉ làm, tối đa 93 ngày, 3 lần cho mỗi người thân cần chăm sóc.

2-5. Nghỉ việc, sa thải v.v...

(1) Nghỉ việc

- Nghỉ việc công ty là tự do của người lao động, nhưng cần tuân thủ các quy định của xã hội ở Nhật Bản, ví dụ như những điều dưới đây.
 - ① Thông báo trước cho cấp trên về ý định nghỉ việc
 - ② Thông báo bằng văn bản
 - ③ Bàn giao công việc
- Khi quyết định nghỉ việc, trước tiên cần phải tìm hiểu xem thủ tục nghỉ việc tại công ty mình đang làm việc được quy định như thế nào.
- Trường hợp trong quy chế làm việc của công ty có quy định thủ tục nghỉ việc, hãy tiến hành thủ tục theo quy chế đó.
- Ngoài ra, khi nộp đơn xin nghỉ việc, việc áp dụng quy định pháp luật sẽ khác nhau tùy thuộc vào việc hợp đồng lao động được ký kết có hay không xác định thời hạn.

Trường hợp hợp đồng lao động không xác định thời hạn hợp đồng

- Nếu nộp đơn nghỉ việc, theo nguyên tắc, hợp đồng lao động sẽ chấm dứt sau 2 tuần.

Trường hợp hợp đồng lao động có xác định thời hạn hợp đồng

- Nếu không có lý do bất khả kháng thì không thể nghỉ việc khi còn thời hạn hợp đồng. Ngoài ra, trường hợp 1 năm đã trôi qua kể từ khi hợp đồng được ký kết, nếu nộp đơn nghỉ việc thì có thể nghỉ việc bất cứ lúc nào.
- Để tiếp tục làm việc tại cùng một nơi làm việc sau khi hết thời hạn hợp đồng, cần phải ký lại (gia hạn) hợp đồng lao động mới (tham khảo mục 1-2. (2)).
Việc gia hạn hợp đồng này cần có sự đồng ý của cả công ty và người lao động.

(2) Sa thải

Sa thải

- Là việc công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

Chương III. Việc làm và lao động

- Nếu việc sa thải thiếu lý do khách quan, hợp lý và được coi là không phù hợp theo thông lệ, việc sa thải sẽ không có giá trị. Tức là, sa thải không phải là việc mà công ty có thể tùy ý, tự do tiến hành.
- Ngoài ra, công ty bắt buộc phải nêu trước lý do sa thải (các tình huống trở thành lý do để sa thải) trong quy chế làm việc.
- Trường hợp công ty định sa thải người lao động, công ty phải thông báo trước ít nhất 30 ngày cho người lao động, hoặc phải trả cho người lao động tiền lương trung bình từ 30 ngày trở lên (gọi là Trợ cấp thông báo trước việc sa thải), ngoại trừ trường hợp doanh nghiệp không thể tiếp tục hoạt động vì lý do bất khả kháng như thảm họa thiên nhiên v.v..., hoặc trường hợp do lỗi thuộc về người lao động.

Chấm dứt việc làm có xác định thời hạn

- Chấm dứt việc làm có xác định thời hạn là việc không kí kết lại hợp đồng lao động mới (không gia hạn) khi hợp đồng lao động có ấn định thời hạn hợp đồng đã hết hạn. (Tham khảo mục 1-2. (2))
- Chấm dứt việc làm có xác định thời hạn khác với việc sa thải trong đó công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động khi hợp đồng còn thời hạn.
- Đối với những người nêu dưới đây, công ty phải thông báo trước ít nhất 30 ngày nếu công ty có ý định chấm dứt việc làm có xác định thời hạn.
 - ① Người đã được gia hạn hợp đồng 3 lần trở lên
 - ② Người làm việc liên tục hơn 1 năm
- Ví dụ như những trường hợp dưới đây, việc chấm dứt việc làm có xác định thời hạn không có lý do khách quan, hợp lý, không được coi là phù hợp với thông lệ xã hội thì công ty không thể chấm dứt việc làm có xác định thời hạn.
 - ① Trường hợp về thực chất, có thể coi như là sa thải, căn cứ vào việc đã gia hạn hợp đồng nhiều lần
 - ② Trường hợp việc người lao động mong muốn tiếp tục việc làm được cho là hợp lý
- Trường hợp việc chấm dứt việc làm có xác định thời hạn không được công nhận, hợp đồng lao động có ấn định thời hạn sẽ được gia hạn với điều kiện lao động đồng nhất với trước khi chấm dứt việc làm có xác định thời hạn.

- Một điểm quan trọng Sa thải với mục đích tái cơ cấu

- Sa thải với mục đích tái cơ cấu là việc sa thải trong trường hợp công ty cắt giảm nhân sự vì lý do suy thoái hoặc kinh doanh không thuận lợi v.v...
- Sa thải với mục đích tái cơ cấu có hợp lệ hay không thì được xem xét theo các tiêu chí dưới đây.
 - ① Mức độ cần thiết của cắt giảm lao động
Phải dựa trên nhu cầu cắt giảm lao động thật sự cần thiết trên phương diện quản lý, ví dụ như suy thoái hoặc kinh doanh không thuận lợi v.v...
 - ② Nỗ lực để tránh việc sa thải
Đã thực hiện các nỗ lực để tránh việc sa thải thông qua các biện pháp khác (Ví dụ: phân công lại, tìm những người muốn nghỉ việc v.v...)
 - ③ Mức độ hợp lý của cách lựa chọn đối tượng bị sa thải với mục đích tái cơ cấu
Các tiêu chí để quyết định đối tượng bị sa thải với mục đích tái cơ cấu phải khách quan, hợp lý và việc vận dụng tiêu chí cũng phải công bằng.
 - ④ Mức độ thỏa đáng của thủ tục sa thải
Phải giải thích việc cần thiết phải sa thải, thời gian, quy mô và phương pháp cho công đoàn hoặc người lao động để họ hiểu.

(3) Công ty phá sản

Có cơ chế được thiết lập để chính phủ tạm ứng tiền lương mà công ty chưa trả theo Luật liên quan đến việc đảm bảo trả lương, trong trường hợp công ty phá sản và không thể trả lương.

Có khả năng được ứng một phần tiền lương chưa được trả nên hãy tham vấn Văn phòng Thanh tra Tiêu chuẩn Lao động.

(4) Bảo hiểm việc làm (Trợ cấp cơ bản)

Trường hợp thất nghiệp

Người tham gia bảo hiểm việc làm và thỏa mãn các điều kiện dưới đây thì theo nguyên tắc, sẽ được nhận trợ cấp cơ bản từ bảo hiểm việc làm.

- Điều kiện nhận trợ cấp cơ bản

- ① Người đang thất nghiệp
- ② Người trong tình trạng có thể làm việc, có mong muốn làm việc

Chương III. Việc làm và lao động

- ③ Người có số tháng mà người đó làm việc ít nhất 11 ngày trong 1 tháng hoặc số tháng có số giờ làm việc (là cơ sở để trả lương) tối thiểu là 80 giờ/tháng từ 12 tháng trở lên trong khoảng thời gian 2 năm trước khi nghỉ công ty

(Tuy nhiên, nếu lý do nghỉ công ty là phá sản hoặc sa thải do hoàn cảnh của công ty, hợp đồng lao động có thời hạn không được gia hạn v.v... thì điều kiện là số tháng mà người đó làm việc ít nhất 11 ngày trong 1 tháng hoặc số tháng có số giờ làm việc (là cơ sở để trả lương) tối thiểu là 80 giờ/tháng từ 6 tháng trở lên trong khoảng thời gian 1 năm trước khi nghỉ công ty.)

Ngày bắt đầu trợ cấp

Ngày bắt đầu trợ cấp sẽ thay đổi tùy thuộc vào lý do thất nghiệp.

- ① Trường hợp sa thải do hoàn cảnh của công ty hoặc nghỉ việc theo sự khuyến khích nghỉ việc

Kể từ ngày nộp đơn xin việc cho Hello Work (Văn phòng Ổn định việc làm công cộng) (*1) và Phiếu thôi việc đã được thụ lý, sau tổng 7 ngày trong tình trạng thất nghiệp.

- ② Trường hợp nghỉ việc vì hoàn cảnh của bản thân

Kể từ ngày nộp đơn xin việc cho Hello Work (*1) và Phiếu thôi việc đã được thụ lý, sau tổng 7 ngày trong tình trạng thất nghiệp và sau 2 tháng tiếp theo nữa (tối đa 2 lần trong 5 năm) (*2).

*1: Về Hello Work tại địa phương đang sinh sống hay hoạt động tìm việc sau khi nộp đơn xin việc, hãy xác nhận tại phần “(5) Hoạt động tìm việc”.

*2: Nếu nghỉ việc từ lần thứ 3 trở đi trong vòng 5 năm thì là 3 tháng

- ③ Trường hợp bị sa thải vì lý do nghiêm trọng thuộc về trách nhiệm của bản thân

Kể từ ngày nộp đơn xin việc cho Hello Work và Phiếu thôi việc đã được thụ lý, sau tổng 7 ngày trong tình trạng thất nghiệp và sau 3 tháng tiếp theo nữa.

Thực tế lý do nghỉ việc là sa thải do hoàn cảnh của công ty hoặc nghỉ việc theo sự khuyến khích nghỉ việc nhưng lại thành nghỉ việc vì hoàn cảnh của bản thân

Chương III. Việc làm và lao động

thì sẽ gặp bất lợi trong việc nhận trợ cấp cơ bản. Do đó, khi nhận Phiếu thôi việc từ công ty, hãy xác nhận kỹ lưỡng cột lý do thôi việc.

Thời gian trợ cấp

Thay đổi tùy thuộc vào lý do nghỉ công ty và tuổi tác v.v... Theo nguyên tắc là từ 90 ngày đến 330 ngày.

(5) Hoạt động tìm việc

Để tìm được công việc tiếp theo, sẽ tiến hành hoạt động tìm việc tại Hello Work v.v...

Tại quầy tư vấn công việc của Hello Work, bạn sẽ được hỗ trợ miễn phí tất cả các dịch vụ sau đây.

① Tư vấn công việc

Hỗ trợ tư vấn đa dạng liên quan đến tìm việc và công việc. Cho dù là bất cứ việc gì, trước tiên cứ hãy trao đổi với quầy tư vấn thử xem.

② Tìm công ty mà bạn muốn làm việc

Tại HelloWork, có rất nhiều thông tin tìm người của các công ty. Bạn có thể xem thông tin tìm người từ máy tính của Hello Work và cả từ điện thoại thông minh của bạn.

③ Giới thiệu công ty mà bạn muốn làm việc

Nếu tìm thấy công ty mà bạn muốn làm việc, hãy đi đến quầy tư vấn Hello Work. Nhân viên sẽ đưa ra lời khuyên về các điểm chính của công ty và nội dung tìm người. Ngoài ra, sẽ trao bạn “Thư giới thiệu” để bạn có thể được tham gia phỏng vấn sàng lọc tuyển dụng.

④ Hỗ trợ tìm kiếm công việc

Hello Work hướng dẫn chỉnh sửa hồ sơ ứng tuyển như bản sơ yếu lý lịch, bản lý lịch công việc, cho lời khuyên về quy tắc ứng xử và việc chuẩn bị khi phỏng vấn, tiến hành cả các buổi phỏng vấn thử, các buổi hội thảo đa dạng.

- ▣ Hãy xác nhận Hello Work của địa phương đang sinh sống tại đây.

<https://www.mhlw.go.jp/content/000637894.pdf>



- ▣ Có cả Hello Work có thông dịch viên.

<https://www.mhlw.go.jp/content/000592865.pdf>



- ▣ Khi không thể đi đến Hello Work, bạn có thể điện thoại đến Hello Work bằng tiếng nước ngoài.

<https://www.mhlw.go.jp/content/000673000.pdf>



- ▣ Nội dung được viết ở 2-5 được giải thích chi tiết tại “Bảng kiểm sử dụng Hello Work dành cho người nước ngoài”

<https://www.mhlw.go.jp/content/000678121.pdf>



- ▣ Tư vấn về điều kiện lao động, v.v... xem tại đây

<https://www.check-roudou.mhlw.go.jp/soudan/foreigner.html>



3. Sức khỏe và an toàn

3-1. Môi trường làm việc an toàn và thoải mái

Hiện có Luật An toàn Vệ sinh Lao động nhằm đảm bảo an toàn và sức khỏe của người lao động. Luật này quy định bắt buộc công ty phải thực hiện các biện pháp cần thiết để người lao động không gặp tai nạn hoặc bị bệnh vì lý do tại công việc.

(1) Nội dung Luật An toàn Vệ sinh Lao động

Công ty có các nghĩa vụ dưới đây.

- Công ty phải tiến hành khám sức khỏe do bác sĩ thực hiện khi thuê người lao động vào làm việc, hoặc sau khi người lao động đã vào làm việc với tần suất 1 lần mỗi năm (người lao động phải đi buổi khám sức khỏe đó)
- Công ty phải kiểm tra căng thẳng thần kinh đối với người lao động và thực hiện các biện pháp cần thiết dựa trên kết quả kiểm tra, ví dụ như luân chuyển công việc v.v... (cơ sở có số lượng người lao động dưới 50 người có nghĩa vụ nỗ lực thực hiện việc này)
- Từ quan điểm quản lý sức khỏe, công ty phải nắm bắt một cách khách quan tình hình thời gian lao động của người lao động.
- Đối với người lao động đã tích lũy mệt mỏi do lao động trong nhiều giờ, công ty phải tiến hành buổi hướng dẫn trực tiếp do bác sĩ thực hiện, dựa trên kết quả đó, công ty phải thực hiện các biện pháp cần thiết, ví dụ như luân chuyển công việc v.v...

Chương III. Việc làm và lao động

(2) Kiểm tra sức khỏe v.v...

Ngoài nhân viên chính thức, nhân viên phái cử, nhân viên hợp đồng, lao động bán thời gian và lao động bán thời gian tạm thời (Arubaito) cũng là đối tượng của việc khám sức khỏe, kiểm tra căng thẳng thần kinh căn cứ vào Luật An toàn Vệ sinh Lao động nếu thoả mãn 2 điều kiện dưới đây.

- Làm việc theo hợp đồng không ấn định thời hạn
(Trường hợp người làm việc theo hợp đồng có ấn định thời hạn thì phải dự kiến được thuê từ 1 năm trở lên, hoặc đã được thuê từ 1 năm trở lên bằng cách gia hạn hợp đồng)
- Thời gian lao động mỗi tuần bằng ít nhất 3 phần 4 thời gian lao động hàng tuần theo hợp đồng của người lao động bình thường làm cùng loại công việc tại cùng cơ sở

(3) Hướng dẫn trực tiếp của bác sĩ

Ngoài nhân viên chính thức, nhân viên phái cử, nhân viên hợp đồng, lao động bán thời gian và lao động bán thời gian tạm thời (Arubaito) cũng là đối tượng của việc hướng dẫn trực tiếp bởi bác sĩ đối với người lao động trong nhiều giờ căn cứ vào Luật An toàn Vệ sinh Lao động nếu thoả mãn điều kiện dưới đây.

- Người có thời gian làm thêm giờ, làm việc vào ngày nghỉ quá 80 tiếng 1 tháng, đồng thời được ghi nhận việc tích lũy mệt mỏi (theo đề nghị của chính người lao động)

Tuy nhiên, người lao động nêu dưới đây thì dù không đưa ra đề nghị thì vẫn thành đối tượng của việc hướng dẫn trực tiếp bởi bác sĩ.

- ① Nhân viên nghiên cứu và phát triển sản phẩm có thời gian làm thêm giờ, làm việc vào ngày nghỉ quá 100 tiếng 1 tháng
- ② Đối tượng của cơ chế chuyên gia có kỹ năng cao làm việc nhiều hơn so với “Số giờ quản lý sức khỏe” (tổng thời gian tại cơ sở và thời gian lao động ngoài cơ sở) 40 tiếng 1 tuần mà tổng cộng số giờ làm việc ngoài giờ hơn 100 tiếng 1 tháng

▀ Tư vấn dành cho người nước ngoài tại đây.

<https://www.toukiren.or.jp/fresc/>



3-2. Bồi thường thương tích, bệnh tật v.v... khi làm việc (Bảo hiểm tai nạn lao động)

Người lao động được Bảo hiểm tai nạn lao động bồi thường trong các trường hợp như bị thương, bị bệnh tật do nguyên nhân là công việc.

(1) Trình tự áp dụng Bảo hiểm tai nạn lao động

- Nếu điều trị tại bệnh viện do Bảo hiểm tai nạn lao động chỉ định, theo nguyên tắc, sẽ được miễn phí chi phí điều trị (trường hợp không phải bệnh viện do bảo hiểm chỉ định, bản thân người lao động sẽ phải trả chi phí trước rồi sau đó sẽ được cấp phần chi phí đã trả đó bằng cách yêu cầu Văn phòng Thanh tra Tiêu chuẩn Lao động.).
- Nếu phải nghỉ làm, sẽ được hưởng bồi thường nghỉ làm (đến ngày nghỉ làm thứ 3 thì người chủ doanh nghiệp sẽ chi trả 60% tiền lương trung bình, từ ngày nghỉ làm thứ 4 trở đi thì Bảo hiểm tai nạn lao động sẽ chi trả 80% số tiền tương đương tiền lương trung bình).
- Trường hợp người lao động chết, trợ cấp (bồi thường) sẽ được trả cho tang quyến, v.v...
- Công ty không thể sa thải người lao động trong thời gian người lao động nghỉ làm và 30 ngày sau đó để điều trị thương tích hoặc bệnh tật do tai nạn nghề nghiệp.

(2) Một số lưu ý khác

- Ngoài thương tích và bệnh tật v.v... phát sinh trong quá trình làm việc, thương tích v.v... phát sinh trên đường đi làm, tan sở cũng là đối tượng áp dụng.
- Rối loạn thần kinh như trầm cảm v.v... phát sinh do nguyên nhân là công việc, ví dụ như lao động trong nhiều giờ chẳng hạn, cũng là đối tượng của Bảo hiểm tai nạn lao động.
- Sau khi về nước, trường hợp phát bệnh do nguyên nhân bởi công việc làm tại Nhật thì vẫn thuộc đối tượng của Bảo hiểm tai nạn lao động.
- Trường hợp công việc là nguyên nhân gây ra thương tích và bệnh tật, không thể sử dụng Bảo hiểm sức khỏe.

Chương III. Việc làm và lao động

- Nếu gặp khó khăn vì thương tích v.v... phát sinh trong quá trình làm việc hoặc trên đường đi làm, tan sở, hãy tham vấn Văn phòng Thanh tra Tiêu chuẩn Lao động.
- Ngoài nhân viên chính thức, nhân viên phái cử, nhân viên hợp đồng, lao động bán thời gian và lao động bán thời gian tạm thời (Arubaito) cũng là đối tượng của Bảo hiểm tai nạn lao động.
- Về cơ bản, cho dù công ty chỉ thuê 1 người lao động đi nữa thì công ty vẫn có nghĩa vụ tham gia cơ chế Bảo hiểm tai nạn lao động, toàn bộ phí bảo hiểm đều do công ty chi trả.
- Nội dung chi tiết về chi trả Bảo hiểm tai nạn lao động được đăng trên trang chủ sau đây.

<https://www.mhlw.go.jp/new-info/kobetu/roudou/gyousei/rousai/gaikoku-pamphlet.html>



3-3. Cấm phân biệt giới tính

(1) Khi tìm việc

- Nghiêm cấm phân biệt giới tính khi tuyển dụng và sử dụng người lao động.

(2) Sau khi vào công ty

- Liên quan đến các mục dưới đây, nghiêm cấm phân biệt giới tính.
 - ① Phân công, thăng chức, giáng chức và đào tạo, huấn luyện
 - ② Phúc lợi trong phạm vi nhất định
 - ③ Thay đổi loại công việc và tình trạng việc làm
 - ④ Khuyến khích nghỉ việc, tuổi nghỉ hưu bắt buộc, sa thải, và gia hạn hợp đồng lao động
- Nghiêm cấm việc lấy lý do người lao động là phụ nữ để làm cơ sở đối xử có lợi hơn hoặc bất lợi hơn nam giới về tiền lương.

3-4. Biện pháp phòng chống quấy rối

- Công ty được đòi hỏi phải áp dụng các biện pháp cần thiết như hoàn thiện hệ thống v.v... để tiếp nhận yêu cầu tư vấn từ người lao động, giải quyết một cách thích hợp, nhằm mục đích môi trường làm việc của người lao động không bị tổn

hại bởi các hành vi quấy rối dưới đây (Đối với ④ Lạm dụng quyền lực để quấy rối, doanh nghiệp vừa và nhỏ có nghĩa vụ nỗ lực thực hiện cho đến ngày 31 tháng 3 năm 2022).

- ① Quấy rối tình dục
- ② Quấy rối liên quan đến thai sản v.v...
- ③ Quấy rối liên quan đến nghỉ chăm con v.v...
- ④ Lạm dụng quyền lực để quấy rối (*)

(*) Việc lấy bối cảnh là mối quan hệ vượt trội để gây tổn hại môi trường làm việc bằng các hành vi và phát ngôn vượt phạm vi cần thiết trên phương diện công việc

3-5. Hướng dẫn quản lý việc làm của người nước ngoài

- Đối với lao động người nước ngoài đang làm việc tại Nhật Bản trong các lĩnh vực chuyên môn, kỹ thuật v.v... và những người đang dự định làm việc tại Nhật Bản trong tương lai, việc được đảm bảo đãi ngộ công bằng, được bố trí môi trường có thể yên tâm phát huy năng lực của bản thân khi làm việc tại Nhật Bản là rất quan trọng.
- “Hướng dẫn liên quan đến cải thiện quản lý việc làm của lao động người nước ngoài, để chủ doanh nghiệp có cách đối xử, giải quyết thích hợp” (được gọi là “Hướng dẫn quản lý việc làm của người nước ngoài”) là quy tắc liên quan đến cải thiện quản lý việc làm của lao động người nước ngoài và hỗ trợ tìm việc lại, để chủ doanh nghiệp có cách đối xử, giải quyết thích hợp.
- Khi đến thăm các cơ sở sử dụng lao động người nước ngoài, Hello Work sẽ căn cứ vào hướng dẫn này để đưa ra lời khuyên và hướng dẫn cần thiết.

- ▣ Hướng dẫn quản lý việc làm của người nước ngoài
<https://www.mhlw.go.jp/content/000601382.pdf>



- ▣ Tài liệu liên quan đến quy tắc việc làm của người nước ngoài
<https://www.mhlw.go.jp/content/000603552.pdf>



4. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm lao động

Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm lao động là cơ chế thu tiền (phí bảo hiểm) công khai từ người lao động, công ty, hoặc từ cả hai để chuẩn bị cho những rủi ro khác nhau trong đời người và cấp cho người thực sự lâm vào cảnh thất nghiệp, thương tật, tử vong v.v...

4-1. Bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm sức khỏe quốc dân

- Bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm sức khỏe quốc dân (tham khảo mục 2. 2-1, 2-2 trong Chương VI) chi trả trợ cấp y tế và tiền trợ cấp cần thiết cho người lao động và gia đình của người đó trong những trường hợp dưới đây.

- ① Khi bị thương tích hoặc bệnh tật
- ② Khi sinh con
- ③ Khi chết v.v...

4-2. Bảo hiểm hưu trí quốc dân, bảo hiểm hưu trí người lao động

- Bảo hiểm hưu trí quốc dân, bảo hiểm hưu trí người lao động (tham khảo mục 1. 1-1, 1-2 trong Chương VII) là bảo hiểm chi trả lương hưu suốt đời do tuổi già, khuyết tật hoặc tử vong.

4-3. Bảo hiểm chăm sóc dài hạn

- Bảo hiểm chăm sóc dài hạn là cơ chế bảo hiểm toàn xã hội cùng hỗ trợ chi phí chăm sóc người cao tuổi v.v... cần được chăm sóc dài hạn.

▣ Hãy tham khảo mục 2. Bảo hiểm chăm sóc dài hạn trong chương VII.

4-4. Bảo hiểm việc làm

Bảo hiểm việc làm (tham khảo mục 2-5. (4)) là cơ chế bảo hiểm tiến hành chi trả trợ cấp thất nghiệp v.v... nhằm ổn định cuộc sống và xúc tiến việc làm trong trường hợp người lao động thất nghiệp v.v...

(1) Đối tượng áp dụng

- ① Theo nguyên tắc, người tương ứng với tất cả các điều dưới đây sẽ trở thành đối tượng áp dụng bảo hiểm việc làm.
 - Thời gian lao động hàng tuần theo hợp đồng từ 20 tiếng trở lên
 - Người dự kiến làm việc từ 31 ngày trở lên

Chương III. Việc làm và lao động

- ② Người là đối tượng áp dụng nêu tại mục ① đều được áp dụng bảo hiểm việc làm, bất kể quy mô kinh doanh của nơi làm việc.
- ③ Người là đối tượng áp dụng nêu tại mục ① đều được áp dụng bảo hiểm việc làm, dù là nhân viên phái cử, nhân viên hợp đồng, lao động bán thời gian hay lao động bán thời gian tạm thời (Arubaito).

(2) Chi trả phí bảo hiểm

- ① Việc tham gia cơ chế bảo hiểm việc làm là trách nhiệm của công ty.
- ② Người lao động và công ty cùng chi trả phí bảo hiểm.

▣ Bảo hiểm việc làm

https://www.hellowork.mhlw.go.jp/insurance/insurance_summary.html



4-5. Bảo hiểm tai nạn lao động

- Bảo hiểm tai nạn lao động (tham khảo mục 3-2.) là một cơ chế công, trong đó nhà nước tiến hành chi trả bảo hiểm cần thiết trong các trường hợp dưới đây.
 - ① Trường hợp thương tích, bệnh tật, tử vong (tai nạn nghề nghiệp) do nguyên nhân là công việc của người lao động
 - ② Trường hợp thương tích, bệnh tật, tử vong do nguyên nhân gây ra bởi nhiều công việc của người được tuyển dụng làm việc tại nhiều công ty v.v... (tai nạn nghề nghiệp do nhiều công việc gây ra)
 - ③ Trường hợp tai nạn v.v... phát sinh trên đường đi làm, tan sở (tai nạn trên đường đi làm, tan sở)

Chương IV. Sinh con và nuôi dạy con cái

1. Thủ tục khi mang thai

1-1. Thông báo việc mang thai và cấp sổ tay sức khỏe bà mẹ và trẻ em v.v...

- Khi biết mình mang thai, hãy nhanh chóng thông báo việc mang thai cho cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi bạn đang sinh sống.
- Đối với người đã thông báo việc mang thai, cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố sẽ cung cấp các nội dung sau.

- ① Cấp sổ tay sức khỏe bà mẹ và trẻ em (boshi kenko techo)
- ② Cấp phiếu khám hoặc phiếu hỗ trợ để được khám sức khỏe thai phụ với hỗ trợ từ chi tiêu công
- ③ Tư vấn bởi chuyên viên chăm sóc sức khỏe v.v...
- ④ Giới thiệu Lớp học tiền sản (dành cho mẹ và bố)

* Sổ tay sức khỏe bà mẹ và trẻ em là tài liệu ghi tình trạng sức khỏe nhất quán của người mẹ từ lúc mang thai đến sau khi sinh và của trẻ em từ thời kỳ trẻ sơ sinh cho đến những năm đầu đời, đồng thời còn là tài liệu hướng dẫn về chăm sóc trẻ em đối với người giám hộ của trẻ. Sổ tay được thiết kế để người giám hộ có thể tự ghi chú và quản lý thông tin cũng như để chuyên gia y tế ghi chú, tham khảo khi cần.

1-2. Khám sức khỏe thai phụ

- Khi mang thai, cần lưu ý đến sức khỏe hơn lúc bình thường.
Hãy đi khám khám sức khỏe thai phụ định kỳ và quản lý sức khỏe theo lời khuyên của bác sĩ, nữ hộ sinh và các chuyên gia y tế khác.
- Nên đi khám sức khỏe thai phụ với tần suất như dưới đây.
 - ① Từ giai đoạn đầu của thai kỳ đến tuần 23: 4 tuần 1 lần
 - ② Từ tuần 24 đến tuần 35: 2 tuần 1 lần
 - ③ Từ tuần 36 cho đến khi sinh: 1 tuần 1 lần

1-3. Tư vấn tại nhà bởi chuyên viên chăm sóc sức khỏe, nữ hộ sinh v.v...

Chuyên viên chăm sóc sức khỏe, nữ hộ sinh v.v... đến thăm nhà và tư vấn, hướng dẫn những nội dung dưới đây.

- ① Hướng dẫn về sinh hoạt gia đình, ăn uống v.v...
- ② Tư vấn về các nỗi lo, băn khoăn liên quan đến việc mang thai, sinh con

Chương IV. Sinh con và nuôi dạy con cái

③ Tư vấn liên quan đến chăm sóc trẻ sơ sinh

* Chuyến thăm này không mất phí. Để biết thêm chi tiết, hãy liên hệ cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi bạn đang sinh sống.

1-4. Lớp học tiền sản (dành cho mẹ và bố)

Cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố tổ chức các lớp học liên quan đến việc mang thai, sinh con, nuôi con, dinh dưỡng v.v... Những lớp học này cũng là cơ hội để gặp gỡ và nói chuyện với các phụ huynh khác.

2. Thủ tục sau khi sinh

2.1. Thông báo khai sinh

Khi trẻ em được sinh ra tại Nhật Bản

- Người bố hoặc người mẹ phải thông báo khai sinh.
- Thông báo này phải được thực hiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày trẻ được sinh ra.
- Hãy nộp thông báo này cho cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi trẻ sinh ra hoặc nơi người thông báo sinh sống.

(1) Giấy tờ cần thiết để thông báo khai sinh

- Giấy chứng sinh
- Về các tài liệu khác, hãy liên hệ cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi nộp thông báo.

(2) Các thủ tục khác

Trường hợp 60 ngày trôi qua kể từ ngày trẻ được sinh ra nhưng chưa nhận được tư cách cư trú, phiếu chứng nhận cư trú có thể bị hủy và không được nhận các dịch vụ công như Bảo hiểm sức khỏe quốc dân, Trợ cấp nhi đồng v.v... Để biết thêm chi tiết, hãy xác nhận mục 2-4. Nhận tư cách cư trú trong chương I.

2-2. Thông báo khai sinh về Nước nhà

Trường hợp cả người bố và người mẹ đều mang quốc tịch nước ngoài, con của họ dù có sinh ra tại Nhật Bản cũng không thể nhận quốc tịch Nhật Bản. Trong trường hợp này,

Chương IV. Sinh con và nuôi dạy con cái

hãy làm thủ tục thông báo cho Nước nhà về việc trẻ đã sinh ra. Về thủ tục chi tiết, hãy liên hệ Đại sứ quán hoặc (Tổng) Lãnh sự quán tại Nhật Bản của quốc gia mà người bố hoặc người mẹ mang quốc tịch.

Ngoài ra, hãy xin cấp cả hộ chiếu cho trẻ đã sinh ra.

3. Chi phí sinh con và các loại trợ cấp

- Vì mang thai và sinh con không phải là bệnh tật, nên về cơ bản, không được áp dụng bảo hiểm sức khỏe.
- Ngoại lệ là chi phí phẫu thuật v.v... khi sinh mổ v.v... thì được áp dụng bảo hiểm sức khỏe.

3-1. Tiền trợ cấp sinh và chăm sóc con trả 1 lần

Là cơ chế người tham gia bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm sức khỏe quốc dân được chi trả 420.000 yên với tư cách chi phí sinh con khi người đó sinh con. Tuy nhiên, trong trường hợp việc sinh con không phải đối tượng của Cơ chế bồi thường y tế khoa sản ví dụ như chưa đạt thai chưa đạt 22 tuần v.v... thì số tiền sẽ là 404.000 yên.

Có 2 cơ chế chi trả trợ cấp như dưới đây.

① Cơ chế trả trực tiếp

Là cơ chế cơ quan y tế v.v... sẽ yêu cầu thanh toán và nhận Tiền trợ cấp sinh và chăm sóc con trả 1 lần thay cho thai phụ v.v... Vì Tiền trợ cấp sinh và chăm sóc con trả 1 lần sẽ được trả trực tiếp cho cơ quan y tế v.v... nên không cần trả toàn bộ chi phí sinh con tại quầy làm việc của bệnh viện khi xuất viện.

② Cơ chế nhận thay

Là cơ chế thai phụ v.v... chỉ định cơ quan y tế v.v... nơi sinh con sẽ nhận trợ cấp khi tiến hành yêu cầu thanh toán Tiền trợ cấp sinh và chăm sóc con trả 1 lần đối với hãng bảo hiểm sức khỏe v.v... mà thai phụ đang tham gia, sau đó Tiền trợ cấp sinh và chăm sóc con trả 1 lần sẽ được trả trực tiếp cho cơ quan y tế v.v... đó.

3-2. Tiền trợ cấp sinh con

Khi bản thân người tham gia bảo hiểm sức khỏe nghỉ công ty vì lý do sinh con và trong khoảng thời gian đó không được trả lương, trong phạm vi 42 ngày (trường hợp đa thai là 98 ngày) trước ngày (dự) sinh đến 56 ngày sau khi sinh, tiền trợ cấp sinh con

Chương IV. Sinh con và nuôi dạy con cái

sẽ được trả với đối tượng là khoảng thời gian nghỉ công ty. Theo nguyên tắc, mỗi 1 ngày trong khoảng thời gian nghỉ thai sản, bảo hiểm sức khỏe sẽ trả tiền trợ cấp sinh con tương đương 67% tiền lương. Tuy nhiên, sẽ không được trả tiền trợ cấp sinh con nếu trong khoảng thời gian nghỉ làm vẫn được công ty trả lương, khoản được trả cao hơn tiền trợ cấp sinh con.

Ngày sinh được bao gồm trong khoảng thời gian trước ngày sinh con. Trường hợp sinh muộn hơn ngày dự sinh, khoảng thời gian muộn hơn đó cũng được trả Tiền trợ cấp sinh con.

3-3. Tiền trợ cấp nghỉ chăm con

(1) Cấp trong thời gian nghỉ chăm con

Người tham gia bảo hiểm việc làm xin nghỉ phép để chăm con dưới 1 tuổi (1 tuổi và 2 tháng nếu đáp ứng một số điều kiện. 1 tuổi và 6 tháng hoặc 2 tuổi nếu đáp ứng thêm một số điều kiện khác) và thỏa mãn điều kiện dưới đây theo nguyên tắc, sẽ được trả Tiền trợ cấp nghỉ chăm con bằng cách đăng ký nhận trợ cấp tại Hello Work. (Trong 6 tháng đầu, khoản trợ cấp tương đương 67% tiền lương trước khi bắt đầu nghỉ làm, thời gian sau đó thì tương đương 50%.)

- Điều kiện nhận tiền trợ cấp
 - ① Người có số tháng mà người đó làm việc ít nhất 11 ngày trong 1 tháng hoặc số tháng có số giờ làm việc (là cơ sở để trả lương) tối thiểu là 80 giờ/tháng từ 12 tháng trở lên khoảng thời gian 2 năm trước khi ngày bắt đầu nghỉ chăm con.
 - ② Trường hợp thỏa mãn một số điều kiện nhất định ví dụ như tiền lương trong thời gian nghỉ chăm con giảm xuống dưới 80% so với tiền lương thời điểm bắt đầu nghỉ làm v.v...

(2) Trường hợp lao động hợp đồng có thời hạn (người lao động hợp đồng có thời hạn)

Lao động hợp đồng có thời hạn (người làm việc có ấn định thời hạn) thì ngoài những điều kiện nêu trên còn cần thỏa mãn tất cả các điều kiện dưới đây tại thời điểm bắt đầu nghỉ làm.

- ① Đã làm việc từ 1 năm trở lên tại cùng công ty (cùng chủ doanh nghiệp)
- ② Không nêu rõ rằng hợp đồng lao động của người đó sẽ hết hạn trong khoảng thời gian đến khi con được 1 tuổi và 6 tháng (đến khi con được 2 tuổi đối với thời

Chương IV. Sinh con và nuôi dạy con cái

điểm bắt đầu nghỉ làm sau khi con được 1 tuổi và 6 tháng vì lý do như: không vào được nhà trẻ v.v...)

3-4. Trợ cấp nhi đồng

Trợ cấp nhi đồng là trợ cấp nhằm đảm bảo ổn định cuộc sống tại gia đình v.v... và sự phát triển kiện toàn của trẻ.

Có thể nhận trợ cấp này trong trường hợp trẻ và người nuôi dưỡng trẻ đều sinh sống tại Nhật Bản.

(1) Người có thể nhận

Người nuôi dưỡng một trẻ cho đến khi tới ngày 31 tháng 3 đầu tiên sau sinh nhật lần thứ 15 của trẻ

(2) Cách thức nhận

- Trước tiên, hãy làm đơn xin nhận tại cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi bạn đang sinh sống.
- Theo nguyên tắc, có thể nhận trợ cấp từ phần tháng sau của tháng làm đơn xin nhận trợ cấp.
- Khi có thêm trẻ mới được sinh ra, hoặc chuyển chỗ ở đến xã, phường, quận, thành phố khác, cần làm lại đơn xin nhận trợ cấp.

(3) Khoản tiền có thể nhận

Tuổi đứa trẻ	Khoản tiền trợ cấp nhi đồng (số tiền hàng tháng cho mỗi đứa trẻ)
Dưới 3 tuổi	Mức chung là 15.000 yên
Từ 3 tuổi đến ngày 31 tháng 3 đầu tiên sau sinh nhật lần thứ 12	10.000 yên (15.000 yên cho con thứ 3 trở đi)
Từ ngày 31 tháng 3 đầu tiên sau sinh nhật lần thứ 12 đến ngày 31 tháng 3 đầu tiên sau sinh nhật lần thứ 15	Mức chung là 10.000 yên

* Trường hợp thu nhập của người đang nuôi dưỡng trẻ cao hơn mức nhất định, mức chung hàng tháng sẽ là 5.000 yên.

Chương IV. Sinh con và nuôi dạy con cái

* “Con thứ 3 trở đi” nghĩa là người con thứ 3 những đứa trẻ tiếp theo trong số những đứa trẻ đang nuôi đến ngày 31 tháng 3 đầu tiên sau sinh nhật lần thứ 18.

(4) Thời gian nhận

Theo nguyên tắc, vào tháng 6, tháng 10, tháng 2 sẽ được nhận gộp phần 4 tháng cho đến phần tháng trước đó.

4. Nuôi dạy con

4-1. Khám sức khỏe trẻ em

Cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố tổ chức khám sức khỏe miễn phí như dưới đây.

- Khám sức khỏe trẻ 1 tuổi và 6 tháng
- Khám sức khỏe trẻ 3 tuổi
- Tùy cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố, có nơi trẻ em độ tuổi khác cũng được khám sức khỏe.

* Nội dung khám sức khỏe là kiểm tra về sự phát triển, đo chiều cao và cân nặng, tư vấn nuôi dạy con v.v... Để biết thêm chi tiết, hãy liên hệ cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi bạn đang sinh sống.

4-2. Tiêm chủng

Có thể phòng bệnh bằng cách tiêm chủng. Tiêm chủng có 2 loại.

① Tiêm chủng do cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi bạn đang sinh sống khuyến khích

Tiêm chủng do cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi bạn đang sinh sống khuyến khích thì có trường hợp được miễn phí. Để biết thêm chi tiết, hãy liên hệ cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi bạn đang sinh sống.

② Tiêm chủng tùy chọn

Tiêm chủng tùy chọn thì phải tự trả tiền.

Khi tiêm chủng, hãy quyết định sau khi tham vấn bác sĩ.

4-3. Chi phí y tế của trẻ em

Trường hợp tham gia bảo hiểm sức khỏe, đối với trẻ em dưới 6 tuổi, trước khi đi học tiểu học thì tỉ lệ tự chi trả là 20%.

Tùy xã, phường, quận, thành phố nơi bạn đang sinh sống, cũng có nơi được miễn phí chi phí y tế cho đến khi tốt nghiệp tiểu học, cũng có nơi hỗ trợ bù vào khoản đó.

4-4. Cơ sở dành cho trẻ trước khi đi học tiểu học

- Có nhiều loại hình cơ sở khác nhau dành cho trẻ em dưới 6 tuổi trước khi đi học tiểu học, chẳng hạn như nhà trẻ (Hoikujo), trường mẫu giáo (Yochien), trung tâm giáo dục mầm non (Nintei Kodomoen) v.v...
- Được miễn phí sử dụng nhà trẻ, trường mẫu giáo, trung tâm giáo dục mầm non v.v... đối với trẻ từ 3 tuổi đến 5 tuổi.

(1) Nhà trẻ

- Là cơ sở chăm sóc trẻ thay cho người giám hộ không thể chăm sóc trẻ tại nhà vì công việc v.v...
- Thời gian chăm sóc trẻ thông thường là 8 tiếng 1 ngày, nhưng cũng có nhà trẻ tiến hành chăm sóc trẻ ngoài giờ vào buổi tối, ngày nghỉ v.v...
- Cũng có nhà trẻ nhận giữ trẻ tạm thời vì lý do việc bận đột xuất hoặc công việc bán thời gian trong thời gian ngắn v.v...

- Một điểm quan trọng Cơ sở chăm sóc trẻ chưa được chứng nhận

Là tên gọi chung cho các cơ sở chưa được phê duyệt theo Luật Phúc lợi nhi đồng trong số các cơ sở chăm sóc trẻ. Gồm có:

- Nhà trẻ chưa được chứng nhận (Muninka hoikujo)
- Cơ sở giữ trẻ cho khách tại trung tâm thương mại
- Điểm giữ trẻ (Takujisho)
- Khách sạn trẻ em (Baby hotels)
- Người trông trẻ (Baby sitters)

v.v...

Chương IV. Sinh con và nuôi dạy con cái

(2) Trường mẫu giáo

- Là cơ sở giáo dục cho trẻ em từ tròn 3 tuổi đến trước khi đi học tiểu học.
- Thời gian giáo dục tiêu chuẩn là 4 tiếng 1 ngày. Tuy nhiên, cũng có trường mẫu giáo trông trẻ đến chiều hay tối, hoặc từ sáng sớm tùy theo hoàn cảnh của người giám hộ, chẳng hạn như đang đi làm v.v...
- Không giống giáo dục bậc tiểu học và cao hơn, mẫu giáo coi trọng việc vui chơi do trẻ tự chủ.
- Ngoài ra, cũng có trường mẫu giáo tư vấn liên quan đến việc nuôi dạy trẻ cho người giám hộ trong khu vực, hoặc mở cửa sân trường cho cộng đồng v.v...

(3) Trung tâm giáo dục mầm non

- Trung tâm giáo dục mầm non có cả hai chức năng mẫu giáo và nhà trẻ.
- Có thể sử dụng trung tâm giáo dục mầm non bất kể người giám hộ đang đi làm hay không.
- Ngoài ra, còn tư vấn giải quyết những nỗi lo trong việc nuôi dạy con cái, cung cấp nơi để bố mẹ và con cái cùng dành thời gian cho nhau v.v... với đối tượng là tất cả các hộ gia đình có trẻ em.

4-5. Câu lạc bộ trẻ em sau giờ học (chương trình chăm sóc sau giờ học)

- Có thể sử dụng Câu lạc bộ trẻ em sau giờ học trong trường hợp người giám hộ không ở nhà vào ban ngày vì lý do công việc v.v...
- Câu lạc bộ trẻ em sau giờ học có bố trí Nhân viên hỗ trợ trẻ sau giờ học, cung cấp nơi vui chơi và sinh hoạt phù hợp sau giờ học.
- Một số địa phương còn tổ chức “Lớp học dành cho trẻ sau giờ học” mà ở đó tiến hành nhiều hoạt động trải nghiệm, học tập khác nhau với đối tượng là tất cả học sinh tiểu học.

4-6. Trung tâm hỗ trợ gia đình

- Trung tâm hỗ trợ gia đình có thành viên là những người nêu dưới đây, đóng vai trò trung gian để các thành viên giúp đỡ lẫn nhau.
- ① Phụ huynh có con nhỏ, con là học sinh tiểu học v.v... và muốn nhận được sự hỗ trợ ví dụ như trông trẻ v.v...

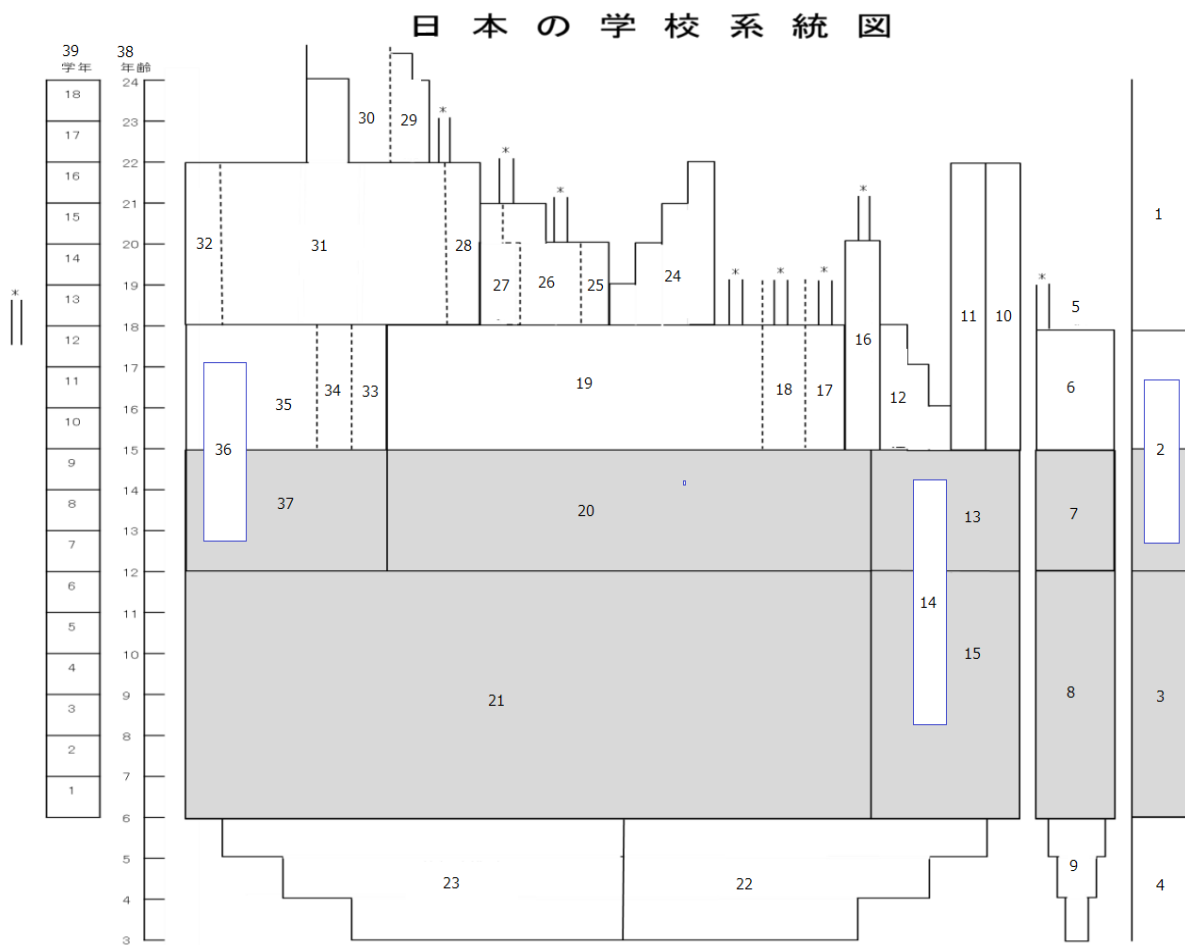
Chương IV. Sinh con và nuôi dạy con cái

- ② Người muốn hỗ trợ những việc đó
- Dưới đây nêu một số ví dụ về việc hỗ trợ.
 - ① Đưa trẻ đến và đón về từ các cơ sở giữ trẻ
 - ② Trông trẻ ngoài giờ gửi cơ sở giữ trẻ hoặc sau giờ học v.v...
 - ③ Trông trẻ khi người giám hộ ra ngoài mua sắm v.v...
- Trình tự sử dụng như dưới đây.
 - ① Đăng ký thành viên tại Trung tâm hỗ trợ gia đình gần nhất ở nơi đang sống.
 - ② Đăng ký sử dụng.
 - ③ Sẽ được cố vấn của Trung tâm hỗ trợ gia đình giới thiệu người hỗ trợ và đóng vai trò trung gian giữa người sử dụng và người hỗ trợ.
 - ④ Sau khi sử dụng, trả phí cho người đã hỗ trợ.

Chương V. Giáo dục

1. Hệ thống giáo dục ở Nhật Bản

Hệ thống giáo dục hiện đang được sử dụng ở Nhật Bản được gọi là hệ thống 6-3-3-4, với 6 năm tiểu học, 3 năm trung học cơ sở, 3 năm trung học phổ thông và 4 năm đại học. Giáo dục tiểu học và trung học cơ sở là bắt buộc. Ngoài ra, tại các trường mẫu giáo v.v... có tiến hành giáo dục mầm non (trước khi vào tiểu học).



(注) (1) 部分は義務教育を示す。
 (2) *印は専攻科を示す。
 (3) 高等学校、中等教育学校後期課程、大学、短期大学、特別支援学校高等部には修業年限1年以上の別科を置くことができる。
 (4) 幼保連携型認定こども園は、学校かつ児童福祉施設であり0～2歳児も入園することができる。
 (5) 専修学校の一般課程と各種学校については年齢や入学資格を一律に定めていない。

Sơ đồ hệ thống trường học tại Nhật Bản

1

Giáo dục đại học

2

Giáo dục trung học

3

Giáo dục tiểu học

4

Giáo dục mầm non

5

Trường hỗ trợ đặc biệt

6

Khoa giáo dục bậc cao

7

Khoa giáo dục trung học

8

Khoa giáo dục tiểu học

9

Khoa giáo dục mầm non

10

Các loại trường học

11

Khóa học đại cương, trường dạy nghề

12

Khóa học nâng cao, trường dạy nghề

13

(Chương trình giảng dạy giai đoạn sau)

14

(Chương trình giảng dạy giai đoạn trước)

15

Trường giáo dục bắt buộc

16

Trường kỹ thuật chuyên nghiệp

17

Khóa học từ xa

18

Khóa học cao trung buổi tối

19

Trường trung học phổ thông

20

Trường trung học cơ sở

21

Trường tiểu học

22

Trường mẫu giáo

23

Trung tâm giáo dục mầm non liên hợp mẫu giáo và nhà trẻ

24

Khóa chuyên ngành, trường dạy nghề

25

Khóa học từ xa

26

Cao đẳng

27

Cao đẳng nghề chuyên môn

28

Đại học nghề chuyên môn

29

Cao học nghề chuyên môn

30

Cao học

31

Đại học

32

Khóa học từ xa

33

Khóa học từ xa

34

Khóa học cao trung buổi tối

35

(Chương trình giảng dạy giai đoạn sau)

36

Trường giáo dục trung học

37

(Chương trình giảng dạy giai đoạn trước)

38

Tuổi

39

Năm học

Ghi chú:

- (1) Các phần màu xám là giáo dục bắt buộc.
- (2) Dấu hoa thị biểu thị khoa chuyên ngành
- (3) Có thể bố trí khóa đặc biệt với kỳ học tối thiểu là 1 năm tại các trường trung học phổ thông, chương trình giảng dạy giai đoạn sau của các trường trung học cơ sở, đại học, cao đẳng và khoa giáo dục bậc cao của trường hỗ trợ đặc biệt.
- (4) Trung tâm giáo dục mầm non liên hợp mẫu giáo và nhà trẻ là trường học đồng thời là cơ sở phúc lợi trẻ em. Trẻ em từ 0 đến 2 tuổi cũng có thể vào học.
- (5) Không quy định phải đồng nhất về tuổi và yêu cầu tuyển sinh cho các khóa học đại cương tại các trường dạy nghề và các trường khác.

• Thủ tục tham gia do công ty v.v... (người chủ doanh nghiệp) tiến hành.

③ **Người được bảo hiểm Nhóm 3**

• Người phối ngẫu được người đang tham gia Bảo hiểm hưu trí người lao động hoặc các hiệp hội tương trợ (Người được bảo hiểm Nhóm 2 của cơ chế Hưu trí

quốc dân) nuôi sẽ thuộc Người được bảo hiểm Nhóm 3 của cơ chế Hưu trí quốc dân.

1-1. Trường tiểu học, trường trung học cơ sở

Vào học trường tiểu học, trường trung học cơ sở công lập

- Người giám hộ có con từ 6 đến 15 tuổi người Nhật Bản có nghĩa vụ bắt buộc phải cho trẻ đi học trường tiểu học và trường trung học cơ sở v.v...
- Ngay cả trường hợp người nước ngoài, nếu muốn vào học trường tiểu học và trường trung học cơ sở công lập thì cũng được học miễn phí (học phí, sách giáo khoa).
- Hãy truyền đạt mong muốn cho con vào học trường công lập của Nhật Bản cho cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi bạn đang sinh sống.
- Hãy cầm “Giấy phép nhập học dành cho học sinh người nước ngoài” v.v... nhận được từ cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố đến trường học đã được chỉ định.
- Thêm vào đó, ngoài trường tiểu học, trường trung học cơ sở, tại Nhật Bản còn có Trường giáo dục bắt buộc tiến hành nhất quán chương trình giáo dục bắt buộc trong 9 năm và các Trường hỗ trợ đặc biệt để trẻ em khuyết tật theo học.

(Về “Trường Trung học cơ sở buổi tối” thì hãy xem mục 1-4.)

1-2. Trường trung học phổ thông

- Trường trung học phổ thông là trường mà người đã tốt nghiệp trường trung học cơ sở sẽ theo học, theo nguyên tắc, cần dự kỳ thi tuyển sinh trước khi nhập học.
- Căn cứ vào hình thức giáo dục, trường trung học phổ thông được chia thành: khóa học toàn thời gian, khóa học buổi tối, khóa học từ xa.
- Người đã tốt nghiệp trường trung học phổ thông được công nhận tư cách nhập học vào đại học v.v...

1-3. Trường cho người nước ngoài

- Ngoài trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, còn có nhiều loại hình cơ sở giáo dục khác nhau dành cho học sinh nước ngoài. Các cơ sở này được gọi chung là “Trường cho người nước ngoài”.

- Vì mỗi người có nền tảng văn hóa và dân tộc, ngôn ngữ, chương trình giáo dục, thành tích lên lớp và kinh nghiệm làm việc v.v... khác nhau nên khi đi học, nên chọn trường phù hợp với bản thân chính đứa trẻ (Về tư cách nhập học vào trường đại học v.v... trong trường hợp đã tốt nghiệp Trường cho người nước ngoài tại Nhật Bản, hãy tham khảo mục “1-7. Cơ sở Giáo dục đại học (trường đại học v.v...)”).

▣ Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy xác nhận tại trang chủ dưới đây:

https://www.mext.go.jp/a_menu/kokusai/gaikoku/index.htm



1-4. Trường Trung học cơ sở buổi tối

- Tại Nhật Bản, người chưa hoàn thành chương trình giáo dục bắt buộc tại Nhật Bản hoặc tại quốc gia mình có quốc tịch có thể theo học “Trường Trung học cơ sở buổi tối”.
- Có 34 trường Trung học cơ sở buổi tối, được thành lập tại 28 thành phố, quận ở 10 tỉnh trên toàn quốc (tính đến tháng 4 năm 2020), tiếp nhận những người đã không thể hoàn thành chương trình giáo dục bắt buộc vì nhiều lý do, hoàn cảnh khác nhau vào học.
- Trường hợp có trường Trung học cơ sở buổi tối gần chỗ bạn, hãy tham vấn với ủy ban giáo dục thành lập trường đó.

▣ Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy xác nhận tại trang chủ dưới đây:

<https://www.gov-online.go.jp/useful/article/201601/1.html>



1-5. Kỳ thi chứng nhận trình độ tốt nghiệp trường trung học cơ sở

- Người không tốt nghiệp trường trung học cơ sở của Nhật Bản có thể dự thi.
- Kỳ thi được tổ chức mỗi năm 1 lần.
- Nếu đỗ, có thể dự thi kỳ thi tuyển sinh trường trung học phổ thông của Nhật Bản.

1-6. Kỳ thi chứng nhận trình độ tốt nghiệp trường trung học phổ thông

- Người không tốt nghiệp trường trung học phổ thông của Nhật Bản có thể dự thi.
- Kỳ thi được tổ chức mỗi năm 2 lần.
- Nếu đỗ, có thể thực hiện các việc sau.

① Có thể dự thi kỳ thi tuyển sinh đại học, cao đẳng, trường trung cấp v.v... của Nhật Bản.

② Có thể dự thi kỳ thi tuyển dụng hoặc kỳ thi chứng chỉ với đối tượng là người đã tốt nghiệp trường trung học phổ thông.

▀ Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy xác nhận tại trang chủ dưới đây:

https://www.mext.go.jp/component/a_menu/education/detail/_icsFiles/afieldfile/2019/05/13/1291562_02.pdf



1-7. Cơ sở Giáo dục đại học (trường đại học v.v...)

Tư cách nhập học vào các trường đại học v.v...

• Tại Nhật Bản, những người đã tốt nghiệp “Trường trung học phổ thông”, “Trường Giáo dục trung học” hoặc “Trường cho người nước ngoài được chỉ định” (http://www.mext.go.jp/a_menu/koutou/shikaku/07111314/003.htm) được công nhận tư cách nhập học các trường dưới đây.



- ① Đại học
- ② Đại học nghề chuyên môn
- ③ Cao đẳng
- ④ Cao đẳng nghề chuyên môn
- ⑤ Trường trung cấp (Khóa chuyên ngành của trường dạy nghề) v.v...

• Những người có bằng cấp, chứng chỉ dưới đây cũng được công nhận tư cách nhập học vào các trường nêu trên.

- ① Bằng Tú tài Quốc tế (International Baccalaureate)
- ② Bằng Tú tài Đức (Abitur)
- ③ Bằng Tú tài Baccalaureate (Baccalaureate)
- ④ Cấp độ GCEA (General Certificate of Education, Advanced-Level)

(Danh sách các trường tại Nhật Bản được Tổ chức Tú tài Quốc tế công nhận:

<https://ibconsortium.mext.go.jp/ib-japan/authorization/>)



• Nếu tốt nghiệp cơ sở giáo dục (chương trình 12 năm) đã được chứng nhận bởi các tổ chức dưới đây thì sẽ được công nhận tư cách nhập học vào các trường nêu trên.

- ① Hiệp hội các trường phổ thông và đại học miền Tây Hoa Kỳ (The Western Association of Schools and Colleges, WASC)
- ② Hội đồng các trường quốc tế (Council of International Schools, CIS)
- ③ Hiệp hội các trường Công giáo quốc tế (Association of Christian Schools International, ACSI)

Cơ sở Giáo dục đại học khác

- Ngoài ra, tại Nhật Bản còn có các Cơ sở Giáo dục đại học dưới đây. Mỗi cơ quan có quy định tư cách nhập học riêng.
 - ① Cao học: chủ yếu là tiếp tục học lên sau khi tốt nghiệp đại học
 - ② Cao học nghề chuyên môn: chủ yếu là tiếp tục học lên sau khi tốt nghiệp đại học
 - ③ Trường kỹ thuật chuyên nghiệp: chủ yếu là tiếp tục học lên sau khi tốt nghiệp trường trung học cơ sở

1-8. Kỳ thi tuyển sinh vào cơ sở Giáo dục đại học

- Để vào học tại một cơ sở Giáo dục đại học, cần tham dự kỳ thi và vòng xét duyệt hồ sơ do các cơ sở Giáo dục đại học tổ chức.
- Theo quyết định của mỗi cơ sở, cũng có trường hợp tiến hành vòng tuyển sinh đặc biệt dành cho người nước ngoài.
- Về du học sinh thì Kỳ thi Du học Nhật Bản (EJU) do Tổ chức Hỗ trợ Sinh viên Nhật Bản (JASSO) tổ chức được nhiều trường đại học v.v... sử dụng để tham khảo cho vòng tuyển sinh đặc biệt.

- ▣ Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy xác nhận tại trang chủ dưới đây:

<https://www.jasso.go.jp/en/eju/index.html>



2. Hỗ trợ tài chính chi phí giáo dục

2-1. Hỗ trợ đi học

- Có thể nhận được một phần tiền cần thiết cho đồ dùng học tập (đồng phục, cặp sách, văn phòng phẩm) và bữa trưa ở trường để con đi học.
- Đối tượng là người giám hộ trong các hộ gia đình thu nhập thấp và có con là học sinh tiểu học hoặc học sinh trung học cơ sở.

- Điều kiện nhận và số tiền khác nhau theo từng xã, phường, quận, thành phố nơi bạn đang sinh sống.

▣ Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy xác nhận tại trang chủ dưới đây:

https://www.mext.go.jp/a_menu/shotou/career/05010502/017.htm



2-2. Tiền hỗ trợ đi học trường trung học phổ thông v.v...

- Trường hợp thu nhập trong năm của người giám hộ thuộc hộ gia đình dưới 9,1 triệu yên, có thể nhận tiền hỗ trợ trang trải học phí trường trung học phổ thông.
- Học sinh theo học trường trung học phổ thông quốc lập hoặc công lập thì được cấp số tiền bằng với học phí.
- Học sinh theo học trường trung học phổ thông tư thục thì khoản tiền hỗ trợ sẽ thay đổi tùy thuộc vào thu nhập của người giám hộ.
- Cần đăng ký để nhận tiền hỗ trợ.
- Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy tìm hiểu hướng dẫn của trường hiện đang theo học.

▣ Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy xác nhận tại trang chủ dưới đây:

https://www.mext.go.jp/a_menu/shotou/mushouka/1342674.htm



▣ Tiếng Anh

https://www.mext.go.jp/a_menu/shotou/mushouka/__icsFiles/fieldfile/2020/04/30/100014428_2.pdf



2-3. Tiền trợ cấp khuyến học dành cho học sinh trung học phổ thông v.v...

- Người giám hộ của học sinh trung học phổ thông là người thuộc hộ gia đình thu nhập thấp thì có thể nhận tiền hỗ trợ trang trải các chi phí ngoài tiền học phí, chẳng hạn như chi phí mua sách giáo khoa, đồ dùng học tập v.v...
 - Khoản tiền được nhận khác nhau tùy theo loại trường hiện đang theo học.
 - Cần đăng ký để nhận tiền trợ cấp.
 - Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy liên hệ trường hoặc địa phương đang sinh sống.
- ▣ Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy xác nhận tại trang chủ dưới đây:

https://www.mext.go.jp/a_menu/shotou/mushouka/1344089.htm



▣ Tiếng Anh

https://www.mext.go.jp/a_menu/shotou/mushouka/___icsFiles/afieldfile/2020/04/30/100014428_2.pdf



2-4. Học bổng bậc Giáo dục đại học

- Học bổng được lập bởi chính phủ quốc gia, chính quyền địa phương và các tổ chức tư nhân.
- Có 2 loại trong cơ chế học bổng quốc gia.
 - ① Dạng trợ cấp: Cơ chế không cần trả lại
 - ② Dạng cho vay: Cơ chế cần trả lại khoản vay
- * Thêm vào đó, trong học bổng dạng cho vay có 2 loại: không kèm lãi suất (không tính lãi) và có kèm lãi suất (có tính lãi).
- Người nước ngoài tiếp tục học lên cơ sở Giáo dục đại học và có tư cách cư trú nêu dưới đây là đối tượng của cơ chế học bổng quốc gia.
 - ① Người vĩnh trú đặc biệt
 - ② Người vĩnh trú
 - ③ Vợ/chồng/con của người có quốc tịch Nhật Bản
 - ④ Vợ/chồng/con của người vĩnh trú
 - ⑤ Thường trú nhân (người có ý định vĩnh trú)
- Ngoài ra, có học bổng dạng trợ cấp dành cho đối tượng người có tư cách cư trú “Du học” thỏa mãn điều kiện về thành tích học tập v.v...
- ▣ Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy xác nhận tại trang chủ dưới đây:
https://www.jasso.go.jp/en/study_j/scholarships/shoureihi/index.html



3. Học tiếng Nhật

Nếu biết tiếng Nhật, cuộc sống tại Nhật Bản của các bạn sẽ thuận lợi hơn. Bạn sẽ có nhiều người quen, bạn bè hơn, và những người đó có thể giúp đỡ bạn trong cuộc sống tại Nhật Bản. Tiếng Nhật cũng sẽ giúp bạn hiện thực hóa hoài bão của mình. Hãy tiếp tục học tiếng Nhật để bạn có thể sống đúng theo cách mình muốn tại Nhật Bản.

3-1. Tổng quan việc học tiếng Nhật

- Có 5 loại chữ viết được sử dụng trong tiếng Nhật. Đó là chữ mềm (Hiragana), chữ cứng (Katakana), chữ Hán (Kanji), chữ Latinh (Romaji) và chữ số Ả Rập. Chữ mềm và chữ cứng đều có 46 chữ cái và các chữ cái viết nhỏ (chữ mềm có 4 chữ cái, chữ cứng có 9 chữ cái), ngoài ra còn sử dụng dấu “゛”, dấu “゜” và dấu “_”.
- Chữ Hán thì cũng có những chữ khó, nhưng sẽ rất tiện lợi nếu bạn nhớ được. Hãy vui vẻ học dần dần, bắt đầu từ những chữ Hán quen thuộc.
- Chữ Latinh thì thường dùng khi đánh chữ ví dụ như khi viết e-mail hay đăng tin trên mạng xã hội (SNS), v.v...
- Khi sinh sống tại Nhật Bản, việc biết tên (phát âm và các chữ viết ví dụ như chữ Hán, v.v... được viết để thể hiện tên) của các địa điểm, đường xá v.v... trong khu vực là rất quan trọng. Ngoài ra, tại Nhật Bản còn có rất nhiều “Phương ngữ (Hogen)”. Đây là các từ ngữ được sử dụng tại khu vực nhất định, rất quan trọng trong cuộc sống sinh hoạt tại địa phương đó. Bạn nên học phương ngữ tại các lớp học tiếng Nhật tại địa phương và thông qua hoạt động giao lưu với người dân địa phương.
- Ngoài ra, trong tiếng Nhật còn có Kính ngữ (Keigo). Bạn nên biết sự khác biệt giữa Tôn kính ngữ (Sonkeigo), Khiêm nhường ngữ (Kenjougo) và Từ ngữ lịch sự (Teineigo) v.v..., và cố gắng sử dụng được Kính ngữ.

3-2. Địa điểm học tiếng Nhật

Tại lớp học tiếng Nhật v.v..., có thể vừa học tiếng Nhật, vừa biết thêm thông tin đời sống, vừa có thể kết bạn. Hãy thử tìm trường tiếng Nhật, lớp học tiếng Nhật gần nơi bạn sống.

Ngoài ra, gần đây, ngày càng nhiều người học tiếng Nhật thông qua hệ thống giáo dục từ xa sử dụng mạng xã hội như Skype v.v... hoặc giáo dục trực tuyến (e-Learning) v.v... Hãy tìm kiếm phương pháp học tập phù hợp nhất với mình.

(1) Trường tiếng Nhật

- Có các khóa học khác nhau, tùy thuộc vào mục tiêu học tập của bạn, ví dụ như để học lên cao hơn, tìm kiếm việc làm, hoặc chuẩn bị cho một kỳ thi v.v...

- Có thể học bất kỳ cấp độ nào từ cơ bản đến nâng cao.
- Có thể chọn hình thái giờ học, ví dụ như học tại lớp, học nhóm, hoặc gia sư v.v...
- Phải đóng học phí.

(2) Lớp học tiếng Nhật tại địa phương

- Do chính quyền địa phương, hiệp hội giao lưu quốc tế, tổ chức phi lợi nhuận tổ chức.
- Được mở tại trung tâm cộng đồng, phòng học trống ở trường học, nhà thờ, trung tâm tình nguyện v.v...
- Phần lớn do tình nguyện viên dạy.
- Có cả lớp học miễn phí. Rẻ hơn trường tiếng Nhật.
- Thường mở lớp 1, 2 buổi 1 tuần, 1 buổi thường từ 1 đến 2 tiếng.

* Khi tìm lớp học tiếng Nhật, hãy kiểm tra các thông tin sau.

- ① Tên lớp
- ② Đơn vị tổ chức
- ③ Địa điểm
- ④ Thông tin liên hệ
- ⑤ Phương pháp liên lạc
- ⑥ Ngôn ngữ có thể dùng
- ⑦ Thời gian học
- ⑧ Số buổi học
- ⑨ Ngày giờ
- ⑩ Điều kiện tham gia
- ⑪ Chi phí
- ⑫ Hình thức lớp học (học nhóm, một thầy một trò v.v...)
- ⑬ Số người
- ⑭ Trình độ
- ⑮ Người dạy
- ⑯ Nội dung
- ⑰ Có bãi đỗ xe hay dịch vụ trông giữ trẻ hay không v.v...

(3) Giáo dục từ xa, trực tuyến

Nếu bạn quá bận rộn để có thể tham gia các lớp tiếng Nhật, giả sử vì công việc hoặc chăm sóc con cái, bạn cũng có thể học tiếng Nhật thông qua các khóa học từ xa hoặc học trực tuyến. Có nhiều mức học phí và dạng dịch vụ, vì vậy bạn hãy chọn cách phù hợp nhất với mình để theo học.

3-3. Tiếng Nhật dành cho “Người nước ngoài sinh sống tại Nhật Bản”

Những điều cần thiết và những điều đặc biệt quan trọng liên quan đến an toàn để người nước ngoài yên tâm sinh sống tại Nhật Bản được tổng hợp thành “Các hoạt động sinh hoạt” viết bằng 23 ngôn ngữ. Hãy xem bạn đã làm được gì bằng tiếng Nhật và xem bạn còn muốn làm được gì nữa. Sau đó, bạn có thể truyền đạt điều đó với giáo viên tiếng Nhật hoặc người đang giúp bạn học tiếng Nhật.

- ▣ [Ví dụ về các hoạt động sinh hoạt (23 ngôn ngữ)]

Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy xác nhận tại trang chủ dưới đây:

https://www.bunka.go.jp/seisaku/kokugo_nihongo/kyoiku/nihongo_curriculum/index_2.html



3-4. Tài liệu dạy và học tiếng Nhật

Trước khi mua sách giáo khoa, hãy cân nhắc xem bạn sẽ học một mình hay với người nào đó, ví dụ như với bạn bè, với tình nguyện viên trong khu vực, với đồng nghiệp tại nơi làm việc, người thân v.v... Trường hợp học ở lớp, sách giáo khoa hầu như đều đã được ấn định sẵn. Trường hợp bạn học cùng “người nào đó”, hãy chọn sau khi đã bàn bạc kỹ càng với người đó.

Tiếp theo là nội dung học. Bạn muốn học chữ tiếng Nhật (chữ mềm, chữ cứng, chữ Hán, chữ Latinh)? Hay là hội thoại? Hay học toàn bộ cả đọc, viết, nói, nghe? Tài liệu học sẽ thay đổi tùy vào nội dung học.

- ▣ Tài liệu dạy và học tiếng Nhật cũng có bày bán tại các hiệu sách lớn, nhưng bạn cũng có thể tham khảo ví dụ trong “Sổ tay Học tiếng Nhật và cuộc sống ở Nhật Bản”.

https://www.bunka.go.jp/seisaku/kokugo_nihongo/kyoiku/handbook/



- ▣ Tại trang Web học tiếng Nhật “Tsunagaru Hirogaru Nihongo de no Kurashi (Kết nối Mở rộng Sinh hoạt bằng tiếng Nhật)”, các bạn người nước ngoài đang sinh sống tại Nhật Bản có thể học tiếng Nhật nhằm đến việc có thể giao tiếp và có thể sinh hoạt được bằng tiếng Nhật.

<https://tsunagarujp.bunka.go.jp/>



Chương VI. Y tế

1. Cơ sở y tế

1-1. Các loại cơ sở y tế

- Có nhiều loại cơ sở y tế khác nhau ở Nhật Bản với những vai trò khác nhau. Nếu bệnh tật, thương tích ở mức độ nhẹ, hãy đi đến phòng khám gần nơi sinh sống.
 - ① Phòng khám, trạm xá: Trường hợp điều trị bệnh tật, thương tích thông thường
 - ② Bệnh viện vừa và nhỏ: Trường hợp cần phẫu thuật, nhập viện và trường hợp cần cấp cứu
 - ③ Bệnh viện lớn: Trường hợp điều trị cho bệnh nhân cấp cứu nghiêm trọng, và cần y tế kỹ thuật cao.
- Hãy xuất trình thẻ bảo hiểm y tế tại bệnh viện và phòng khám. Trường hợp không xuất trình thẻ bảo hiểm y tế, sẽ phải tự thanh toán toàn bộ chi phí y tế.
- Khám ở khoa nào là tùy vào tình hình bệnh tật và thương tích. Dưới đây trình bày ví dụ từng khoa có thể khám bệnh tật, thương tích như thế nào.

Khoa nội	Chẩn đoán các bệnh của cơ quan nội tạng như hệ tiêu hóa, hệ hô hấp, hệ tuần hoàn, hệ tiết niệu, máu, nội tiết, thần kinh v.v..., và chủ yếu sử dụng thuốc, điều trị không phẫu thuật. Cũng chẩn đoán và điều trị các bệnh thông thường như cảm lạnh v.v...
Khoa ngoại	Điều trị với trọng tâm là phẫu thuật đối với bệnh ung thư hoặc các bệnh về nội tạng do chấn thương.
Khoa nhi	Điều trị bệnh gặp ở trẻ em.
Khoa phẫu thuật chỉnh hình	Điều trị bệnh ở các cơ quan liên quan đến vận động như xương, khớp, cơ và gân và các bệnh liên quan đến thần kinh tại các cơ quan đó.
Nhãn khoa	Điều trị các bệnh liên quan đến mắt.
Nha khoa	Điều trị các bệnh liên quan đến răng, chỉnh răng và làm răng giả v.v...
Khoa sản	Điều trị các bệnh v.v... liên quan đến việc sinh con như mang thai, đẻ con, trẻ sơ sinh v.v...

1-2. Tìm cơ sở y tế

- Có thể tìm cơ sở y tế bằng các phương pháp nêu dưới đây.

- ① Tạp chí thông tin công cộng phát hành bởi cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi bạn sống
- ② Internet
- ③ Mạng thông tin y tế do mỗi tỉnh thành cung cấp trên trang chủ v.v...

* Ngoài ra, còn có thể tìm kiếm cơ sở y tế (cơ sở y tế chủ lực, v.v... có thể tiếp nhận người nước ngoài do các tỉnh thành chỉ định) bằng tiếng nước ngoài tại trang Web của Cục du lịch Chính phủ Nhật Bản dành cho khách du lịch người nước ngoài đến tham quan Nhật Bản (JNTO)

https://www.jnto.go.jp/emergency/jpn/mi_guide.html



- Ngoài ra, cũng có thể tham vấn những nơi dưới đây.

- ① Cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi bạn sống
- ② Trung tâm hỗ trợ an toàn y tế (*)

(*) Có hơn 380 Trung tâm hỗ trợ an toàn y tế được đặt tại các tỉnh thành, các quận đặc biệt và các thành phố có Phòng chăm sóc sức khỏe trên khắp Nhật Bản. Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy xác nhận tại trang chủ dưới đây:

<http://www.anzen-shien.jp/center/index.html>



- Ngoài ra, người không nói được tiếng Nhật có thể tham vấn những nơi dưới đây.

- ① Cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi bạn sống
- ② Hiệp hội giao lưu quốc tế thuộc khu vực đang sống
- ③ Tổ chức phi lợi nhuận (tư cách pháp nhân NPO) (có tổ chức tư vấn bằng ngoại ngữ)

2. Bảo hiểm y tế

Bất kể quốc tịch thuộc quốc gia nào, người sống tại Nhật Bản đều phải tham gia bảo hiểm y tế công. Đây là cơ chế toàn xã hội cùng chia sẻ chi phí, nhờ đó mà giảm bớt phần chi phí y tế tự chi trả, đảm bảo bình đẳng cơ hội nhận được dịch vụ y tế tiên tiến, chất lượng cao.

2-1. Bảo hiểm sức khỏe

(1) Điều kiện tham gia

Người làm việc tại công ty (cơ sở) có nghĩa vụ phải tham gia bảo hiểm sức khỏe và cần tham gia bảo hiểm sức khỏe

- ① Nhân viên chính thức, người đại diện cho tổ chức có tư cách pháp nhân, thành viên hội đồng quản trị
- ② Người thỏa mãn toàn bộ 5 điều kiện dưới đây
 - Thời gian lao động hàng tuần theo hợp đồng là từ 20 tiếng trở lên
 - Dự kiến thời gian làm việc từ 1 năm trở lên
 - Tiền lương mỗi tháng từ 88.000 yên trở lên
 - Không phải sinh viên
 - Làm việc cho công ty có 501 nhân viên trở lên
- ③ Người làm bán thời gian, lao động bán thời gian tạm thời (Arubaito) v.v... dù thời gian lao động mỗi tuần dưới 30 tiếng nhưng làm việc ít nhất 3 phần 4 thời gian lao động hàng tuần theo hợp đồng của nhân viên chính thức làm việc tại cùng công ty (cơ sở)

(2) Phí bảo hiểm

Theo nguyên tắc, công ty và người được bảo hiểm mỗi bên chi trả một nửa phí bảo hiểm của bảo hiểm sức khỏe. Người phụ thuộc không phải trả phí bảo hiểm.

(3) Nội dung trợ cấp

Chi phí y tế tự chi trả

Tỷ lệ chi phí y tế cá nhân chi trả một phần khi sử dụng bảo hiểm (tự chi trả) là:

- Dưới 6 tuổi (trước khi đi học tiểu học): 20%
- Dưới 70 tuổi: 30%
- Từ 70 tuổi đến 74 tuổi: 20% (người có thu nhập tương đương với người đang đi làm thì 30%)

Chi phí trị liệu

- Khi vừa mới vào làm và chưa có thẻ bảo hiểm trong tay
- Khi mua dụng cụ chỉnh hình ví dụ như dụng cụ bó bột v.v...

- Đi massage hoặc châm cứu v.v... theo đề nghị của bác sĩ
- Được điều trị y tế bên ngoài Nhật Bản v.v...

Tự chi trả toàn bộ các chi phí phục vụ cho trị liệu nêu trên, sau đó gửi yêu cầu, nếu được chấp nhận, sẽ được cấp chi phí trị liệu ngoài số tiền thuộc khoản tự chi trả.

Chi phí trị liệu đắt tiền

Trường hợp số tiền đã trả tại cơ sở y tế và nhà thuốc (không bao gồm chi phí bữa ăn và phí chênh lệch giường bệnh v.v... khi nhập viện) trong 1 tháng vượt quá mức nhất định, cơ chế này sẽ chi trả khoản vượt quá đó. Giới hạn thanh toán trần cho mỗi tháng, tức là số tiền tự chi trả của người tham gia bảo hiểm sẽ khác nhau tùy thuộc vào việc họ có ở độ tuổi 70 trở lên hay không và mức thu nhập của họ.

Chi phí chuyên chở

Trường hợp một bệnh nhân quá ốm hoặc bị thương quá nặng không thể di chuyển và phải được chở đi tạm thời hoặc khẩn cấp theo chỉ định của bác sĩ, nếu thỏa mãn toàn bộ yêu cầu dưới đây thì sẽ được chi trả chi phí chuyên chở bằng tiền mặt.

- Đã được điều trị phù hợp nhờ vào việc chuyên chở
- Gặp khó khăn khi di chuyển do bệnh tật hoặc do vết thương dẫn đến việc phải chuyên chở
- Trường hợp khẩn cấp và các tình huống bất khả kháng khác

Tiền trợ cấp ốm đau

Khi người được bảo hiểm (người tham gia bảo hiểm) không thể làm việc do bệnh tật hoặc thương tích, nghỉ làm liên tục 3 ngày, tiền trợ cấp ốm đau sẽ được chi trả đối với ngày đã nghỉ kể từ ngày thứ 4 trở đi.

Khoảng thời gian được chi trả tối đa là 1 năm 6 tháng tính từ ngày bắt đầu chi trả.

Tiền trợ cấp sinh và chăm sóc con trẻ 1 lần

Là cơ chế để giảm bớt gánh nặng kinh tế cần khi sinh con, trợ cấp khi người được bảo hiểm (người tham gia bảo hiểm) hoặc người phụ thuộc của người đó sinh con. Theo nguyên tắc, số tiền cấp là 420.000 yên mỗi trẻ em.

Tiền trợ cấp sinh con

Khi người được bảo hiểm thuộc bảo hiểm sức khỏe nghỉ làm vì lý do sinh con, trong phạm vi 42 ngày (trường hợp đa thai là 98 ngày) trước ngày (dự) sinh đến 56 ngày sau khi sinh, tiền trợ cấp sinh con sẽ được trả với đối tượng là khoảng thời gian nghỉ công ty.

Chi phí trị liệu của gia đình

Chi phí trị liệu của gia đình được chi trả đối với bệnh tật và thương tích của người phụ thuộc. Phạm vi chi trả, cách thức nhận, khoảng thời gian nhận v.v... giống như cấp chi phí trị liệu đối với người được bảo hiểm (người tham gia bảo hiểm).

2-2. Bảo hiểm sức khỏe quốc dân

(1) Điều kiện tham gia

- Những người đã hoàn thành đăng ký cư trú, dưới 75 tuổi và không phải đối tượng của bảo hiểm sức khỏe tại nơi làm việc đều phải tham gia Bảo hiểm sức khỏe quốc dân.
- Ngoại trừ các trường hợp dưới đây, người nước ngoài đều phải tham gia Bảo hiểm sức khỏe quốc dân.
 - ① Thời gian cư trú từ 3 tháng trở xuống (*)
 - ② Tư cách cư trú “Cư trú ngắn hạn”
 - ③ Tư cách cư trú là “Hoạt động được điều trị y tế” hoặc “Hoạt động chăm sóc hàng ngày cho người đó” trong số các tư cách cư trú “Hoạt động đặc định”
 - ④ Tư cách cư trú là “Du lịch, nghỉ dưỡng và các hoạt động tương tự” trong số các tư cách cư trú “Hoạt động đặc định”
 - ⑤ Tư cách cư trú “Ngoại giao”
 - ⑥ Người không có tư cách cư trú, ví dụ như cư trú bất hợp pháp v.v...
 - ⑦ Người đến từ quốc gia đã ký kết Hiệp định An sinh xã hội bao gồm Bảo hiểm y tế với Nhật Bản và đã được chính phủ Nhật Bản cấp Giấy chứng nhận tham gia bảo hiểm xã hội (Giấy chứng nhận áp dụng)

(*) Dù thời gian cư trú từ 3 tháng trở xuống nhưng thuộc vào 1 trong số các tư cách cư trú dưới đây và được cho phép cư trú hơn 3 tháng trên cơ sở xem xét tài liệu thì có thể tham gia bảo hiểm.

- Tư cách cư trú “Giải trí”
- Tư cách cư trú “Thực tập kỹ thuật”
- Tư cách cư trú “Đoàn tụ gia đình”
- Tư cách cư trú “Hoạt động đặc định” (Trừ trường hợp thuộc mục ③ hoặc ④ nêu trên.)

(2) Thủ tục tham gia và rút khỏi

Tiến hành thủ tục tham gia và rút khỏi (*) Bảo hiểm sức khỏe quốc dân tại cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi bạn đang sinh sống. Để biết thêm chi tiết, hãy liên hệ cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi bạn đang sinh sống.

(*) Những người dưới đây cần làm thủ tục rút khỏi Bảo hiểm sức khỏe quốc dân.

- ① Người chuyển nơi ở từ xã, phường, quận, thành phố nơi đang sinh sống sang xã, phường, quận, thành phố khác
- ② Người đã tham gia bảo hiểm sức khỏe tại nơi làm việc v.v...

(3) Phí bảo hiểm

Phí bảo hiểm được tính toán theo đơn vị hộ gia đình, được quyết định căn cứ vào thu nhập và số lượng người tham gia. Chủ hộ là người có nghĩa vụ nộp phí bảo hiểm.

* Tùy vào thu nhập và tình hình cuộc sống v.v..., cũng có trường hợp được giảm phí bảo hiểm. Để biết thêm chi tiết, hãy liên hệ cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi bạn đang sinh sống.

(4) Nội dung trợ cấp

Chi phí y tế tự chi trả

Tỷ lệ chi phí y tế cá nhân chi trả một phần khi sử dụng bảo hiểm (tự chi trả) là:

- Dưới 6 tuổi (trước khi đi học tiểu học): 20%
- Dưới 70 tuổi: 30%
- Từ 70 tuổi đến 74 tuổi: 20% (người có thu nhập tương đương với người đang đi làm thì 30%)

Chi phí trị liệu

- Khi vừa mới vào làm và chưa có thẻ bảo hiểm trong tay

- Khi mua dụng cụ chỉnh hình ví dụ như dụng cụ bó bột v.v...
- Đi massage hoặc châm cứu v.v... theo đề nghị của bác sĩ
- Được điều trị y tế bên ngoài Nhật Bản v.v...

Tự chi trả toàn bộ các chi phí phục vụ cho trị liệu nêu trên, sau đó gửi yêu cầu, nếu được chấp nhận, sẽ được cấp chi phí trị liệu ngoài số tiền thuộc khoản tự chi trả.

Chi phí trị liệu đất liền

Trường hợp số tiền đã trả tại cơ sở y tế và nhà thuốc (không bao gồm chi phí bữa ăn và phí chênh lệch giường bệnh v.v... khi nhập viện) trong 1 tháng vượt quá mức nhất định, cơ chế này sẽ chi trả khoản vượt quá đó. Giới hạn thanh toán trần cho mỗi tháng, tức là số tiền tự chi trả của người tham gia bảo hiểm sẽ khác nhau tùy thuộc vào việc họ có ở độ tuổi 70 trở lên hay không và mức thu nhập của họ.

Chi phí chuyên chở

Trường hợp một bệnh nhân quá ốm hoặc bị thương quá nặng không thể tự di chuyển và phải được chở đi tạm thời hoặc khẩn cấp theo chỉ định của bác sĩ, nếu thỏa mãn toàn bộ yêu cầu dưới đây thì sẽ được chi trả chi phí chuyên chở bằng tiền mặt.

- Đã được điều trị phù hợp nhờ vào việc chuyên chở
- Gặp khó khăn khi di chuyển do bệnh tật hoặc do vết thương dẫn đến việc phải chuyên chở
- Trường hợp khẩn cấp và các tình huống bất khả kháng khác

Tiền trợ cấp sinh và chăm sóc con trẻ 1 lần

Là cơ chế để giảm bớt gánh nặng kinh tế cần khi sinh con, trợ cấp khi người được bảo hiểm sinh con. Theo nguyên tắc, số tiền cấp là 420.000 yên mỗi trẻ em.

2-3. Cơ chế y tế dành cho người cao tuổi từ 75 tuổi trở lên

(1) Điều kiện tham gia

Khi bạn 75 tuổi

- Những người đã hoàn thành đăng ký cư trú, từ 75 tuổi trở lên đều phải tham gia Cơ chế y tế dành cho người cao tuổi từ 75 tuổi trở lên.

- Người từ 65 đến 74 tuổi và được chứng nhận là có một khuyết tật cụ thể cũng có thể tham gia.
 - Sẽ phải rút khỏi Bảo hiểm sức khỏe (Bảo hiểm sức khỏe quốc dân, Bảo hiểm sức khỏe của hiệp hội, Hiệp hội bảo hiểm y tế Nhật Bản hoặc một hiệp hội tương trợ v.v...) đã tham gia trước đó.
-
- Ngoại trừ các trường hợp dưới đây, người nước ngoài từ 75 tuổi trở lên đều phải tham gia Cơ chế y tế dành cho người cao tuổi từ 75 tuổi trở lên.
 - ① Thời gian cư trú từ 3 tháng trở xuống (*)
 - ② Tư cách cư trú “Cư trú ngắn hạn”
 - ③ Tư cách cư trú là “Hoạt động được điều trị y tế” hoặc “Hoạt động chăm sóc hàng ngày cho người đó” trong số các tư cách cư trú “Hoạt động đặc định”
 - ④ Tư cách cư trú là “Du lịch, nghỉ dưỡng và các hoạt động tương tự” trong số các tư cách cư trú “Hoạt động đặc định”
 - ⑤ Tư cách cư trú “Ngoại giao”
 - ⑥ Người không có tư cách cư trú, ví dụ như cư trú bất hợp pháp v.v...
 - ⑦ Người đến từ quốc gia đã ký kết Hiệp định An sinh xã hội bao gồm Bảo hiểm y tế với Nhật Bản và đã được chính phủ Nhật Bản cấp Giấy chứng nhận tham gia bảo hiểm xã hội (Giấy chứng nhận áp dụng)
- (*) Dù thời gian cư trú từ 3 tháng trở xuống nhưng thuộc vào 1 trong số các tư cách cư trú dưới đây và được cho phép cư trú hơn 3 tháng trên cơ sở xem xét tài liệu thì có thể tham gia bảo hiểm.
- Tư cách cư trú “Giải trí”
 - Tư cách cư trú “Thực tập kỹ thuật”
 - Tư cách cư trú “Đoàn tụ gia đình”
 - Tư cách cư trú “Hoạt động đặc định” (Trừ trường hợp thuộc mục ③ hoặc ④ nêu trên.)

(2) Thủ tục tham gia và rút khỏi

Tiến hành thủ tục tham gia và rút khỏi Cơ chế y tế dành cho người cao tuổi từ 75 tuổi trở lên tại cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi bạn đang sinh sống. Để

biết thêm chi tiết, hãy liên hệ cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi bạn đang sinh sống.

Ngoài ra, người chuyển nơi ở từ xã, phường, quận, thành phố nơi đang sinh sống sang xã, phường, quận, thành phố khác v.v... thì cần làm thủ tục rút khỏi Cơ chế y tế dành cho người cao tuổi từ 75 tuổi trở lên.

(3) Phí bảo hiểm

Phí bảo hiểm là tổng của số tiền trung bình tất cả người tham gia bảo hiểm phải đóng như nhau và mức tiền phải trả dựa trên thu nhập của người được bảo hiểm.

Trường hợp là người phụ thuộc trong bảo hiểm sức khỏe tại công ty v.v... và tùy thuộc vào thu nhập và tình hình cuộc sống v.v..., cũng có trường hợp được giảm phí bảo hiểm. Để biết thêm chi tiết, hãy liên hệ cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi bạn đang sinh sống.

(4) Nội dung trợ cấp

Chi phí y tế tự chi trả

Tỷ lệ chi phí y tế cá nhân chi trả một phần khi sử dụng bảo hiểm (tự chi trả) là 10% chi phí y tế. Tuy nhiên, với người có thu nhập tương đương với người đang đi làm thì là 30%.

Chi phí trị liệu

- Khi vừa mới tham gia bảo hiểm và chưa có thẻ bảo hiểm trong tay
- Khi mua dụng cụ chỉnh hình ví dụ như dụng cụ bó bột v.v...
- Đi massage hoặc châm cứu v.v... theo đề nghị của bác sĩ
- Được điều trị y tế bên ngoài Nhật Bản v.v...

Tự chi trả toàn bộ các chi phí phục vụ cho trị liệu nêu trên, sau đó gửi yêu cầu, nếu được chấp nhận, sẽ được cấp chi phí trị liệu ngoài số tiền thuộc khoản tự chi trả.

Chi phí trị liệu đắt tiền

Trường hợp số tiền đã trả tại cơ sở y tế và nhà thuốc (không bao gồm chi phí bữa ăn và phí chênh lệch giường bệnh v.v... khi nhập viện) trong 1 tháng vượt quá mức nhất định, cơ chế này sẽ chi trả khoản vượt quá đó. Giới hạn thanh toán trần cho mỗi tháng,

tức là số tiền tự chi trả của người tham gia bảo hiểm sẽ khác nhau tùy thuộc vào mức thu nhập của họ.

Chi phí chuyên chở

Trường hợp một bệnh nhân quá ốm hoặc bị thương quá nặng không thể tự di chuyển và phải được chở đi tạm thời hoặc khẩn cấp theo chỉ định của bác sĩ, nếu thỏa mãn toàn bộ yêu cầu dưới đây thì sẽ được chi trả chi phí chuyên chở bằng tiền mặt.

- Đã được điều trị phù hợp nhờ vào việc chuyên chở
- Gặp khó khăn khi di chuyển do bệnh tật hoặc do vết thương dẫn đến việc phải chuyên chở
- Trường hợp khẩn cấp và các tình huống bất khả kháng khác

3. Thuốc

- Thuốc có thể mua tại nhà thuốc hoặc cửa hàng dược, hóa mỹ phẩm.
- Thuốc đôi khi được sử dụng để điều trị bệnh tật và thương tích nhưng thuốc có tác dụng phụ nên cần lưu ý cách sử dụng.
- Nếu có thắc mắc về thuốc, hãy hỏi dược sĩ hoặc người bán đã được đăng ký có mặt tại nhà thuốc hoặc cửa hàng dược, hóa mỹ phẩm.

* Người bán đã được đăng ký có thể bán một số loại thuốc mà bạn có thể mua không cần đơn do bác sĩ kê (Dược phẩm OTC (thuốc không kê đơn)).

3-1. Nhà thuốc

Nhà thuốc tiến hành pha chế dựa trên đơn thuốc do bác sĩ kê, bạn có thể mua thuốc theo đơn tại nhà thuốc. Ngoài ra, cũng có thể mua dược phẩm OTC (thuốc không kê đơn) tại nhà thuốc.

3-2. Cửa hàng dược, hóa mỹ phẩm

Về dược phẩm OTC (thuốc không kê đơn) thì có thể mua giống như tại nhà thuốc. Tuy nhiên, tại cửa hàng dược, hóa mỹ phẩm thường không tiếp nhận đơn thuốc.

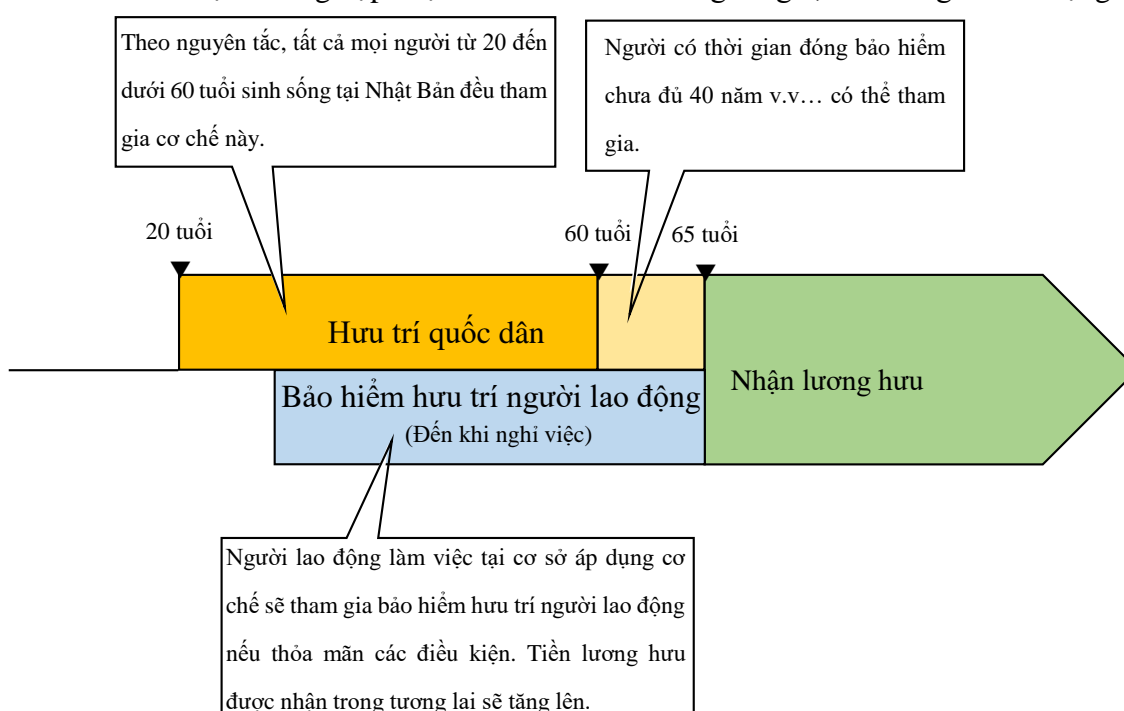
Chương VII. Lương hưu, phúc lợi

1. Lương hưu

Cơ chế lương hưu của Nhật Bản là cơ chế toàn xã hội qua các thể hệ hỗ trợ lẫn nhau, nhằm chuẩn bị cho tương lai không thể báo trước, để đảm bảo an sinh trong suốt cuộc đời người dân.

Được vận hành bằng phương thức dùng phí bảo hiểm được đóng bởi thể hệ đang làm việc vào việc cấp lương hưu cho người cao tuổi v.v...

【Sơ đồ minh họa trường hợp nhận hưu trí cơ bản cho người già, hưu trí người lao động】



1-1. Hưu trí quốc dân

Trong cơ chế lương hưu công của Nhật Bản, theo nguyên tắc, tất cả mọi người từ 20 đến dưới 60 tuổi sinh sống tại Nhật Bản đều phải tham gia cơ chế lương hưu công này.

(1) Người được bảo hiểm (người tham gia bảo hiểm) và thủ tục tham gia

Người được bảo hiểm (người tham gia bảo hiểm) hưu trí quốc dân được chia thành 3 nhóm, từ Người được bảo hiểm Nhóm 1 đến 3.

① Người được bảo hiểm Nhóm 1

Chương VII. Lương hưu, phúc lợi

- Người tự làm chủ hoặc tham gia vào hoạt động nông nghiệp, ngư nghiệp v.v..., người không thuộc Người được bảo hiểm Nhóm 2 và Người được bảo hiểm Nhóm 3 sẽ thuộc Người được bảo hiểm Nhóm 1 của cơ chế Hưu trí quốc dân.
- Tự bản thân người tham gia bảo hiểm tiến hành thủ tục tham gia tại cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi người đó đang sinh sống.
- ② Người được bảo hiểm Nhóm 2
 - Người đang làm việc tại công ty v.v... và đang tham gia Bảo hiểm hưu trí người lao động sẽ thuộc Người được bảo hiểm Nhóm 2 của cơ chế Hưu trí quốc dân.
 - Thủ tục tham gia do công ty v.v... (người chủ doanh nghiệp) tiến hành.
- ③ Người được bảo hiểm Nhóm 3
 - Người phối ngẫu được người đang tham gia Bảo hiểm hưu trí người lao động (Người được bảo hiểm Nhóm 2 của cơ chế Hưu trí quốc dân) nuôi sẽ thuộc Người được bảo hiểm Nhóm 3 của cơ chế Hưu trí quốc dân.
 - Người phối ngẫu (Người được bảo hiểm Nhóm 2 của cơ chế Hưu trí quốc dân) tiến hành thủ tục tham gia thông qua công ty v.v... nơi đang làm việc.
- * Người phối ngẫu được nuôi bởi Người được bảo hiểm Nhóm 1 thì không thuộc Người được bảo hiểm Nhóm 3.
- * Người phối ngẫu được nuôi bởi người thụ hưởng lương hưu từ 65 tuổi trở lên đang tham gia Bảo hiểm hưu trí người lao động cũng không thuộc Người được bảo hiểm Nhóm 3.

(2) Phí bảo hiểm

- Phí bảo hiểm Hưu trí quốc dân của Người được bảo hiểm Nhóm 1 là một khoản cố định. Người được bảo hiểm Nhóm 2, Người được bảo hiểm Nhóm 3 không phải nộp Phí bảo hiểm Hưu trí quốc dân.
- Có thể nộp phí bảo hiểm bằng phương thức giấy nộp tiền, chuyển khoản ngân hàng hoặc thanh toán bằng thẻ tín dụng.
- Nếu trả gộp trước phí bảo hiểm thì sẽ được áp dụng khoản chiết khấu.
- Trường hợp gặp khó khăn trong việc nộp phí bảo hiểm vì lý do thu nhập giảm hoặc thất nghiệp v.v..., có cơ chế miễn trừ, tạm hoãn đóng phí bảo hiểm.

- Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy liên hệ cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi bạn đang sinh sống hoặc Văn phòng Lương hưu.

(3) Quyền lợi bảo hiểm

Hưu trí cơ bản cho người già

- Người có thời gian điều kiện thụ hưởng (thời gian đã đóng phí bảo hiểm và thời gian được miễn phí bảo hiểm v.v...) từ 10 năm trở lên có thể nhận hưu trí cơ bản cho người già từ 65 tuổi.
 - Số tiền hưu trí cơ bản cho người già được quyết định theo thời gian đã đóng phí bảo hiểm.
 - Người đã đóng phí bảo hiểm trong 40 năm từ 20 tuổi đến 60 tuổi có thể nhận toàn bộ số tiền hưu trí cơ bản cho người già.
- * Thời gian chưa đóng phí bảo hiểm không được tính là thời gian điều kiện thụ hưởng.
- * Về số tiền hưu trí cơ bản cho người già của người có thời gian được miễn phí bảo hiểm, công thức tính toán khác nhau sẽ được áp dụng tùy theo loại miễn trừ và tỷ lệ trợ cấp của nhà nước trong lương hưu cơ bản.

Hưu trí cơ bản cho người khuyết tật

- Người đáp ứng tất cả những điều dưới đây có thể nhận Hưu trí cơ bản cho người khuyết tật.
 - ① Bệnh tật hoặc thương tích dẫn đến còn khuyết tật trên mức nhất định
 - ② Ngày khám đầu tiên về bệnh tật hoặc thương tích đó nằm trong thời gian đang tham gia Hưu trí quốc dân (về bệnh tật hoặc thương tích là nguyên nhân gây khuyết tật, ngày đầu tiên được khám chữa)
 - ③ Thoả mãn các điều kiện đóng phí bảo hiểm tại thời điểm ngày khám đầu tiên.
- Hưu trí cơ bản cho người khuyết tật có cấp độ 1 và cấp độ 2.
- Số tiền Hưu trí cơ bản cho người khuyết tật thay đổi theo cấp độ.
 - ① Khuyết tật cấp độ 1 → Gấp 1,25 lần toàn bộ khoản hưu trí cơ bản cho người già
 - ② Khuyết tật cấp độ 2 → Bằng toàn bộ khoản hưu trí cơ bản cho người già
- Với cả cấp độ 1 và 2, trong trường hợp có “Con” sẽ tính bổ sung.

Lương hưu cơ bản trả cho tang quyến

- “Người phôi ngẫu có con” hoặc “Con” đáp ứng điều kiện dưới đây có thể nhận Lương hưu cơ bản trả cho tang quyến.

⇒ Tương ứng với ① hoặc ②

- ① Tại thời điểm người được bảo hiểm Hưu trí quốc dân hoặc người đã người được bảo hiểm chết, người đó đã thỏa mãn điều kiện đóng phí bảo hiểm Hưu trí quốc dân
- ② Người chết là người có thời gian điều kiện thụ hưởng hưu trí cơ bản cho người già từ 25 năm trở lên

⇒ Kế sinh nhai được duy trì bởi người đã chết.

- Số tiền Lương hưu cơ bản trả cho tang quyến bằng toàn bộ khoản hưu trí cơ bản cho người già. Trong trường hợp có “Con” sẽ tính bổ sung.

● Một điểm quan trọng Định nghĩa “Con”

“Con” chỉ đứa trẻ chưa kết hôn như dưới đây.

- Đứa trẻ trong thời gian chưa đến ngày 31 tháng 3 của năm tài chính mà đứa trẻ bước sang tuổi 18
- Dưới 20 tuổi và có tình trạng khuyết tật thuộc khuyết tật cấp độ 1 hoặc 2

Trợ cấp tử vong trả 1 lần

- Trường hợp người có số tháng đã đóng phí bảo hiểm với tư cách là Người được bảo hiểm Nhóm 1 từ 36 tháng trở lên chết khi chưa nhận cả hưu trí cơ bản cho người già hay hưu trí cơ bản cho người khuyết tật, và tang quyến của người đó không thể nhận Lương hưu cơ bản trả cho tang quyến thì tang quyến có thể nhận Trợ cấp tử vong trả 1 lần.
- Số tiền trợ cấp tử vong trả 1 lần khác nhau tùy theo khoảng thời gian đã đóng phí bảo hiểm và khoảng thời gian đã được miễn phí bảo hiểm.

Lương hưu trả cho goá phụ

- Lương hưu trả cho goá phụ là trường hợp người chồng có khoảng thời gian đã đóng phí bảo hiểm với tư cách là Người được bảo hiểm Nhóm 1 của Hưu trí quốc dân từ 10 năm trở lên chết, kế sinh nhai được duy trì bởi người chồng và mối quan

hệ hôn nhân cũng được duy trì từ 10 năm trở lên tại thời điểm người chồng chết, người vợ có thể nhận Lương hưu trả cho goá phụ trong khoảng thời gian từ 60 tuổi đến 65 tuổi.

- Số tiền Lương hưu trả cho goá phụ bằng 3 phần 4 số tiền hưu trí cơ bản cho người già tính toán chỉ căn cứ vào khoảng thời gian người chồng là Người được bảo hiểm Nhóm 1.

1-2. Bảo hiểm hưu trí người lao động

Nếu người lao động làm việc tại cơ sở kinh doanh được áp dụng thỏa mãn các điều kiện thì sẽ tham gia Bảo hiểm hưu trí người lao động. (Điều kiện cơ sở kinh doanh được áp dụng, điều kiện để tham gia bảo hiểm thì giống như Bảo hiểm sức khỏe.)

Người lao động không phải là đối tượng tham gia Bảo hiểm hưu trí người lao động sẽ tham gia Hưu trí quốc dân.

(1) Người được bảo hiểm (người tham gia bảo hiểm)

- Nếu người dưới 70 tuổi làm việc tại cơ sở kinh doanh được áp dụng thỏa mãn điều kiện thì sẽ trở thành người được bảo hiểm (người tham gia bảo hiểm) của Bảo hiểm hưu trí người lao động.

* Cơ sở kinh doanh được áp dụng

Cơ sở kinh doanh như dưới đây là cơ sở kinh doanh được áp dụng.

- ① Pháp nhân ví dụ như công ty cổ phần v.v...
- ② Cơ sở kinh doanh tư nhân (từ 5 người trở lên) ngoại trừ ngành nghề nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và ngành dịch vụ v.v...

(2) Phí bảo hiểm

- Phần phí bảo hiểm do bản thân một người chi trả được tính toán như dưới đây.
Lương hàng tháng (khoản thù lao hàng tháng tiêu chuẩn) và tiền thưởng (khoản tiền thưởng tiêu chuẩn) \times Tỷ lệ phí bảo hiểm $\div 2$

- * Chủ doanh nghiệp và người được bảo hiểm (người tham gia bảo hiểm) mỗi bên chi trả một nửa phí bảo hiểm của Bảo hiểm hưu trí người lao động.

(3) Quyền lợi bảo hiểm

Hưu trí tuổi già dành cho người lao động

- Người có thời gian là người được bảo hiểm (người tham gia bảo hiểm) của hưu trí người lao động, thời gian điều kiện thụ hưởng từ 10 năm trở lên thì có thể nhận Hưu trí tuổi già dành cho người lao động.
 - Số tiền Hưu trí tuổi già dành cho người lao động được quyết định căn cứ vào Lương hàng tháng (khoản thù lao hàng tháng tiêu chuẩn) v.v... và độ dài khoảng thời gian khi còn là người được bảo hiểm (người tham gia bảo hiểm) của hưu trí người lao động.
- * Có trường hợp người thuộc năm sinh nhất định và thỏa mãn điều kiện đóng phí bảo hiểm có thể nhận Hưu trí tuổi già dành cho người lao động trước 65 tuổi.

Hưu trí dành cho người lao động khuyết tật

- Người đáp ứng tất cả những điều dưới đây có thể nhận Hưu trí dành cho người lao động khuyết tật.
 - ① Ngày khám đầu tiên về bệnh tật hoặc thương tích là nguyên nhân dẫn đến khuyết tật nằm trong thời gian đang tham gia Bảo hiểm hưu trí người lao động
 - ② Bệnh tật hoặc thương tích dẫn đến còn khuyết tật trên mức nhất định
 - ③ Thỏa mãn điều kiện đóng phí bảo hiểm tại thời điểm ngày khám đầu tiên
 - Hưu trí dành cho người lao động khuyết tật có cấp độ 1, 2, 3.
 - Số tiền Hưu trí dành cho người lao động khuyết tật thay đổi theo cấp độ.
 - ① Khuyết tật cấp độ 1 → Số tiền gấp 1,25 lần Hưu trí tuổi già dành cho người lao động
 - ② Khuyết tật cấp độ 2 và 3 → Số tiền bằng Hưu trí tuổi già dành cho người lao động
- * Hưu trí dành cho người lao động khuyết tật của khuyết tật cấp độ 3 có đảm bảo mức tối thiểu.
- Số tiền đảm bảo mức tối thiểu = Số tiền Hưu trí cơ bản cho người khuyết tật cấp độ 2 \times 3/4.

Cũng có trường hợp có thể nhận trợ cấp khuyết tật dưới dạng trả 1 lần mặc dù không tương ứng với mức độ khuyết tật có thể nhận Hưu trí dành cho người lao động khuyết tật.

Hưu trí người lao động trả cho tang quyến

- Người đáp ứng một trong những điều kiện dưới đây, tang quyến được duy trì kế sinh nhai bởi người đã chết thì có thể nhận Hưu trí người lao động trả cho tang quyến.
 - ① Khi người được bảo hiểm (người tham gia bảo hiểm) thỏa mãn điều kiện đóng phí bảo hiểm chết
 - ② Khi chết trong vòng 5 năm kể từ ngày khám đầu tiên do bệnh tật hoặc thương tích xảy ra trong thời gian là người được bảo hiểm (người tham gia bảo hiểm), thỏa mãn điều kiện đóng phí bảo hiểm
 - ③ Khi người được bảo hiểm hoặc đã là người được bảo hiểm có thời gian điều kiện thụ hưởng của hưu trí cơ bản cho người già từ 25 năm trở lên chết
 - ④ Khi người có thể nhận Hưu trí dành cho người lao động khuyết tật cấp độ 1 hoặc 2 chết
- Số tiền Hưu trí người lao động trả cho tang quyến bằng 3 phần 4 số tiền Hưu trí tuổi già dành cho người lao động của người đã chết.

• Một điểm quan trọng Định nghĩa “Tang quyến”

Tang quyến chỉ những người dưới đây

- ① Người phối ngẫu (chồng thì từ 55 tuổi trở lên, cấp từ 60 tuổi)
- ② Con (giống như con trong Hưu trí quốc dân)
- ③ Bố mẹ (từ 55 tuổi trở lên, cấp từ 60 tuổi)
- ④ Cháu (có điều kiện giống như con)
- ⑤ Ông bà (từ 55 tuổi trở lên, cấp từ 60 tuổi)

* Khi người chồng có quyền thụ hưởng Lương hưu cơ bản trả cho tang quyến, có thể nhận Hưu trí người lao động trả cho tang quyến từ 55 tuổi.

* Cha mẹ, cháu và ông bà sẽ không được nhận nếu những người có thứ tự đứng trước đã nhận.

1-3. Tiền trả 1 lần khi rút khỏi

Điều kiện để yêu cầu thanh toán

Người đáp ứng tất cả điều kiện dưới đây có thể yêu cầu thanh toán Tiền trả 1 lần khi rút khỏi khi xuất cảnh khỏi nước Nhật.

- ① Không có quốc tịch Nhật
- ② Đã tham gia Bảo hiểm hưu trí người lao động hoặc Hưu trí quốc dân từ 6 tháng trở lên
- ③ Chưa đủ thời gian tham gia cần thiết (tổng 10 năm) để nhận được lương hưu
- ④ Không còn địa chỉ tại Nhật Bản
- ⑤ Không còn là người được bảo hiểm của cơ chế lương hưu Nhật Bản
- ⑥ Chưa từng nhận hưu trí cho người khuyết tật, v.v...
- ⑦ Trong vòng 2 năm sau khi xuất cảnh khỏi nước Nhật

Điểm cần chú ý khi yêu cầu thanh toán

- Trường hợp yêu cầu thanh toán Tiền trả 1 lần khi rút khỏi, hãy xác nhận kỹ các điểm cần chú ý dưới đây.
 - ① Nếu nhận Tiền trả 1 lần khi rút khỏi, toàn bộ ghi chép về việc bạn đã tham gia cơ chế lương hưu của Nhật Bản trước khi yêu cầu thanh toán sẽ không còn. Vì thế, nếu nhận Tiền trả 1 lần khi rút khỏi thì trong tương lai, việc nhận hưu trí cho người già của Nhật Bản sẽ trở nên khó khăn. Do đó, hãy suy nghĩ thật kỹ xem có yêu cầu thanh toán Tiền trả 1 lần khi rút khỏi hay không.
- * Có thể tải về giấy yêu cầu thanh toán Tiền trả 1 lần khi rút khỏi từ trang chủ của Cơ quan Lương hưu Nhật Bản. Hãy đọc kỹ cả phần Lưu ý trên giấy yêu cầu thanh toán.
 - ② Trường hợp địa chỉ của bạn vẫn còn tại Nhật Bản vào ngày Cơ quan Lương hưu Nhật Bản thụ lý giấy yêu cầu thanh toán, bạn không thể nhận Tiền trả 1 lần khi rút khỏi. Do vậy, hãy yêu cầu thanh toán Tiền trả 1 lần khi rút khỏi sau khi đã nộp thông báo chuyển đi cho cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi bạn đang sinh sống.
 - ③ Trường hợp nộp giấy yêu cầu thanh toán qua đường bưu điện, v.v... từ nội địa Nhật Bản trước khi xuất cảnh khỏi nước Nhật, hãy gửi sao cho giấy yêu cầu

Chương VII. Lương hưu, phúc lợi

thanh toán đến Cơ quan Lương hưu Nhật Bản từ ngày bạn xuất cảnh khỏi nước Nhật trở về sau.

④ Số tiền khoản thanh toán Tiền trả 1 lần khi rút khỏi sẽ được tính toán theo khoảng thời gian tham gia cơ chế lương hưu của Nhật Bản, với hạn mức tối đa là số năm nhất định của phí bảo hiểm đã trả. Từ tháng 4 năm 2021, số năm tối đa này được tăng lên. Số năm tối đa cụ thể ứng với thời gian tham gia như sau.

◎ Trường hợp thời gian tham gia lương hưu chỉ là từ tháng 3 năm 2021 trở về trước

Tính với hạn mức tối đa là 3 năm (36 tháng) của phí bảo hiểm đã trả

◎ Trường hợp thời gian tham gia lương hưu có cả từ tháng 4 năm 2021 trở đi

Tính với hạn mức tối đa là 5 năm (60 tháng) của phí bảo hiểm đã trả

Ngoài ra, nếu một người cư trú tại Nhật Bản nhiều lần, tổng khoảng thời gian tham gia cơ chế lương hưu của Nhật Bản dự kiến là từ số năm tối đa trở lên và có nguyện vọng nhận Tiền trả 1 lần khi rút khỏi tương ứng với khoảng thời gian tham gia thì sẽ có trường hợp người này cần yêu cầu thanh toán Tiền trả 1 lần khi rút khỏi mỗi lần xuất cảnh.

- ▣ Để biết thêm thông tin chi tiết về giấy yêu cầu thanh toán, địa chỉ gửi, Tiền trả 1 lần khi rút khỏi, hãy xác nhận trên trang chủ của [Cơ quan Lương hưu Nhật Bản](https://www.nenkin.go.jp/service/jukyutodoke/kyotsu/20150406.html) [Japan Pension Service](https://www.nenkin.go.jp/service/jukyutodoke/kyotsu/20150406.html).

<https://www.nenkin.go.jp/service/jukyutodoke/kyotsu/20150406.html>



- Một điểm quan trọng Hiệp định An sinh xã hội

Hiện nay, Nhật Bản đang ký kết Hiệp định An sinh xã hội với một số quốc gia. Người có khoảng thời gian tham gia cơ chế lương hưu của quốc gia ký kết Hiệp định An sinh xã hội thì kể cả trường hợp khoảng thời gian tham gia cơ chế lương hưu của mỗi nước ngắn, vẫn có thể nhận lương hưu của Nhật Bản và quốc gia ký kết Hiệp định bằng cách tính tổng khoảng thời gian tham gia cơ chế lương hưu của cả hai nước.

- ▣ Hãy xem trang chủ của Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi v.v... để biết Nhật Bản hiện đang ký kết Hiệp định An sinh xã hội với quốc gia nào.

2. Bảo hiểm chăm sóc dài hạn

Tại Nhật Bản có cơ chế Bảo hiểm chăm sóc dài hạn mà trong đó, toàn xã hội hỗ trợ người cao tuổi v.v... cần chăm sóc dài hạn. Người tham gia cơ chế Bảo hiểm chăm sóc dài hạn nộp phí bảo hiểm, khi cần chăm sóc dài hạn thì có thể sử dụng dịch vụ hộ lý bằng cách trả một phần chi phí.

2-1. Đối tượng tham gia

Trường hợp từ 40 tuổi trở lên và sinh sống tại Nhật Bản hơn 3 tháng là đối tượng tham gia Bảo hiểm chăm sóc dài hạn.

2-2. Phí bảo hiểm

Phí bảo hiểm mà đối tượng tham gia Bảo hiểm chăm sóc dài hạn sẽ đóng được quyết định theo thu nhập trong năm trước v.v... Ngoài thu nhập, phí bảo hiểm này còn khác nhau tùy theo phân loại độ tuổi và khu vực sinh sống v.v... như dưới đây.

① Từ 65 tuổi trở lên (Người được bảo hiểm Nhóm 1)

Theo nguyên tắc, sẽ được thu bằng cách khấu trừ từ lương hưu. (Một số người thì thu bằng Giấy nộp tiền v.v...)

② Từ 40 tuổi trở lên và dưới 65 tuổi (Người được bảo hiểm Nhóm 2)

Sẽ được thu bằng cách thêm vào phí bảo hiểm của bảo hiểm y tế.

▣ Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy xác nhận tại trang chủ dưới đây:

https://www.mhlw.go.jp/stf/newpage_10548.html



2-3. Sử dụng dịch vụ hộ lý

Trình tự sử dụng dịch vụ hộ lý như dưới đây.

① Đề nghị cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố cấp “Chứng nhận cần chăm sóc dài hạn (cần hỗ trợ)” và được chứng nhận.

* Để sử dụng dịch vụ hộ lý, cần có “Chứng nhận cần chăm sóc dài hạn (cần hỗ trợ)”.

* Khi đề nghị cấp Chứng nhận, sẽ diễn ra việc xác minh tình trạng tinh thần và thể chất, theo nguyên tắc, kết quả sẽ được thông báo trong vòng 30 ngày.

② Yêu cầu Chuyên viên hỗ trợ hộ lý (care manager) hoặc Trung tâm hỗ trợ toàn khu vực lập Kế hoạch dịch vụ hộ lý (care plan).

* Khi vào ở các cơ sở thì hãy đăng ký trực tiếp với cơ sở.

③ Được cung cấp dịch vụ căn cứ vào Kế hoạch dịch vụ hộ lý.

* Ngoài ra, cũng có cả Dịch vụ dự phòng tình trạng cần chăm sóc dài hạn trong tương lai, hỗ trợ sinh hoạt dành cho người không được cấp “Chứng nhận cần chăm sóc dài hạn (cần hỗ trợ)”. Để biết thêm chi tiết, hãy liên hệ cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi bạn đang sinh sống.

3. Phúc lợi nhi đồng

3-1. Trợ cấp nhi đồng

▣ Hãy tham khảo mục 3. 3-4. Trợ cấp nhi đồng trong chương IV.

3-2. Trợ cấp nuôi dưỡng trẻ em

- Là trợ cấp được cấp cho đứa trẻ (*) đang được nuôi dưỡng trong gia đình cha/mẹ đơn thân v.v...
- Có thể nhận trong trường hợp đang giám hộ đứa trẻ đáp ứng một trong các điều kiện dưới đây.
 - ① Đứa trẻ có bố mẹ đã ly hôn
 - ② Đứa trẻ có bố hoặc mẹ đã chết
 - ③ Đứa trẻ có bố hoặc mẹ trong tình trạng khuyết tật ở mức nhất định
 - ④ Đứa trẻ có bố hoặc mẹ không rõ còn sống hay đã chết v.v...

(*) “Đứa trẻ” ở đây chỉ người đang trong khoảng thời gian đến ngày 31 tháng 3 đầu tiên sau sinh nhật lần thứ 18 và người dưới 20 tuổi có khuyết tật nhất định.

Số tiền cấp

* Khoản tiền năm tài chính 2020

- Trường hợp 1 đứa trẻ
Trợ cấp toàn bộ: 43.160 yên Trợ cấp một phần: từ 43.150 đến 10.180 yên
- Số tiền tính thêm trong trường hợp từ 2 đứa trẻ trở lên
[Đứa trẻ thứ 2]
Trợ cấp toàn bộ: 10.190 yên Trợ cấp một phần: từ 10.180 yên đến 5.100 yên
[Mỗi đứa trẻ từ thứ 3 trở đi]
Trợ cấp toàn bộ: 6.110 yên Trợ cấp một phần: từ 6.100 yên đến 3.060 yên

* Số tiền cấp biến động mỗi năm tài chính theo vật giá. Người có thu nhập năm trước cao hơn mức nhất định sẽ không được cấp. Ngoài ra, khi có thể nhận lương hưu công

v.v..., sẽ không được cấp toàn bộ hoặc một phần của khoản trợ cấp. Để biết thêm chi tiết, hãy liên hệ cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi bạn đang sinh sống.

3-3. Trợ cấp nuôi dưỡng trẻ em đặc biệt

Được cấp cho bố mẹ v.v... đang nuôi dưỡng đứa trẻ (dưới 20 tuổi) có khuyết tật về thể chất hoặc tinh thần tại gia đình.

* Trường hợp thu nhập năm trước của bố mẹ v.v... cao hơn mức nhất định thì sẽ không được cấp. Để biết thêm chi tiết, hãy liên hệ cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi bạn đang sinh sống.

Khoản tiền có thể nhận

* Khoản tiền năm tài chính 2020 (Mỗi năm tài chính biến động do vật giá)

- Trường hợp đứa trẻ có khuyết tật đặc biệt nặng (tương đương cấp độ 1 của Hưu trí cơ bản cho người khuyết tật)

Mỗi đứa trẻ: 52.500 yên/ tháng

- Trường hợp đứa trẻ có khuyết tật nặng (tương đương cấp độ 2 của Hưu trí cơ bản cho người khuyết tật)

Mỗi đứa trẻ: 34.970 yên/tháng

3-4. Trợ cấp phúc lợi cho trẻ em khuyết tật

Được cấp cho đứa trẻ (dưới 20 tuổi) trong tình trạng cần chăm sóc thường xuyên trong cuộc sống hàng ngày do có khuyết tật nghiêm trọng về thể chất hoặc tinh thần.

* Trường hợp thu nhập năm trước của bản thân đứa trẻ v.v... cao hơn mức nhất định thì sẽ không được cấp. Để biết thêm chi tiết, hãy liên hệ cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi bạn đang sinh sống.

Khoản tiền có thể nhận

* Khoản tiền năm tài chính 2020 (Mỗi năm tài chính biến động do vật giá)

14.880 yên/tháng

4. Phúc lợi cho người khuyết tật

4-1. Sổ tay

Trường hợp có khuyết tật về tinh thần hoặc thể chất, có thể được cấp Sổ tay người khuyết tật tương ứng với mức độ khuyết tật.

Khi được cấp Sổ tay, có thể sử dụng cơ chế miễn giảm thuế hoặc giảm giá chi phí giao thông v.v...

Các loại Sổ tay người khuyết tật

- Sổ tay người khuyết tật thể chất: Người có khuyết tật vĩnh viễn về thể chất
- Sổ tay người khuyết tật trí tuệ: Người có khuyết tật trí tuệ
- Sổ tay phúc lợi chăm sóc sức khỏe cho người khuyết tật tinh thần: Người bị hạn chế trong cuộc sống hàng ngày hoặc đời sống xã hội do khuyết tật tinh thần

▣ Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy xác nhận tại trang chủ dưới đây:

https://www.mhlw.go.jp/stf/seisakunitsuite/bunya/hukushi_kaigo/shougaishahukushi/techou.html

* Để biết thêm chi tiết, hãy liên hệ cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi bạn đang sinh sống.



4-2. Dịch vụ hành chính dành cho người khuyết tật và trẻ em khuyết tật

Có thể sử dụng các loại dịch vụ nhằm hỗ trợ cuộc sống hàng ngày và đời sống xã hội của người khuyết tật. Các loại dịch vụ gồm có chăm sóc dài hạn và hỗ trợ luyện tập v.v...

Ngoài ra, trong số các dịch vụ hành chính dành cho trẻ em khuyết tật có hỗ trợ phát triển cho trẻ em khuyết tật và chăm sóc dài hạn v.v...

Để biết thêm chi tiết về dịch vụ hành chính dành cho người khuyết tật và trẻ em khuyết tật, hãy liên hệ cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi bạn đang sinh sống.

5. Trợ cấp công cộng

Trường hợp thu nhập của hộ gia đình dưới mức chi phí sinh hoạt tối thiểu sau khi đã thực hiện các việc nêu trong mục 5-1, có thể nhận trợ cấp công cộng là khoản chênh lệch sau khi trừ thu nhập từ chi phí sinh hoạt tối thiểu.

* Mức chi phí sinh hoạt tối thiểu do Bộ trưởng Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi quy định.

Có trường hợp người nước ngoài nêu dưới đây trở thành đối tượng nhận Trợ cấp công cộng.

- Người không bị hạn chế phạm vi hoạt động như người vĩnh trú, vợ/chồng/con của người có quốc tịch Nhật Bản, vợ/chồng/con của người vĩnh trú, thường trú nhân v.v...

Để biết thêm chi tiết, hãy liên hệ cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi bạn đang sinh sống.

5-1. Điều kiện để nhận trợ cấp công cộng

(1) Sử dụng các loại tài sản

Trường hợp có tiền gửi ngân hàng, tiền tiết kiệm, nhà/đất chưa được sử dụng để sinh hoạt v.v..., hãy bán v.v... và dùng tiền đó trang trải sinh hoạt.

(2) Sử dụng các năng lực

Người có thể làm việc hãy làm việc theo năng lực của mình.

(3) Các trợ cấp khác

Trường hợp có thể nhận lương hưu hoặc trợ cấp v.v... qua các cơ chế khác, trước tiên hãy sử dụng trợ cấp đó.

(4) Cấp dưỡng bởi người có nghĩa vụ cấp dưỡng

Trường hợp có thể nhận hỗ trợ từ người thân v.v..., hãy nhận hỗ trợ.

5-2. Các loại hình và nội dung trợ cấp công cộng

Trợ cấp được xác định bằng cách xem xét các chi phí cần thiết để sinh hoạt.

Chi phí cần thiết để sinh hoạt	Loại hình hỗ trợ	Nội dung cấp
Chi phí cần thiết cho cuộc sống hàng ngày (thực phẩm, quần áo, tiền điện, tiền gas v.v...)	Hỗ trợ sinh hoạt	<ul style="list-style-type: none"> Chi phí cá nhân như chi phí mua thức ăn v.v... Tính toán số tiền cơ bản trên cơ sở kết hợp chi phí đơn vị gia đình như tiền điện, tiền gas v.v...
Tiền thuê nhà v.v...	Hỗ trợ nhà ở	Cấp chi phí thực tế trong phạm vi quy định
Chi phí đồ dùng học tập v.v... cần thiết để theo học giáo dục bắt buộc	Hỗ trợ giáo dục	Cấp số tiền cơ bản theo quy định
Chi phí dịch vụ y tế	Hỗ trợ y tế	Thanh toán chi phí trực tiếp cho cơ sở y tế (không tự thanh toán)
Chi phí dịch vụ hộ lý	Hỗ trợ chăm sóc dài hạn	Thanh toán chi phí trực tiếp cho cơ sở hộ lý (không tự thanh toán)
Chi phí sinh con	Hỗ trợ sinh con	Cấp chi phí thực tế trong phạm vi quy định

6. Cơ chế hỗ trợ người nghèo tự lập

Có quầy tư vấn hỗ trợ người nghèo tự lập. Có thể nhận hỗ trợ liên quan đến việc làm, chi tiêu trong gia đình v.v... tùy theo nội dung tham vấn. Để biết thêm chi tiết, hãy liên hệ cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi bạn đang sinh sống.

Chương VIII. Thuế

Người nước ngoài và thuế

Cho dù là người nước ngoài đi nữa, nếu đáp ứng một số điều kiện nhất định thì cần phải đóng thuế. Dưới đây là một số ví dụ phải đóng thuế.

- Người có thu nhập bằng cách làm việc tại nội địa Nhật Bản
→ Theo nguyên tắc, cần nộp thuế thu nhập.
- Người có địa chỉ ở Nhật Bản tại thời điểm ngày mùng 1 tháng 1
→ Cần nộp thuế cư trú (chịu thuế theo thu nhập của năm trước.).

Ngoài ra, ngay cả người nước ngoài thì khi trở lại khách sạn khi đi du lịch, hay ăn uống tại nhà hàng cũng cần trả thuế tiêu dùng.

- Một điểm quan trọng “Thuế quốc gia” và “Thuế địa phương”

Thuế của Nhật Bản được chia thành “Thuế quốc gia” và “Thuế địa phương” tùy thuộc vào đóng thuế cho nơi nào.

- Thuế nộp cho quốc gia gọi là “Thuế quốc gia”. Ví dụ điển hình là “Thuế thu nhập”.
- Thuế nộp cho tỉnh thành, xã, phường, quận nơi đang sống gọi là “Thuế địa phương”. Ví dụ điển hình là “Thuế cư trú”.

1. Thuế thu nhập

Thuế thu nhập là một loại thuế đánh vào thu nhập của một cá nhân phát sinh trong khoảng thời gian 1 năm, từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Thuế thu nhập được tính như dưới đây.

- ① Tổng thu nhập - Kinh phí v.v... = Số tiền thu nhập (A)
- ② Số tiền thu nhập (A) - Các khoản khấu trừ khác nhau (tham khảo mục 1-3.)
= Thu nhập chịu thuế (B)
- ③ Thu nhập chịu thuế (B) × Thuế suất

Thuế suất theo cơ chế Thu nhập chịu thuế (B) càng tăng thì thuế suất càng cao.

1-1. Người có nghĩa vụ nộp thuế và phạm vi thu nhập chịu thuế

Phạm vi thu nhập chịu thuế khác nhau tùy thuộc vào phân loại dân cư.

(1) Người cư trú

Người có “địa chỉ” tại nội địa Nhật Bản hoặc người có “nơi ở” liên tục từ 1 năm trở lên tính đến hiện tại (Trừ (2) Người không vĩnh trú.)

Người đáp ứng điều này gọi là “Người cư trú”.

→ Toàn bộ thu nhập bao gồm cả thu nhập từ nguồn nước ngoài đều phải chịu thuế.

- Một điểm quan trọng “Địa chỉ” và “Nơi ở”

- “Địa chỉ” là nền tảng chính và trung tâm của cuộc sống của một cá nhân, có phải là nền tảng và trung tâm của cuộc sống hay không được xác định dựa trên các sự thật khách quan (có đang làm việc ở Nhật Bản hay không, người phối ngẫu hoặc người thân chung sinh kế khác có đang sống ở Nhật Bản hay không v.v...).
- “Nơi ở” là nơi một người ở liên tục trong khoảng thời gian đáng kể nhưng không đến mức độ là nền tảng chính và trung tâm của cuộc sống.

(2) Người không vĩnh trú

Trong số “Người cư trú”, người không có quốc tịch Nhật Bản và tổng thời gian có địa chỉ hoặc nơi ở tại Nhật Bản từ 5 năm trở xuống trong vòng 10 năm qua.

Người đáp ứng điều này gọi là “Người không vĩnh trú”.

- ① thu nhập khác ngoài thu nhập nguồn nước ngoài và ② thu nhập nguồn nước ngoài được trả tại Nhật Bản hoặc được chuyển tiền từ nước ngoài là đối tượng của thuế thu nhập.

(3) Người không cư trú

Người không phải là “Người cư trú”, “Người không vĩnh trú” (ví dụ người có địa chỉ tại nước ngoài v.v...) gọi là “Người không cư trú”.

- Chỉ có thu nhập nguồn trong nước bao gồm tiền lương phát sinh từ công việc tại nội địa Nhật Bản và các khoản thù lao phát sinh từ việc cung cấp dịch vụ cá nhân tại Nhật Bản phải chịu thuế.

1-2. Khai thuế cuối cùng và nộp Thuế thu nhập

Người nộp thuế thu nhập tự tính toán số tiền thu nhập đã phát sinh trong năm và số tiền thuế thu nhập đối với khoản tiền đó, nộp Tờ khai thuế cuối cùng cho sở thuế

trước ngày hết hạn khai thuế và tính toán phần thừa, thiếu với Thuế thu nhập đã khấu trừ tại nguồn (tham khảo mục 1-4.). Thủ tục này gọi là “Khai thuế cuối cùng”.

(1) Người cần khai thuế cuối cùng

Về những người được trả lương thì hầu hết sau khi thuế thu nhập v.v... đã khấu trừ tại nguồn (tham khảo mục 1-4.), đều được tính toán chi tiết thông qua điều chỉnh cuối năm (tham khảo mục 1-4.) nên không cần khai thuế cuối cùng.

Tuy nhiên, những người dưới đây thì cần tiến hành khai thuế cuối cùng.

- Người được trả lương từ 1 nơi, đồng thời, tổng số tiền thu nhập ngoài lương và thu nhập từ trợ cấp nghỉ việc quá 200.000 yên.
- Người được trả lương từ 2 nơi trở lên, đồng thời tổng số tiền của tổng thu nhập lương chưa được điều chỉnh cuối năm và số tiền thu nhập ngoài lương và thu nhập từ trợ cấp nghỉ việc quá 200.000 yên.
- Người có thu nhập ngoài tiền lương thông qua hoạt động kinh doanh, giao dịch chứng khoán v.v... phải nộp thuế theo kết quả tính toán thuế thu nhập v.v...

Ngoài ra, người phải đóng thuế theo khai thuế cuối cùng cần phải tự mình nộp thuế theo đúng thời hạn (Tờ sớ thuế sẽ không có thông báo v.v... liên quan đến việc nộp thuế.).

Có cách phương pháp nộp thuế như dưới đây.

- ① Trả bằng tiền mặt (tại quầy cửa hàng tiện lợi, ngân hàng, bưu điện, sở thuế)
- ② Chuyển khoản ngân hàng
- ③ Ngân hàng trực tuyến hoặc nộp thuế điện tử qua chuyên khoản
- ④ Nộp thuế qua thẻ tín dụng trên internet

(2) Người được hoàn thuế thu nhập nếu khai thuế cuối cùng

- Trường hợp đã nộp thừa thuế thu nhập v.v... đã được khấu trừ tại nguồn (tham khảo mục 1-4.), do có các khoản khấu trừ thu nhập (tham khảo mục 1-3.) v.v... thì sẽ được hoàn thuế thu nhập nhờ vào việc khai thuế cuối cùng. Nhận bằng cách chuyển khoản ngân hàng hoặc bưu điện.

- Trường hợp không nộp thừa thuế thu nhập do khấu trừ tại nguồn v.v... thì không có khoản thuế thu nhập nào được hoàn lại.

(3) Khai thuế cuối cùng và hạn nộp thuế

Về phần thuế thu nhập từng năm, thời hạn tiếp nhận tham vấn về khai thuế cuối cùng và tờ khai là từ ngày 16 tháng 2 đến ngày 15 tháng 3 năm sau năm đó.

- * Theo nguyên tắc, sở thuế không tiếp nhận tham vấn và tờ khai vào ngày cơ quan thuế đóng cửa (thứ 7, chủ nhật, ngày lễ v.v...).

Hạn nộp thuế phần khai thuế cuối cùng của thuế thu nhập là ngày 15 tháng 3.

- * Trường hợp hạn này (ngày 15 tháng 3) rơi vào thứ 7, chủ nhật, ngày lễ v.v..., ngày thường tiếp theo sau ngày đó sẽ là hạn chót.

(4) Trường hợp xuất cảnh khỏi Nhật Bản

- Trường hợp không còn địa chỉ và nơi ở tại Nhật Bản, theo nguyên tắc, trước khi xuất cảnh phải được điều chỉnh cuối năm với lương của năm đó.
- Trong trường hợp cần khai thuế cuối cùng như nêu tại (1), trước khi xuất cảnh cần tiến hành khai thuế cuối cùng và nộp thuế.
- Sau khi đã xuất cảnh, trường hợp cần tiến hành thủ tục khai thuế cuối cùng hoặc nộp thuế v.v..., hãy chọn Người quản lý việc nộp thuế sống tại Nhật Bản rồi nộp “Thông báo về Người quản lý việc nộp thuế” cho sở thuế có thẩm quyền. Người quản lý việc nộp thuế sẽ phải tiến hành thủ tục thay cho bản thân người đã xuất cảnh.

1-3. Các khoản khấu trừ thu nhập chính

Trên cơ sở xem xét hoàn cảnh riêng của từng cá nhân, trường hợp đáp ứng các điều dưới đây sẽ được khấu trừ khoản tiền nhất định khi tính thuế thu nhập. (Tham khảo cách tính mục 1.)

Ngoài ra, trường hợp Người không cư trú (tham khảo mục 1-1. (3)) bị giới hạn các loại khấu trừ có thể được áp dụng.

(1) Trường hợp cấp dưỡng người thân

- Trường hợp cấp dưỡng người thân, nếu thỏa mãn điều kiện ví dụ như tổng số tiền thu nhập của người được cấp dưỡng từ 380.000 yên trở xuống thì có thể được khấu trừ thu nhập với số tiền nhất định.
- Trường hợp người thân đang cấp dưỡng là Người không cư trú (tham khảo mục 1-1. (3)), cần đính kèm “Giấy tờ chứng minh là người thân (bản sao sổ hộ khẩu v.v...)” và “Giấy tờ chứng minh việc cấp dưỡng (Giấy gửi tiền từ cơ quan tài chính v.v...)” cùng với Tờ khai thuế cuối cùng hoặc xuất trình khi nộp Tờ khai thuế cuối cùng.

(2) Trường hợp có người phối ngẫu

- Trường hợp có người phối ngẫu, nếu thỏa mãn điều kiện nhất định thì có thể được khấu trừ thu nhập với số tiền nhất định.
- Trường hợp người phối ngẫu là Người không cư trú (tham khảo mục 1-1. (3)), cần đính kèm “Giấy tờ chứng minh là người phối ngẫu (bản sao sổ hộ khẩu v.v...)” và “Giấy tờ chứng minh việc đang cấp dưỡng (Giấy gửi tiền từ cơ quan tài chính v.v...)” cùng với Tờ khai thuế cuối cùng hoặc xuất trình khi nộp Tờ khai thuế cuối cùng.

(3) Trường hợp đã trả phí bảo hiểm xã hội

Trường hợp đã trả phí bảo hiểm xã hội (bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm hưu trí quốc dân, bảo hiểm hưu trí người lao động v.v...) của bản thân hoặc người phối ngẫu và các người thân khác có chung sinh kế, có thể được khấu trừ thu nhập cho số tiền bảo hiểm đã trả đó.

(4) Trường hợp đã trả phí bảo hiểm nhân thọ v.v...

Trường hợp tự bản thân đã trả khoản phí bảo hiểm nhân thọ, phí bảo hiểm y tế chăm sóc dài hạn và phí bảo hiểm hưu trí cá nhân, có thể được khấu trừ thu nhập ở mức nhất định.

(5) Trường hợp đã trả chi phí y tế

Khi chi phí y tế của bản thân hoặc người phối ngẫu và các người thân khác có chung sinh kế vượt quá mức nhất định, có thể được khấu trừ thu nhập tương ứng với khoản chi phí y tế đó.

1-4. Khấu trừ tại nguồn và điều chỉnh cuối năm

- Với người nước ngoài được trả lương thì khi nhận lương từ người sử dụng lao động sẽ bị trừ thuế thu nhập (bị khấu trừ tại nguồn).
- Khi nhận lương vào cuối năm đó, sẽ diễn ra việc tính toán chi tiết thuế thu nhập (điều chỉnh cuối năm).
- “Phiếu khấu trừ tại nguồn” ghi số tiền đã trả v.v... sẽ được người trả lương cấp cho người nhận lương.

1-5. Điều khoản đặc biệt theo Công ước về thuế

Trường hợp giữa quốc gia bạn và Nhật Bản có ký kết Công ước về thuế, bạn có thể được giảm hoặc miễn thuế thu nhập nếu thỏa mãn một số điều kiện nhất định.

2. Thuế cư trú

2-1. Định nghĩa “Thuế cư trú”

- Là thuế nộp cho các tỉnh và xã, phường, quận, thành phố nơi có (đã có) địa chỉ tại thời điểm ngày mùng 1 tháng 1.
- Thuế cư trú bao gồm khoản “Theo thu nhập” nộp số tiền được tính toán căn cứ vào lương v.v... đã nhận từ công ty từ ngày mùng 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12 năm trước, và khoản “Bình quân” nộp số tiền nhất định bất kể đã nhận bao nhiêu lương v.v...
- Thuế cư trú nộp cho các tỉnh thì cũng nộp cho cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố gộp với thuế cư trú nộp cho xã, phường, quận, thành phố.

2-2. Nộp Thuế cư trú

- Có 2 cách nộp thuế cư trú.
 - ① Cách thu đặc biệt... Công ty trừ sẵn thuế cư trú từ lương sau đó nộp cho cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố. Đây là nguyên tắc đối với

người làm việc tại các công ty, nhà xưởng, họ không cần phải tự mình nộp thuế cư trú cho cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố.

- ② Cách thu thông thường... Văn bản mang nội dung “Hãy nộp thuế cư trú” được gửi đến từ cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố, người nộp thuế tự mình cầm văn bản này và số tiền để trả tiền thuế ghi trên văn bản đến nộp cho cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố (*).

(*) Có trường hợp có thể nộp tại bưu điện hoặc cửa hàng tiện lợi, trong trường hợp đó, trên văn bản được gửi đến từ cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố sẽ ghi nội dung như vậy.

2-3. Các vấn đề khác

- Về thuế cư trú, hãy chú ý các điểm dưới đây.
 - ① Cần phải nộp thuế cho cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi có (đã có) địa chỉ tại thời điểm ngày mùng 1 tháng 1, ngay cả trường hợp đã xuất cảnh khỏi Nhật Bản kể từ ngày mùng 2 tháng 1 cũng cần phải nộp thuế cư trú.
 - ② Trường hợp người nộp thuế cư trú theo cách thu đặc biệt (tham khảo mục 2-2. ①) thôi việc công ty, cần nộp thuế cư trú chưa đóng theo cách thu thông thường (tham khảo mục 2-2. ②), nhưng cũng có phương pháp nhờ công ty trừ toàn bộ khoản thuế cư trú từ lương hoặc trợ cấp nghỉ việc và công ty nộp cho cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố.
 - ③ Trường hợp không thể nộp thuế cư trú cho đến khi xuất cảnh khỏi Nhật Bản, trước khi xuất cảnh cần quyết định người tiến hành thủ tục thuế thay cho bản thân (Người quản lý việc nộp thuế) trong số những người đang sống tại Nhật Bản và thông báo cho cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi bạn đang sinh sống.

3. Thuế tiêu dùng

Khi mua các sản phẩm hàng hóa hoặc khi được cung cấp các dịch vụ, sẽ phải chịu 10% thuế tiêu dùng, nhưng thuế suất khi mua đồ ăn thức uống trừ đồ uống có cồn và ăn uống tại nhà hàng sẽ chịu thuế suất giảm nhẹ là 8%.

4. Tiền thuế do người có xe cộ trả

4-1. Thuế xe ô tô/Thuế xe ô tô hạng nhẹ

(1) Tiền thuế xe ô tô/thuế xe ô tô hạng nhẹ theo tính năng môi trường

Khi bạn mua xe ô tô hoặc xe ô tô hạng nhẹ

Người đã mua xe ô tô hoặc xe ô tô hạng nhẹ phải nộp tiền thuế xe ô tô/thuế xe ô tô hạng nhẹ theo tính năng môi trường.

(Thuế suất theo tính năng môi trường được quyết định căn cứ vào hiệu suất nhiên liệu v.v... của xe ô tô hoặc xe ô tô hạng nhẹ .)

(2) Tiền thuế xe ô tô/thuế xe ô tô hạng nhẹ theo chủng loại

Nếu bạn sở hữu xe ô tô

Người sở hữu xe ô tô (xe ô tô có lượng khí thải quá 660cc) tại thời điểm ngày mùng 1 tháng 4 phải nộp tiền thuế xe ô tô theo chủng loại (*).

(Số tiền thuế được quyết định căn cứ vào lượng khí thải v.v...)

(*) Về số tiền thanh toán và phương pháp thanh toán v.v... được ghi trên văn bản do tỉnh thành gửi đến.

Nếu bạn sở hữu xe ô tô hạng nhẹ

Người sở hữu xe ô tô hạng nhẹ (xe ô tô có lượng khí thải từ 660cc trở xuống) v.v... tại thời điểm ngày mùng 1 tháng 4 phải nộp tiền thuế xe ô tô hạng nhẹ theo chủng loại (*).

(Số tiền thuế được quyết định căn cứ vào lượng khí thải v.v...)

(*) Về số tiền thanh toán và phương pháp thanh toán v.v... được ghi trên văn bản do cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố gửi đến.

4-2. Thuế trọng lượng xe

Khi xe ô tô hoặc xe ô tô hạng nhẹ được đăng kiểm v.v...

Đóng thuế trọng lượng xe tương ứng với trọng lượng v.v... của xe ô tô hoặc xe ô tô hạng nhẹ khi đăng kiểm v.v...

5. Thuế tài sản cố định

- Phải nộp thuế trong trường hợp sở hữu các tài sản nêu dưới đây tại thời điểm ngày mùng 1 tháng 1.
 - ① Đất đai
 - ② Nhà cửa
 - ③ Tài sản khấu hao
- Trường hợp sở hữu tài sản khấu hao, cần kê khai.
- Cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố sẽ tính ra khoản thuế căn cứ vào giá trị của tài sản.
- Nộp tiền thuế cho cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi có tài sản đó.

6. Địa chỉ liên hệ liên quan đến thuế

6-1. Địa chỉ liên hệ liên quan đến thuế quốc gia

Hãy sử dụng các địa chỉ liên hệ liên quan đến thuế quốc gia dưới đây.

(1) Trung tâm tư vấn qua điện thoại

Các “Trung tâm tư vấn qua điện thoại” dưới đây tập trung tư vấn bằng tiếng Anh về các tư vấn thông thường liên quan đến thuế quốc gia.

- Trung tâm tư vấn qua điện thoại của Cục thuế quốc gia Tokyo: 03-3821-9070
- Trung tâm tư vấn qua điện thoại của Cục thuế quốc gia Osaka (chuyển tiếp từ số máy đại diện): 06-6941-5331
- Trung tâm tư vấn qua điện thoại của Cục thuế quốc gia Nagoya: 052-971-2059

(2) Trả lời thuế (FAQ)

- ▣ Có thể tra cứu câu trả lời thông thường cho các câu hỏi về thuế phổ biến theo từng loại thuế.

<https://www.nta.go.jp/english/taxes/index.htm>



(3) Hướng dẫn trang chủ Cơ quan thuế quốc gia

Cung cấp thông tin hữu ích liên quan đến khai thuế, nộp thuế quốc gia.

- Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy xác nhận tại trang chủ dưới đây:

<https://www.nta.go.jp/english/index.htm>

National Tax Agency JAPAN

Tìm kiếm



6-2. Liên hệ liên quan đến thuế địa phương

- (1) Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy xác nhận tại trang chủ dưới đây:

https://www.soumu.go.jp/main_sosiki/jichi_zeisei/czaisei/czaisei_seido/individual-inhabitant-tax.html



- (2) Hãy liên hệ các cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố, các tỉnh thành.

Chương IX. Giao thông

1. Luật lệ giao thông

Nhiều người và xe cộ đi lại trên đường. Việc tuân thủ luật lệ giao thông, ứng xử đúng mực khi tham gia giao thông để đảm bảo việc đi lại an toàn và thuận lợi là nghĩa vụ của người trưởng thành.

1-1. Những điều cần lưu ý khi đi bộ

(1) Khi đi lại trên đường

Người đi bên phải, xe cộ đi bên trái là quy tắc cơ bản khi đi lại hai chiều

- Người đi bộ đi bên phải đường.
- Người đi bộ đi trên vỉa hè hoặc ở trong vạch được đánh dấu sẵn trên đường.

(2) Cách qua đường

Qua đường tại nơi an toàn

- Qua đường tại nơi có đèn giao thông, vạch qua đường, cầu vượt dành cho người đi bộ, đường hầm dành cho người đi bộ gần nhất.
- Tại nơi có biển báo “Cấm người đi bộ qua đường” thì tuyệt đối không được qua đường.
- Tại vạch qua đường, hãy giơ tay hoặc hướng mặt về phía người lái xe, v.v... để cho biết rõ ràng mong muốn qua đường, kiểm tra an toàn rồi mới băng qua đường.
- Trong khi băng qua đường cũng kiểm tra xem có xe chạy đến hay không.

Ý nghĩa của đèn giao thông

- Đèn xanh: Người đi bộ có thể đi
- Đèn vàng, đèn xanh nhấp nháy: Người đi bộ không được bắt đầu băng qua đường. Nếu đang băng qua đường, hãy nhanh chóng băng qua, hoặc quay trở lại, không qua đường nữa.
- Đèn đỏ: Người đi bộ không được băng qua đường.
- Trường hợp đèn giao thông dạng nút bấm: Bấm nút và đợi đèn chuyển sang màu xanh sau đó mới băng qua đường.

Qua đường tại nơi không có đèn giao thông

- Qua đường tại nơi có thể nhìn bao quát rõ bên trái, bên phải.
- Trước khi băng qua đường, người đi bộ nên dừng lại và quan sát cả hai hướng để kiểm tra xem có xe đang tới hay không. Nếu phương tiện đang đến gần, người đi bộ nên đợi cho đến khi họ đi qua.
- Khi băng qua đường, người đi bộ tiếp tục quan sát để kiểm tra xem có phương tiện sắp đi tới hay không và đi thẳng về phía trước. Không được băng qua đường theo đường chéo.

Cách băng qua đường sắt cắt ngang đường

- Trước khi đi bộ qua đường sắt cắt ngang đường, người đi bộ dừng lại và quan sát cả hai hướng trái, phải để đảm bảo an toàn.
- Người đi bộ tuyệt đối không được cố gắng đi vào đường sắt cắt ngang đường khi tiếng chuông cảnh báo đang phát ra và thanh chắn đang hạ xuống.

(3) Khi đi bộ trên đường vào ban đêm

Mặc quần áo sáng màu và vật liệu phản quang

Khi đi bộ trên đường vào ban đêm, nên mặc quần áo sáng màu như màu trắng hoặc vàng, đồng thời gắn phụ kiện vật liệu phản quang hoặc đèn LED lên người và đồ cầm theo để người lái xe có thể dễ dàng nhìn thấy.

1-2. Những điều cần lưu ý khi đi xe đạp

(1) Tuân thủ quy tắc đi xe đạp “Năm quy tắc sử dụng xe đạp an toàn”

Quy tắc 1: Xe đạp đi trên đường là nguyên tắc, vỉa hè là ngoại lệ

- Xe đạp là phương tiện giao thông, theo nguyên tắc, phải đi trên đường.
- Tại nơi có đường dành cho xe đạp, hãy đi trên đường dành cho xe đạp.
- Có thể đi xe đạp trên vỉa hè có biển báo cho phép xe đạp đi trên vỉa hè v.v...
- Trẻ em dưới 13 tuổi, người cao tuổi từ 70 tuổi trở lên và người khuyết tật được phép đi xe đạp trên vỉa hè.

Quy tắc 2: Đi xe đạp bên trái

- Có thể đi lại trên phần vạch được đánh dấu sẵn trên đường, nhưng không được cản trở việc đi lại của người đi bộ.

Quy tắc 3: Khi đi lại trên vỉa hè, xe đạp phải ưu tiên người đi bộ, giảm tốc độ và đi bên

gần đường

- Khi đi lại trên vỉa hè, người đi xe đạp phải đi bên gần đường, giảm tốc độ để có thể phanh gấp, dừng ngay lập tức.
- Trường hợp có nguy cơ cản trở việc đi lại người đi bộ, người đi xe đạp phải dừng lại.

Quy tắc 4: Tuân thủ các quy tắc an toàn

- Cấm uống đồ uống có cồn khi đi xe đạp
- Cấm chở hai người trên một xe đạp
- Cấm xe đạp dàn hàng ngang trên đường
- Phải bật đèn vào buổi tối
- Tuân thủ đèn giao thông, tạm dừng, xác nhận an toàn tại giao lộ

Quy tắc 5: Trẻ em phải đội mũ bảo hiểm

Khi trẻ dưới 13 tuổi đi xe đạp và khi cho trẻ dưới 6 tuổi ngồi trên ghế trẻ em của xe đạp, người giám hộ của trẻ hãy đội mũ bảo hiểm xe đạp cho trẻ.

Các quy tắc khác

- Ngừng sử dụng ô và điện thoại di động khi đi xe đạp.
 - Để bảo vệ phần đầu, không chỉ trẻ em mà người ở mọi lứa tuổi cũng hãy đeo mũ bảo hiểm.
 - Nên tham gia bảo hiểm để bồi thường thiệt hại tai nạn xe đạp, ví dụ như bảo hiểm thiệt hại về người v.v... Hãy chú ý vì có những địa phương bắt buộc phải tham gia bảo hiểm như Tokyo hay Osaka, v.v...
- ▀ Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy xác nhận tại trang chủ dưới đây:
- <https://www.jitensha-kyogikai.jp/project/#insurance-promotion>



(2) Đạp xe qua giao lộ

Khi rẽ phải

- Khi có đèn giao thông
Khi đèn xanh, người đi xe đạp men theo bên trái giao lộ, tiến thẳng đến góc phía đối diện, dừng lại và đổi hướng. Sau khi đèn giao thông đối diện chuyển sang màu xanh, hãy đi thẳng sau khi quan sát trước, sau, trái, phải để kiểm tra an toàn.
- Khi không có đèn giao thông
Xác nhận an toàn phía sau, men theo bên trái đường, tiến thẳng đến phía đối diện, xác nhận an toàn rồi rẽ phải đi thẳng.

Khi rẽ trái

Hãy lưu ý sao cho không gây cản trở việc đi lại của người đi bộ đang sang đường bên người đi xe đạp rẽ trái.

Nơi có biển báo Tạm dừng


Tại nơi có biển báo “Tạm dừng”, nhất định phải tạm dừng, xác nhận an toàn bên phải, bên trái rồi mới đi. Khi đi qua giao lộ có tầm nhìn kém và khi băng qua đường rộng cũng cần tạm dừng rồi xác nhận an toàn.

Nơi có vạch qua đường dành cho xe đạp

Trường hợp tại giao lộ hoặc gần đó có vạch qua đường dành cho xe đạp, hãy đi trên phần vạch đó.

1-3. Khi lái xe ô tô (bao gồm cả xe máy)

- Phải có giấy phép lái xe để lái xe ô tô.
- Phải xuất trình bằng lái xe trong trường hợp cảnh sát yêu cầu xuất trình khi bạn có hành vi vi phạm hoặc gây tai nạn giao thông.
- Phải lái xe bên trái đường.
- Khi lái xe gần người đi bộ và người đi xe đạp, phải giảm tốc độ và giữ khoảng cách an toàn.
- Tuyệt đối không được lái xe sau khi uống đồ uống có cồn.

- Tuyệt đối không được cho người đã uống đồ uống có cồn mượn xe, không khuyến khích người lái xe uống đồ uống có cồn hoặc nhờ người đã uống đồ uống có cồn lái xe.
 - Khi lái xe, phải thắt dây an toàn. Ngoài ra, người cùng ngồi trên xe cũng phải thắt dây an toàn.
 - Trẻ em dưới 6 tuổi phải sử dụng ghế trẻ em.
 - Trong khi lái xe, không được sử dụng điện thoại di động.
- ▀ Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy xác nhận tại trang chủ dưới đây: 
- <https://www.npa.go.jp/english/bureau/traffic/index.html>


2. Giấy phép lái xe

Ở Nhật Bản, có 3 cách dưới đây để có thể lái xe (bao gồm cả xe máy) hoặc xe hai bánh có gắn động cơ.

- ① Lấy giấy phép lái xe của Nhật Bản
- ② Lái xe với bằng lái xe quốc tế
(Bằng được cấp bởi quốc gia ký kết Công ước Geneva và tuân thủ định dạng quy định)
- ③ Lái xe với bằng lái xe nước ngoài có đính kèm bản dịch tiếng Nhật do Đại sứ quán v.v... soạn thảo
(7 quốc gia, vùng lãnh thổ gồm E-xtô-ni-a, Thụy Sĩ, Đức, Pháp, Bỉ, Mô-na-cô, Đài Loan)

* Xe đạp có gắn động cơ (moped) thuộc xe hai bánh có gắn động cơ nên cần lái xe bằng 1 trong các cách từ ① đến ③ nêu trên.

* Có thể lái xe với bằng lái xe cách ② và ③ tối đa 1 năm.

- ▀ Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy xác nhận tại trang chủ dưới đây: 
- <https://www.npa.go.jp/english/bureau/traffic/index.html>

2-1. Lấy giấy phép lái xe của Nhật Bản

- Có thể lấy giấy phép lái xe của Nhật Bản thông qua các phương pháp dưới đây.
 - ① Phương pháp lấy giấy phép lái xe sau khi dự thi bài kiểm tra giấy phép lái xe của Nhật Bản

- Cần làm và vượt qua bài kiểm tra kỹ năng, bài kiểm tra viết và bài kiểm tra mức độ thích hợp (thị lực v.v...) tại một trung tâm cấp giấy phép lái xe.
 - Được miễn bài kiểm tra kỹ năng nếu tốt nghiệp trường dạy lái xe ô tô (Trường đào tạo lái xe ô tô được chỉ định).
- ② Phương pháp chuyển đổi giấy phép lái xe nước ngoài sang giấy phép lái xe của Nhật Bản
- Người có giấy phép lái xe nước ngoài được miễn bài kiểm tra viết và bài kiểm tra kỹ năng sau khi xác nhận kiến thức và kỹ năng cần thiết để lái xe, được công nhận là không có bất cứ trở ngại gì cho việc lái xe.
 - Điều kiện là phải ở lại quốc gia đó từ 3 tháng trở lên sau khi lấy giấy phép lái xe nước ngoài.
 - Nộp đơn tại Trung tâm giấy phép lái xe v.v... của cảnh sát tại tỉnh thành đang sống.
 - Hãy liên hệ Trung tâm giấy phép lái xe v.v... của cảnh sát để biết thêm chi tiết về giấy tờ cần thiết v.v... khi nộp đơn.

2-2. Gia hạn bằng lái xe của Nhật Bản v.v...

Gia hạn bằng lái xe

- Bằng lái xe của Nhật Bản có thời hạn hiệu lực.
- Bruu thiếp ghi những việc cần làm để tiến hành thủ tục gia hạn sẽ được gửi đến địa chỉ ghi trên bằng lái xe. Hãy làm thủ tục đúng hạn.
- Nếu không gia hạn sẽ không thể tiếp tục lái xe.

Thay đổi địa chỉ v.v... trên bằng lái xe

- Khi có thay đổi về họ tên, địa chỉ v.v... ghi trên bằng lái, hãy tiến hành thủ tục thay đổi tại trụ sở cảnh sát gần nhất.
- Hãy liên hệ trụ sở cảnh sát gần nhất để biết thêm chi tiết về giấy tờ cần thiết v.v...

2-3. Cơ chế tính điểm cho giấy phép lái xe

- Trường hợp vi phạm giao thông hoặc gây tai nạn giao thông, một số điểm nhất định sẽ được thêm vào.

- Tùy theo tổng số điểm trong 3 năm trở lại, có thể bị treo hoặc thu hồi v.v... giấy phép lái xe.

3. Sở hữu xe ô tô (bao gồm cả xe máy)

3-1. Đăng ký xe

Không được sử dụng xe chưa đăng ký.

Ngoài ra, cũng cần làm thủ tục đăng ký khi có thay đổi về tên, địa chỉ v.v... của chủ sở hữu một chiếc xe đã đăng ký hoặc không sử dụng tại Nhật Bản nữa.

(1) Các trường hợp cần tiến hành thủ tục đăng ký và tên gọi của thủ tục đăng ký

Thủ tục đăng ký xe chưa được sử dụng

- Khi bắt đầu sử dụng xe chưa được sử dụng → Đăng ký mới

Thủ tục đăng ký xe đang được sử dụng

- Khi có thay đổi về tên, địa chỉ v.v... của chủ sở hữu xe → Đăng ký thay đổi
- Khi đổi chủ sở hữu xe → Đăng ký chuyển nhượng
- Khi tháo dỡ xe hoặc khi xuất khẩu xe → Đăng ký xóa bỏ

(2) Nơi có thể tiến hành thủ tục đăng ký và địa chỉ liên hệ

- Có thể tiến hành thủ tục đăng ký tại 91 điểm Chi cục giao thông vận tải hoặc Văn phòng đăng kiểm ô tô trên toàn quốc.
- Hãy liên hệ Chi cục giao thông vận tải hoặc Văn phòng đăng kiểm ô tô gần nhà nếu có thắc mắc về thủ tục đăng ký.

- ▣ Hướng dẫn về các Chi cục giao thông vận tải trên toàn quốc

https://www.mlit.go.jp/jidosha/kensatoroku/ans_system/help02.htm



3-2. Chứng nhận nhà để xe

Khi sở hữu một chiếc xe, chủ sở hữu của chiếc xe cần đảm bảo một không gian lưu trữ cho chiếc xe.

Do đó, trường hợp mua xe hoặc thay đổi địa chỉ do chuyển nhà v.v..., phải được cảnh sát trưởng trụ sở có thẩm quyền tại nơi lưu trữ xe cấp Giấy chứng nhận chỗ lưu trữ xe (Giấy chứng nhận nhà để xe) khi làm thủ tục đăng ký xe.

Đối với xe ô tô hạng nhẹ, cần gửi thông báo cho cảnh sát trưởng trụ sở có thẩm quyền tại nơi lưu trữ xe.

Chỉ 23 quận ở Tokyo và một số thành phố yêu cầu thủ tục như vậy đối với xe ô tô hạng nhẹ. Đối với các loại xe ô tô khác thì 23 quận ở Tokyo, các thành phố, phường và một số xã yêu cầu các thủ tục này.

Hãy liên hệ trụ sở cảnh sát có thẩm quyền tại nơi lưu trữ xe (bãi đỗ xe) để biết thêm chi tiết về thủ tục cấp Giấy chứng nhận nhà để xe.

3-3. Kiểm tra xe ô tô (bao gồm một số loại xe máy)

- Người có xe ô tô phải đem xe đi kiểm tra định kỳ (đăng kiểm) theo pháp luật quy định.
- Có 2 phương pháp đăng kiểm.

① Yêu cầu một xưởng sửa chữa xe ô tô thực hiện đăng kiểm

Tại Nhật Bản, hiện nay, trường hợp yêu cầu một xưởng sửa chữa xe ô tô thực hiện đăng kiểm chiếm khoảng 90%, mọi người thường không tự mình tiến hành sửa chữa, bảo trì hoặc kiểm tra xe ô tô. Về việc yêu cầu đăng kiểm, hãy tham vấn xưởng sửa chữa xe ô tô có treo biển màu xanh dương (xưởng được chỉ định), biển màu vàng hoặc biển màu xanh lục (xưởng được chứng nhận) gần nhất.

② Tự mình thực hiện đăng kiểm

Tại Nhật Bản, hiện nay, trường hợp tự mình thực hiện đăng kiểm chiếm khoảng 10%. Trong trường hợp này, cần đem xe ô tô đến kiểm tra tại cơ sở nhà nước ví dụ như Chi cục giao thông vận tải v.v... Trên toàn quốc có 93 (trường hợp xe ô tô hạng nhẹ là 89) Chi cục giao thông vận tải v.v... có thể tiến hành đăng kiểm này. Trong trường hợp này, tự mình phải tiến hành việc sửa chữa, bảo trì cần thiết. Hãy liên hệ Chi cục giao thông vận tải v.v... gần nhất để biết thêm chi tiết về thủ tục tự mình thực hiện đăng kiểm.

- ▣ Hướng dẫn về Chi cục giao thông vận tải trên toàn quốc

https://www.mlit.go.jp/jidosha/kensatoroku/ans_system/help02.htm



- ▣ Hướng dẫn về xe ô tô hạng nhẹ

https://www.keikenkyo.or.jp/procedures/procedures_000134.html




- Khi đã đạt đăng kiểm, sẽ được cấp Chứng nhận đăng kiểm và Nhãn kiểm tra (nhãn dán). Hãy dán nhãn vào kính mặt trước của xe ô tô, khi lái xe, nhất định phải đem Chứng nhận đăng kiểm theo.

3-4. Bảo hiểm xe cộ

(1) Bảo hiểm trách nhiệm xe cộ bắt buộc (hỗ trợ lẫn nhau)

Định nghĩa “Bảo hiểm trách nhiệm xe cộ bắt buộc (hỗ trợ lẫn nhau)”

- Là bảo hiểm tất cả các xe cộ bao gồm xe ô tô và xe máy bắt buộc phải tham gia, nhằm giúp đỡ nạn nhân tai nạn giao thông.
 - Khi khiến cho đối phương bị thương hoặc khiến cho đối phương bị tử vong do tai nạn giao thông, Bảo hiểm trách nhiệm xe cộ bắt buộc (hỗ trợ lẫn nhau) sẽ trả tiền bảo hiểm (hỗ trợ lẫn nhau).
 - Theo pháp luật, không thể lái xe ô tô hoặc xe máy không tham gia Bảo hiểm trách nhiệm xe cộ bắt buộc (hỗ trợ lẫn nhau).
 - Trường hợp không tham gia Bảo hiểm trách nhiệm xe cộ bắt buộc (hỗ trợ lẫn nhau) mà khiến cho đối phương bị thương hoặc khiến cho đối phương tử vong, sẽ phải tự trả tiền bồi thường tổn thất tinh thần và chi phí điều trị lớn.
 - ▣ Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy xác nhận tại trang chủ dưới đây: 
- <https://www.mlit.go.jp/jidosha/anzen/04relief/index.html>

Làm thế nào để tham gia Bảo hiểm trách nhiệm xe cộ bắt buộc (hỗ trợ lẫn nhau)

- Có thể tham gia Bảo hiểm trách nhiệm xe cộ bắt buộc (hỗ trợ lẫn nhau) tại các cửa hàng, đại lý dưới đây.
 - ① Chi nhánh, đại lý v.v... của công ty bảo hiểm (Hiệp hội hỗ trợ lẫn nhau)
 - ② Cửa hàng bán ô tô và xe máy v.v...

- ③ Về xe hai bánh có gắn động cơ và xe máy, có thể tham gia bảo hiểm tại bưu điện (không phải luôn có sẵn ở tất cả các chi nhánh bưu điện), một số công ty bảo hiểm (Hiệp hội hỗ trợ lẫn nhau) cung cấp bảo hiểm trên Internet hoặc cửa hàng tiện lợi.

* Khi có thắc mắc về thủ tục tham gia bảo hiểm, hãy liên hệ cửa hàng, đại lý gần nhất.

(2) Bảo hiểm tự nguyện (hỗ trợ lẫn nhau)

Dù có tham gia Bảo hiểm trách nhiệm xe cộ bắt buộc (hỗ trợ lẫn nhau) nhưng tai nạn gây thiệt hại về tài sản (trường hợp đồ vật như xe ô tô v.v... bị hỏng) thì không phải là đối tượng thanh toán bảo hiểm.

Vậy nên có “Bảo hiểm tự nguyện (hỗ trợ lẫn nhau)” để bổ sung phần không phải là đối tượng thanh toán bằng Bảo hiểm trách nhiệm xe cộ bắt buộc (hỗ trợ lẫn nhau).

Điểm khác biệt của Bảo hiểm trách nhiệm xe cộ bắt buộc (hỗ trợ lẫn nhau) và Bảo hiểm tự nguyện (hỗ trợ lẫn nhau)

	Bảo hiểm trách nhiệm xe cộ bắt buộc (hỗ trợ lẫn nhau)	Bảo hiểm tự nguyện (hỗ trợ lẫn nhau)
Phương pháp tham gia	Bắt buộc tham gia	Tự nguyện tham gia (công ty bảo hiểm tư nhân (Hiệp hội hỗ trợ lẫn nhau) v.v...)
Đối tượng bồi thường	• Chỉ bồi thường thiệt hại về người	Da dạng tùy theo hợp đồng • Bồi thường thiệt hại về người • Bồi thường thiệt hại về tài sản • Bồi thường chấn thương • Bồi thường hỏng hóc của xe ô tô v.v...
Số tiền bồi thường	Có hạn mức tối đa	Hạn mức tối đa tùy theo hợp đồng

4. Làm gì khi xảy ra tai nạn

4-1. Dừng xe

- Hãy dừng xe ngay lập tức.
- Di chuyển xe đến vị trí an toàn như ven đường hoặc một lô đất trống v.v... để không gây cản trở giao thông.

4-2. Thông báo cho cảnh sát và gọi cấp cứu

- Nếu ai đó bị thương, hãy gọi xe cứu thương (quay số 119).
- Cho đến khi xe cứu thương đến, không di chuyển người bị thương trừ khi cần thiết. Thực hiện theo hướng dẫn, và tiến hành điều trị sơ cứu nếu có thể, chẳng hạn như cầm máu.
- Bất kể có người bị thương hay không, cần phải thông báo cho cảnh sát (quay số 110).
- Không được rời khỏi nơi xảy ra tai nạn cho đến khi cảnh sát đến.
- Sau khi cảnh sát đến, tường trình về các tình huống của vụ tai nạn, và yêu cầu cảnh sát xác nhận hiện trường.

4-3. Chẩn đoán của bác sĩ

- Mặc dù bạn có thể nghĩ rằng bạn chỉ bị thương nhẹ hoặc hoàn toàn không bị thương tại thời điểm xảy ra tai nạn, nhưng có những trường hợp sau đó bạn phát hiện ra rằng bạn thực sự bị chấn thương nghiêm trọng.
- Nên nhanh chóng nhận được chẩn đoán của bác sĩ.

▣ Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy xác nhận tại trang chủ dưới đây:

<https://www.npa.go.jp/english/bureau/traffic/index.html>



4-4. Đề nghị cấp Giấy chứng nhận tai nạn giao thông

- “Giấy chứng nhận tai nạn giao thông” cần khi làm các thủ tục để nhận nhiều loại hỗ trợ sau khi xảy ra tai nạn giao thông.
- Có thể nhận “Giấy chứng nhận tai nạn giao thông” sau khi đề nghị cấp tại Trung tâm lái xe an toàn. Hãy liên hệ trụ sở cảnh sát bạn đã thông báo tai nạn để biết thêm chi tiết về thủ tục đề nghị cấp.

- Ngoài ra, không thể đề nghị cấp “Giấy chứng nhận tai nạn giao thông” cho tai nạn không được thông báo cho cảnh sát. Do vậy, khi xảy ra tai nạn giao thông, nhất định hãy thông báo cho cảnh sát.

▣ Trung tâm lái xe an toàn

<https://www.jsdc.or.jp/center/tabid/106/Default.aspx>



Chương X. Trường hợp khẩn cấp, thiên tai, thảm họa

1. Gọi điện thoại trong trường hợp khẩn cấp

1-1. Bệnh đột ngột, bị thương, hỏa hoạn v.v... (gọi 119)

Trường hợp bệnh đột ngột, bị thương, hỏa hoạn, hãy gọi điện thoại đến số 119.

Khi bị bệnh đột ngột, khi bị thương

- ① Khi bạn gọi số 119, tổng đài viên sẽ hỏi “Là hỏa hoạn hay là cấp cứu?”.
Bạn hãy nói “Là cấp cứu.”.
- ② Hãy truyền đạt địa điểm mà bạn muốn xe cứu thương đến và mốc nhận biết.
- ③ Hãy truyền đạt triệu chứng và tuổi tác của người bị bệnh/bị thương.
- ④ Hãy truyền đạt tên và thông tin liên lạc của bạn.

☛ Có thể xác nhận cách gọi xe cứu thương tại trang chủ dưới đây (đáp ứng nhiều ngôn ngữ).

https://www.fdma.go.jp/html/life/gaikokujin_kyukyusya_guide/index.html



Khi xảy ra hỏa hoạn

- ① Khi bạn gọi số 119, tổng đài viên sẽ hỏi “Là hỏa hoạn hay là cấp cứu?”.
Bạn hãy nói “Là hỏa hoạn.”.
- ② Hãy truyền đạt nơi xảy ra hỏa hoạn.
- ③ Hãy truyền đạt tên và thông tin liên lạc của bạn.

1-2. Nạn nhân của tai nạn giao thông hoặc hành vi phạm tội (gọi 110)

- Khi gặp phải tai nạn giao thông hoặc hành vi phạm tội và muốn cảnh sát đến ngay lập tức, bạn hãy báo cảnh sát bằng cách gọi số 110.
- Khi bạn gọi số 110, tổng đài viên chủ yếu sẽ hỏi các việc sau đây. Bạn hãy bình tĩnh, cố gắng trả lời thật chính xác.
 - ① Đã xảy ra việc gì, khi nào, ở đâu
 - ② Tên và thông tin liên lạc của bạn
 - ③ Giới tính, số người, tuổi, trang phục v.v... của đối phương gây tai nạn hoặc tên tội phạm

Chương X. Trường hợp khẩn cấp, thiên tai, thảm họa

④ Có ai bị thương không

- Nếu bạn không thể tự gọi điện, hãy nhờ trợ giúp của ai đó xung quanh.

2. Thiên tai, thảm họa

2-1. Bão và mưa lớn cục bộ

- Nhật Bản thường xuyên có mưa lớn khi chuyển mùa. Hiện tượng này xảy ra khi đường biên giữa các khối khí (front) ấm từ phía Nam và lạnh từ phía Bắc đọng lại trong tầng khí quyển phía trên Nhật Bản.
- Mưa lớn trên diện rộng khi áp suất không khí thấp kết hợp với bão và các dải khí đối lưu đi qua khu vực gần Nhật Bản.
- Do ảnh hưởng của địa hình v.v..., hình thành các dòng không khí hướng lên trên mạnh, các đám mây vũ tích phát sinh tại cùng vị trí nên gây ra việc mưa lớn kéo dài tại cùng một địa điểm (mưa lớn cục bộ).
- Các trận mưa lớn v.v... như thế này gây ra thảm họa sạt lở và lũ lụt, gây ra thiệt hại lớn nên cần chú ý.

(1) Lũ sông

- Khi nước sông tràn, phát sinh lũ lụt do mưa lớn v.v..., có thể khiến các tòa nhà bị ngập, người bị cuốn trôi.
- Hãy hành động như dưới đây để bảo vệ tính mạng khỏi lũ lụt.

Chuẩn bị

Thường xuyên xác nhận nơi có nguy cơ bị ngập nước bằng cách dùng Bản đồ dự đoán thiệt hại do thiên tai.

- Một điểm quan trọng Bản đồ dự đoán thiệt hại do thiên tai

- Là bản đồ viết các nơi có nguy cơ phát sinh thiên tai, thảm họa.
- ▣ Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy xác nhận tại trang chủ dưới đây:
<https://disaportal.gsi.go.jp/>



Chương X. Trường hợp khẩn cấp, thiên tai, thảm họa

Khi mưa lớn

- ① Căn cứ vào Cảnh báo lũ lụt v.v... do Cơ quan khí tượng Nhật Bản công bố, tự mình quyết định đi sơ tán nếu thấy có vẻ nguy hiểm.
- ② Sơ tán đến nơi an toàn ngay sau khi cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố phát thông tin sơ tán.
- ③ Về cách sơ tán, hãy xác nhận mục “3. Sơ tán”.

(2) Thảm họa sạt lở

Thảm họa sạt lở là thảm họa gây ra bởi đất, cát dịch chuyển do mưa lớn v.v... Có trường hợp núi, vách đá sụp đổ, đất, cát trôi đến khiến các toà nhà hư hỏng, bị vùi lấp, đường xá không thể lưu thông.

Hãy hành động như dưới đây để bảo vệ tính mạng khỏi thảm họa sạt lở.

Chuẩn bị

Thường xuyên xác nhận nơi có nguy cơ xảy ra thảm họa sạt lở bằng cách dùng Bản đồ dự đoán thiệt hại do thiên tai.

Khi mưa lớn

- ① Căn cứ vào Cảnh báo mưa lớn v.v... do Cơ quan khí tượng Nhật Bản công bố, tự mình quyết định đi sơ tán nếu thấy có vẻ nguy hiểm.
- ② Sơ tán đến nơi an toàn ngay sau khi cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố phát thông tin sơ tán.
- ③ Về cách sơ tán, hãy xác nhận mục “3. Sơ tán”.

2-2. Động đất

- Nhật Bản nằm trên khu vực tồn tại nhiều mảng kiến tạo, các lực tác động phức tạp nên trở thành một trong những khu vực thường xuyên xảy ra động đất nhất thế giới.
- Điều vô cùng quan trọng là khi xảy ra động đất, bạn cần tự mình bảo vệ chính mình, nỗ lực giúp đỡ, bảo vệ những người trong khu vực.
- Hãy thường xuyên hành động như dưới đây để bảo vệ tính mạng khỏi động đất.

Chương X. Trường hợp khẩn cấp, thiên tai, thảm họa

Chuẩn bị

- ① Thường xuyên thảo luận với các thành viên trong gia đình bạn về nơi sơ tán nếu động đất xảy ra.
- ② Tích cực tham gia các cuộc diễn tập phòng chống thảm họa do khu vực tổ chức, hiểu về các chương trình, nỗ lực hành động diễn ra tại khu vực.
- ③ Chuẩn bị lượng thực phẩm, nước uống tối thiểu đủ cho 3 ngày (nếu có thể thì chuẩn bị lượng đủ cho 1 tuần) và dụng cụ có thể dùng để sơ cứu vết thương v.v...
- ④ Cố định đồ đạc để chúng không bị đổ. Lưu ý bố trí đồ đạc sao cho dù có đổ cũng không sao.

• Một điểm quan trọng Magnitude và Shindo (cường độ địa chấn)

- Magnitude là đơn vị thể hiện độ lớn về năng lượng của một trận động đất. Khi trị số Magnitude tăng thêm 1, năng lượng sẽ tăng khoảng 32 lần.
- Cường độ địa chấn là đơn vị thể hiện độ lớn của rung lắc do động đất tại địa điểm đó. Cơ quan khí tượng Nhật Bản công bố cường độ địa chấn với 10 cấp.
- Có thể nhận được những thông tin này qua tivi, đài, internet v.v...

Khi xảy ra động đất

Khi xảy ra động đất, hãy bình tĩnh hành động. Hành động như thế nào là tùy thuộc vào vị trí của bạn vào thời điểm xảy ra động đất nên hãy chú ý các điểm dưới đây.

- ① Bình tĩnh hành động
 - Nếu bạn ở trong nhà hoặc một công trình

Hãy che chắn cho bản thân bằng cách núp dưới những chiếc bàn chắc chắn để bảo vệ đầu khỏi những thứ rơi xuống do rung lắc và đợi đến khi không còn rung lắc nữa.
 - Nếu bạn đang ở bên ngoài

Nếu bạn ở gần các công trình, có khả năng biển hiệu hoặc tường, kính cửa sổ rơi xuống nên hãy dùng túi xách v.v... bảo vệ đầu và sơ tán đến nơi an toàn.
 - Nếu bạn đang trên xe ô tô

Nếu thấy rung lắc, đừng hoảng loạn, hãy dừng xe bên trái đường, tắt động

Chương X. Trường hợp khẩn cấp, thiên tai, thảm họa

ơ. Hãy để nguyên chìa khoá xe, xuống xe và đi bộ sơ tán đến nơi an toàn.

② Dập lửa

Nếu phát sinh hoả hoạn do động đất thì thiệt hại sẽ càng nghiêm trọng.

- Sau khi không còn rung lắc nữa, hãy tắt lửa bếp, lò sưởi v.v...
- Nếu có đám cháy, hãy cố hết sức dập lửa bằng bình cứu hoả v.v...
- Có khả năng rò rỉ khí gas sau động đất. Do vậy, cần lưu ý không tạo ra bất kỳ nguồn lửa nào.

③ Sơ tán đến nơi an toàn

Có khả năng xảy ra nguy cơ sập nhà cửa, hoặc phát sinh hoả hoạn do động đất.

- Nơi gần núi thì có khả năng vách đá sạt lở nên ngay sau khi không còn rung lắc nữa, hãy nhanh chóng sơ tán đến khu vực sơ tán do cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi bạn đang sinh sống chỉ định.

④ Hàng xóm hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau

Khi xảy ra thiên tai, thảm họa, việc hàng xóm giúp đỡ lẫn nhau là vô cùng quan trọng.

- Đặc biệt, hãy hỏi han, hợp tác, giúp đỡ người cao tuổi sống một mình, những người khuyết tật v.v...

⑤ Tiếp cận thông tin chính xác

Sau khi xảy ra động đất lớn, sẽ có nhiều loại thông tin xuất hiện khắp nơi.

- Hãy tiếp cận thông tin mới và chính xác nhất từ tivi, đài, thiết bị đầu cuối di động, thông tin vô tuyến về phòng chống thiên tai v.v... và hành động bình tĩnh.

● Một điểm quan trọng Tin báo động đất khẩn cấp (Cảnh báo)

- Khi cường độ địa chấn tối đa được dự đoán là từ mức 5- trở lên, Cơ quan khí tượng Nhật Bản sẽ đưa ra Tin báo động đất khẩn cấp (Cảnh báo) đối với khu vực được dự đoán xảy ra rung lắc với cường độ địa chấn từ mức 4 trở lên.
- Tin báo động đất khẩn cấp sẽ được phát qua tivi, đài, thiết bị đầu cuối di động, thông tin vô tuyến về phòng chống thiên tai v.v...

▀ Video về động đất và tin báo động đất khẩn cấp (Tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Hàn, tiếng Nhật)

https://www.jma.go.jp/jma/kishou/books/sokuho_dvd/index.html



2-3. Sóng thần

- Khi động đất lớn xảy ra dưới đáy biển, đáy biển sẽ nhô lên hoặc chìm xuống. Hệ quả là mặt biển bị biến động, cấu thành những con sóng lớn lan truyền theo nhiều hướng, tạo ra hiện tượng sóng thần.
- Có một câu nói rằng “Thủy triều luôn rút xuống trước khi sóng thần đến”. Tuy nhiên, điều này không hoàn toàn đúng.

Chuẩn bị

Để bảo vệ bản thân khỏi sóng thần, việc quan trọng là thường xuyên xác nhận khu vực sơ tán, đường đi an toàn từ nhà v.v... đến khu vực sơ tán bằng cách dùng Bản đồ dự đoán thiệt hại do thiên tai.

Khi sắp (đã) xảy ra sóng thần

Sẽ là quá muộn nếu bạn bắt đầu sơ tán sau khi đã nhìn thấy con sóng thần ập đến bờ biển. Hãy lưu ý những điều dưới đây và sơ tán.

- Tại khu vực gần biển hoặc cửa sông, khi bạn cảm thấy có sự rung chuyển mạnh, khi bạn cảm thấy có rung chuyển nhẹ trong khoảng thời gian dài, động đất chậm, hãy di chuyển khỏi khu vực bờ biển hoặc cửa sông ngay lập tức và sơ tán đến địa điểm an toàn như công trình sơ tán hoặc vùng đất cao.
- Ngay cả khi bạn không cảm thấy động đất nhưng nếu Cơ quan khí tượng Nhật Bản đưa ra cảnh báo sóng thần, hãy di chuyển khỏi khu vực bờ biển hoặc cửa sông ngay lập tức và sơ tán đến địa điểm an toàn như công trình sơ tán hoặc vùng đất cao.
- Hãy tiếp cận thông tin chính xác nhất từ tivi, đài, thiết bị đầu cuối di động, thông tin vô tuyến về phòng chống thiên tai, trang chủ bản tiếng Anh của Cơ quan khí tượng hoặc Safety tips v.v...
- Do sóng thần có xu hướng lặp lại liên tục, hãy tránh xa khu vực bờ biển và cửa sông cho đến khi cảnh báo, khuyến nghị về sóng thần kết thúc.

Chương X. Trường hợp khẩn cấp, thiên tai, thảm họa

● Một điểm quan trọng Cờ sóng thần

- Từ tháng 6 năm 2020, đã bắt đầu thực hiện việc thông báo về mặt thị giác việc công bố cảnh báo sóng thần lớn, cảnh báo sóng thần, khuyến nghị về sóng thần bằng “Cờ sóng thần”, là lá cờ với hoa văn ô chữ nhật trắng và đỏ.
- Với việc sử dụng “Cờ sóng thần”, có thể thông báo công bố về cảnh báo sóng thần cho người bị khuyết tật thính giác, những người đang bơi lội hay vui chơi trên biển khó nghe thấy âm thanh do tiếng sóng và gió, và cho cả những người nước ngoài.

▣ Về “Cờ sóng thần” (tiếng Anh)

https://www.data.jma.go.jp/svd/eqev/data/en/tsunami/tsunami_flag.html



2-4. Núi lửa phun trào

- Tại Nhật Bản có rất nhiều núi lửa.
- Khi núi lửa phun trào, có nguy cơ gây ra thảm họa nghiêm trọng liên quan đến tính mạng.
- Hãy hành động như dưới đây để bảo vệ tính mạng khỏi núi lửa phun trào.

Chuẩn bị

- Thường xuyên xác nhận “Phạm vi cần cảnh giác” bằng cách dùng Bản đồ dự đoán thiệt hại do thiên tai.
- Khi leo núi, hãy chuẩn bị các việc dưới đây.
 - ① Xác nhận thông tin liên quan đến núi lửa, ví dụ như Mức cảnh báo núi lửa phun trào do Cơ quan khí tượng Nhật Bản công bố, Bản đồ dự đoán thiệt hại do thiên tai v.v...
 - ② Hãy nộp Thông báo leo núi.
 - ③ Chuẩn bị thiết bị thông tin liên lạc và mũ bảo hiểm.

Khi núi lửa sắp (đã) phun trào

- Tự mình phán đoán, đánh giá tình hình căn cứ vào tin nhanh về núi lửa phun trào, cảnh báo núi lửa phun trào hoặc mức cảnh báo núi lửa phun trào do Cơ quan khí tượng Nhật Bản đưa ra, và sơ tán nếu cần.

Chương X. Trường hợp khẩn cấp, thiên tai, thảm họa

- Khi cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố phát Khuyến nghị sơ tán v.v..., hãy sơ tán đến nơi an toàn.
- Khi nhận được những thông tin ghi trên trong lúc đang leo núi, hoặc khi xảy ra phun trào, hãy hành động như dưới đây.
 - ① Hãy di chuyển khỏi miệng núi lửa ngay lập tức.
 - ② Sơ tán đến nơi trú ẩn hoặc trạm nghỉ trên núi.
 - ③ Đội mũ bảo hiểm để bảo vệ đầu.

3. Sơ tán

3-1. Khu vực sơ tán

Khu vực sơ tán là địa điểm, cơ sở sơ tán tạm thời để bảo vệ tính mạng khỏi thiên tai, thảm họa.

Trường hợp thiên tai, thảm họa sắp (đã) xảy ra

- Nhanh chóng sơ tán đến nơi an toàn.
- Xác nhận trước khu vực sơ tán tại nơi đang sống.
- Có thể xác nhận khu vực sơ tán tại trang chủ v.v... của từng cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố.
- Trường hợp gặp khó khăn trong việc đi đến khu vực sơ tán, hãy lánh đến địa điểm an toàn khác (lánh đến công trình kiên cố (vững chắc) lân cận, nếu việc đó cũng khó thì lánh đến nơi khác, dù cho chỉ là an toàn hơn một chút, ví dụ như tầng 2 của căn nhà), cố gắng tối đa để bảo vệ tính mạng.

3-2. Thông tin sơ tán

Thông tin sơ tán là thông tin kêu gọi, thúc giục sơ tán trong trường hợp thiên tai, thảm họa sắp (đã) xảy ra.

Có những thông tin sơ tán như dưới đây.

Chuẩn bị sơ tán, bắt đầu sơ tán những người cần nhiều thời gian cho việc sơ tán

- Thông tin như thế nào?
Thông tin kêu gọi, thúc giục sơ tán đối với người cao tuổi và trẻ nhỏ v.v... cần nhiều thời gian cho việc sơ tán.
- Khi thông tin này được phát ra,

Chương X. Trường hợp khẩn cấp, thiên tai, thảm họa

Bắt đầu sơ tán những người dưới đây.

- ① Người cao tuổi
- ② Người khuyết tật
- ③ Trẻ nhỏ
- ④ Những người cần nhiều thời gian cho việc sơ tán khác (thai phụ v.v...)
- ⑤ Người đi cùng người từ ① đến ④
- ⑥ Người cảm thấy bản thân gặp nguy hiểm

Những người khác cũng bắt đầu chuẩn bị sơ tán.

Khuyến nghị sơ tán

- Thông tin như thế nào?
Thông tin được đưa ra trong trường hợp có khả năng cao là sẽ phát sinh thiệt hại do thiên tai, thảm họa.
- Khi thông tin này được phát ra,
Hãy sơ tán đến các địa điểm dưới đây, đồng thời đảm bảo an toàn trong khi sơ tán.
 - ① Khu vực sơ tán
 - ② Các khu vực an toàn khác

Chỉ thị sơ tán (khẩn cấp)

- Thông tin như thế nào?
Thông tin được đưa ra trong trường hợp tình hình trở nên tồi tệ hơn, thiệt hại có thể phát sinh bất cứ lúc nào.
- Khi thông tin này được phát ra,
Nếu chưa đi sơ tán, ngay lập tức hãy sơ tán đến các địa điểm dưới đây, đồng thời đảm bảo an toàn trong khi sơ tán.
 - ① Khu vực sơ tán
 - ② Các khu vực an toàn khác

Chương X. Trường hợp khẩn cấp, thiên tai, thảm họa

● Một điểm quan trọng Thông tin sơ tán có sử dụng “Mức cảnh báo”

~ Mức cảnh báo là gì? ~

- Là thông tin được đưa ra để mọi người ngay lập tức biết nên hành động như thế nào trong trường hợp sắp xảy ra thảm họa sạt lở, lũ lụt trừ trường hợp sóng thần.
- Từ năm 2019, được phát đi cùng thông tin sơ tán hoặc thông tin khí tượng phòng chống thảm họa.

- Có 5 cấp độ Mức cảnh báo.

Mức cảnh báo cấp độ 1 Nêu cao tinh thần đối với thiên tai, thảm họa
(Tra cứu thông tin về mưa, sông ngòi qua tivi, internet.)

Mức cảnh báo cấp độ 2 Chuẩn bị sơ tán, xác nhận hành động khi sơ tán
(Tra cứu xem lánh đi đâu, lánh bằng cách nào.)

Mức cảnh báo cấp độ 3 Sơ tán người cao tuổi v.v... (Người già, trẻ nhỏ, người cần nhiều thời gian cho việc sơ tán v.v... lánh đi.)

Mức cảnh báo cấp độ 4 Tất cả mọi người sơ tán (Tất cả mọi người lánh đến nơi an toàn.)

Mức cảnh báo cấp độ 5 Thực hiện mọi hành động để bảo vệ tính mạng
(Thiên tai, thảm họa đang xảy ra. Hãy bảo vệ mạng sống quý giá!)

3-3. Phương pháp sơ tán

Khi sơ tán thực tế, hãy lưu ý những điều dưới đây.

- Nhất định phải dập lửa trước khi sơ tán.
- Khi sơ tán, hạn chế tối đa các vật dụng mang theo và đeo, vác sau lưng sao cho có thể sử dụng tự do hai tay.

● Một điểm quan trọng Dịch vụ thư thoại khi xảy ra thiên tai, thảm họa

- Trường hợp xảy ra động đất lớn v.v..., sẽ xảy ra tình huống điện thoại khó kết nối.
- Trong trường hợp này, Dịch vụ thư thoại khi xảy ra thiên tai, thảm họa sẽ được cung cấp.

▣ Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy xác nhận tại trang chủ dưới đây:

https://www.soumu.go.jp/menu_seisaku/ictseisaku/net_anzen/hijyo/dengon.html



Chương X. Trường hợp khẩn cấp, thiên tai, thảm họa

Quay số thư thoại khi xảy ra thiên tai, thảm họa (171)

- Có thể ghi âm và nghe thư thoại bằng cách đơn giản là gọi số “171” từ điện thoại cố định, điện thoại di động rồi làm theo hướng dẫn sử dụng.

- ▣ Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy xác nhận tại trang chủ dưới đây:

NTT: <https://www.ntt.co.jp/saitai/171.html>

NTT Đông Nhật Bản: <https://www.ntt-east.co.jp/saigai/voice171/>

NTT Tây Nhật Bản: <https://www.ntt-west.co.jp/dengon/>

▼ NTT



▼ NTT Đông Nhật Bản



▼ NTT Tây Nhật Bản



Bảng tin nhắn khi xảy ra thiên tai, thảm họa (web 171) (Tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng

Hàn, tiếng Nhật)

Có thể đăng ký, kiểm tra thông tin an toàn qua máy tính hoặc điện thoại thông minh bằng cách nhập số điện thoại của điện thoại cố định hay điện thoại di động.

- ▣ Hãy sử dụng từ liên kết bên dưới.

<https://www.web171.jp/web171app/topRedirect/>



- ▣ Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy xác nhận tại trang chủ dưới đây.

NTT Đông Nhật Bản: <http://www.ntt-east.co.jp/saigai/web171/>

NTT Tây Nhật Bản: <https://www.ntt-west.co.jp/dengon/web171/>

▼ NTT Đông Nhật Bản



▼ NTT Tây Nhật Bản



Bảng tin nhắn khi xảy ra thiên tai, thảm họa (điện thoại di động)

Các hãng điện thoại di động cũng cung cấp dịch vụ Bảng tin nhắn.

- ▣ Hãy sử dụng từ liên kết bên dưới.

NTT Docomo: <http://dengon.docomo.ne.jp/top.cgi>

KDDI (au): <http://dengon.ezweb.ne.jp/>

Chương X. Trường hợp khẩn cấp, thiên tai, thảm họa

SoftBank/Y!mobile: <http://dengon.softbank.ne.jp/>

▼ NTT Docomo ▼ KDDI (au) ▼ SoftBank/Y!mobile

☛ Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy xác nhận tại trang chủ dưới đây.

NTT Docomo: https://www.nttdocomo.co.jp/info/disaster/disaster_board/index.html

KDDI (au): <https://www.au.com/mobile/anti-disaster/saigai-dengon/>

Softbank: <https://www.softbank.jp/mobile/service/dengon/>

Y!mobile: <https://www.ymobile.jp/service/dengon/>

▼NTT Docomo ▼ KDDI (au) ▼ Softbank ▼ Y!mobile

3-4. Có được thông tin khí tượng hữu ích trong trường hợp thiên tai, thảm họa

Cơ quan khí tượng Nhật Bản truyền đạt đến các tỉnh thành thông tin khí tượng hữu ích trong trường hợp xảy ra thiên tai, thảm họa.

Có thể có được các thông tin khí tượng đó qua tivi, đài, internet v.v...

- ☛ Thông tin liên quan đến mưa lớn và động đất (đáp ứng nhiều ngôn ngữ)

<https://www.jma.go.jp/jma/kokusai/multi.html>



Thông tin phòng chống thảm họa

- ☛ Hãy xác nhận thông tin về thiên tai, thảm họa tại trang chủ dưới đây.

<https://www.jma.go.jp/jma/en/menu.html>



Chương X. Trường hợp khẩn cấp, thiên tai, thảm họa

Phân bố mức độ nguy hiểm

Hãy xác nhận khu vực nguy hiểm có thể xảy ra thiên tai, thảm họa trên bản đồ.

- ▣ Ngập nước (Thiên tai, thảm họa do nước tích lại tại khu vực thấp)

<https://www.jma.go.jp/en/suigaimesh/inund.html>



<https://www.jma.go.jp/jma/kokusai/multi.html>



- ▣ Lũ lụt (Thiên tai, thảm họa do nước sông dâng tràn)

<https://www.jma.go.jp/en/suigaimesh/flood.html>



<https://www.jma.go.jp/jma/kokusai/multi.html>



- ▣ Thảm họa sạt lở (Thiên tai, thảm họa do núi hoặc cách đá sụp đổ)

<https://www.jma.go.jp/en/doshamesh/>



<https://www.jma.go.jp/jma/kokusai/multi.htm>



Mức cảnh báo núi lửa phun trào

- ▣ Thông tin núi lửa

https://www.data.jma.go.jp/svd/vois/data/tokyo/STOCK/kaisetsu/level_toha/level_toha.htm#level_vol



https://www.data.jma.go.jp/svd/vois/data/tokyo/STOCK/activity_info/map_0.html



Chương X. Trường hợp khẩn cấp, thiên tai, thảm họa

- Một điểm quan trọng Cảnh báo mưa lớn đặc biệt

- Có trường hợp Cơ quan khí tượng Nhật Bản phát Cảnh báo mưa lớn đặc biệt.
- Cảnh báo mưa lớn đặc biệt được phát trong trường hợp xảy ra thiên tai, thảm họa đặc biệt nghiêm trọng như dưới đây.
 - ① Trường hợp dự báo mưa lớn vài chục năm mới xảy ra một lần
 - ② Trường hợp dự báo cơn bão mạnh vài chục năm mới xảy ra một lần sẽ tiếp cận, tiến vào Nhật Bản

- Một điểm quan trọng Phân bố mức độ nguy hiểm

- Cơ quan khí tượng Nhật Bản cung cấp “Phân bố mức độ nguy hiểm” thể hiện trên bản đồ các khu vực nguy hiểm có thể xảy ra ngập nước, thảm họa sạt lở, lũ lụt.
- Có thể có được Phân bố mức độ nguy hiểm từ trang chủ của Cơ quan khí tượng, được cập nhật liên tục mỗi 10 phút.
- Hãy xác nhận mức độ nguy hiểm tại khu vực mình đang ở bằng điện thoại thông minh v.v..., và hãy sơ tán sớm.

- Một điểm quan trọng Ứng dụng “Safety tips” cung cấp thông tin hữu ích khi xảy ra thiên tai, thảm họa

- Tại Nhật Bản có ứng dụng cung cấp thông tin hữu ích khi xảy ra thiên tai, thảm họa dành cho khách du lịch nước ngoài.
- Khi tải ứng dụng này về điện thoại thông minh, sẽ được thông báo trước về khả năng gặp phải thiên tai, thảm họa tại khu vực mình đang ở như dưới đây.
 - ① Tin báo động đất khẩn cấp (kêu gọi cảnh giác: sắp có rung lắc mạnh nên hãy bảo vệ bản thân)
 - ② Cảnh báo sóng thần (kêu gọi cảnh giác: sóng thần sẽ tới nên hãy lánh đến chỗ cao)
 - ③ Cảnh báo khí tượng đặc biệt (kêu gọi cảnh giác: không có gì lạ nếu xảy ra thiên tai, thảm họa mấy chục năm mới có một lần nên những người chưa thể sơ tán hãy ngay lập tức hành động bảo vệ tính mạng của mình)
 - ④ Tin nhanh về núi lửa phun trào (kêu gọi cảnh giác: núi lửa đã phun trào nên hãy bảo vệ bản thân)

Chương X. Trường hợp khẩn cấp, thiên tai, thảm họa

⑤ Thông tin bão (kêu gọi cảnh giác bảo vệ bản thân vì bão đang đến gần)

• Ngoài ra, có thể sử dụng các thông tin hữu ích khi gặp phải thiên tai, thảm họa.

- ① Quy trình các bước để biết nên làm như thế nào khi xảy ra thiên tai, thảm họa
- ② Thẻ giao tiếp để nói chuyện với người Nhật xung quanh
- ③ Liên kết trang web có thể thu thập thông tin cần thiết khi xảy ra thiên tai, thảm họa

Android:

<https://play.google.com/store/apps/details?id=jp.co.rcsc.safetyTips.android>

iPhone:

<https://itunes.apple.com/jp/app/safety-tips/id858357174?mt=8>



Android



iPhone

Chương XI. Nhà ở

1. Nhà ở tại Nhật Bản

1-1. Nhà riêng

Tại Nhật Bản, nhà ở có quyền sở hữu thường được gọi là “Nhà riêng”. Nhà riêng có hình thái nhà nguyên căn liền đất hoặc chung cư, nhưng khi xây nhà, mua nhà đều cần hợp đồng và nhiều loại thủ tục khác nhau.

1-2. Nhà công

Là nhà cho thuê do chính quyền địa phương cung cấp với mức tiền thuê nhà thấp dành cho đối tượng người có thu nhập thấp và gặp khó khăn về nhà ở. Mỗi tỉnh, thành phố, quận, phường, xã có quy định riêng về điều kiện vào ở, ví dụ như tiêu chuẩn tổng thu nhập v.v...

1-3. Nhà cho thuê UR

Là nhà ở do Cơ quan đô thị UR quản lý, để được vào ở thì cần điều kiện như có tổng thu nhập vượt quá thu nhập hàng tháng tiêu chuẩn do UR đặt ra, nhưng nếu có tư cách cư trú nhất định (tham khảo mục 2-2.) thì có thể vào ở.

1-4. Nhà tư nhân cho thuê

Là nhà cho thuê thông thường. Ai cũng có thể thuê nhà và vào ở bằng cách thanh toán tiền thuê nhà v.v... theo hợp đồng cho thuê. Ngoài ra, nội dung hợp đồng sẽ khác nhau, tùy thuộc vào căn nhà nên cần xác nhận kỹ càng.

2. Điều kiện vào ở

2-1. Nhà công

- Nhà công dành cho đối tượng người có thu nhập thấp và gặp khó khăn về nhà ở nên mỗi nhà quản lý là các tỉnh, thành phố, quận, phường, xã có quy định riêng về điều kiện vào ở, ví dụ như tiêu chuẩn tổng thu nhập v.v...
- Về người nước ngoài, ngoài điều kiện vào ở thông thường, có thể có các điều kiện khác, ví dụ như tư cách cư trú từ 1 năm trở lên hoặc đã có hồ sơ cư trú thực tế tại Nhật Bản.

- Trường hợp mong muốn vào ở nhà công, hãy đăng ký với tỉnh, thành phố, quận, phường, xã đang quản lý nhà.
- Để biết thêm thông tin chi tiết về điều kiện vào ở, phương pháp đăng ký v.v..., hãy liên hệ với tỉnh, thành phố, quận, phường, xã đang quản lý nhà bạn muốn vào ở.

2-2. Nhà cho thuê UR

- Cần thoả mãn điều kiện ví dụ như có tổng thu nhập vượt quá thu nhập hàng tháng tiêu chuẩn do Cơ quan đô thị UR đặt ra.
- Trường hợp người nước ngoài, người có tư cách cư trú “Ngoại giao”, “Công vụ”, người vĩnh trú đặc biệt, người cư trú trung, dài hạn (bao gồm người vĩnh trú.) có thể vào ở.
- Để biết thêm thông tin chi tiết ví dụ như xác nhận phương pháp đăng ký vào ở, tình hình nhà có sẵn, hãy liên hệ với Trung tâm kinh doanh của UR.

2-3. Nhà tư nhân cho thuê

- Cuốn “Sách hướng dẫn về tìm kiếm căn hộ”, “Hướng dẫn vào ở nhà cho thuê dành cho người nước ngoài” hiện có sẵn dành cho người nước ngoài đang tìm thuê nhà ở tư nhân tại Nhật Bản.
- Trong “Sách hướng dẫn về tìm kiếm căn hộ” có các thông tin hữu ích cho việc tìm thuê nhà như dưới đây nên hãy tham khảo.
 - ① Cách tìm nhà cho thuê tại Nhật Bản, trình tự ký kết hợp đồng
 - ② Tài liệu, giấy tờ cần thiết và chi phí
 - ③ Thủ tục vào ở
 - ④ Quy định về sống tại nhà ở Nhật Bản
 - ⑤ Thủ tục khi dọn đi
 - ⑥ Các thuật ngữ bất động sản nên biết khi thuê nhàv.v...
- Trong cuốn “Hướng dẫn vào ở nhà cho thuê dành cho người nước ngoài”, có giới thiệu các thông tin cơ bản có thể tận dụng khi tìm nhà tại Nhật và các trang Web của các văn phòng bất động sản có thể tiếp khách bằng tiếng nước ngoài.

- ▣ Trang chủ Bộ Đất đai, Hạ tầng, Giao thông và Du lịch

Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy xác nhận tại trang chủ dưới đây:

https://www.mlit.go.jp/jutakukentiku/house/jutakukentiku_house_tk3_000017.htm

1

“Sách hướng dẫn về tìm kiếm căn hộ”

▼Tiếng Nhật –JAPANESE –	https://www.mlit.go.jp/common/001317843.pdf
▼Tiếng Anh –ENGLISH –	https://www.mlit.go.jp/common/001317844.pdf
▼Tiếng Trung –CHINESE –	https://www.mlit.go.jp/common/001317845.pdf
▼Tiếng Hàn –KOREAN –	https://www.mlit.go.jp/common/001317846.pdf
▼Tiếng Tây Ban Nha –SPANISH	https://www.mlit.go.jp/common/001317847.pdf
▼Tiếng Bồ Đào Nha –PORTUGUESE –	https://www.mlit.go.jp/common/001317848.pdf
▼Tiếng Việt –VIETNAMESE –	https://www.mlit.go.jp/common/001316936.pdf
▼Tiếng Nepal –NEPALI –	https://www.mlit.go.jp/common/001316937.pdf
▼Tiếng Thái –THAI –	http://www.mlit.go.jp/common/001312581.pdf
▼Tiếng Indonesia –INDONESIAN –	http://www.mlit.go.jp/common/001312584.pdf
▼Tiếng Myanma –MYAMMAR –	http://www.mlit.go.jp/common/001312587.pdf
▼Tiếng Khơ Me –KHMER –	http://www.mlit.go.jp/common/001312589.pdf
▼Tiếng Tagalog –TAGALOG –	http://www.mlit.go.jp/common/001312590.pdf
▼Tiếng Mông Cổ –MONGOLIAN –	http://www.mlit.go.jp/common/001312591.pdf

Tiếng Nhật	Tiếng Anh	Tiếng Trung	Tiếng Hàn
			
Tiếng Tây Ban Nha	Tiếng Bồ Đào Nha	Tiếng Việt	Tiếng Nepal
			
Tiếng Thái	Tiếng Indonesia	Tiếng Myanma	Tiếng Khơ Me
			

Tiếng Tagalog

Tiếng Mông Cổ



- ▣ “Hướng dẫn vào ở nhà cho thuê dành cho người nước ngoài”

<https://www.mlit.go.jp/common/001334734.pdf>



- ▣ Thông tin nhà mà người nước ngoài có thể thuê

<https://www.safetynet-jutaku.jp/guest/index.php> (tiếng Nhật)



Chương XII. Các quy tắc, tập quán trong cuộc sống thường ngày

Chương XII. Các quy tắc, tập quán trong cuộc sống thường ngày

1. Quy tắc sinh hoạt

1-1. Rác

(1) Quy tắc cơ bản về việc đổ rác

Khi đổ rác, cần tuân thủ những điều dưới đây.






- Tuân thủ địa điểm và ngày (thứ) đổ rác theo từng loại rác
- Đổ loại rác nào, ở đâu thì tuân theo quy tắc của xã, phường, quận, thành phố nơi bạn đang sinh sống.

* Thường đổ rác vào buổi sáng ngày loại rác đó được thu gom.

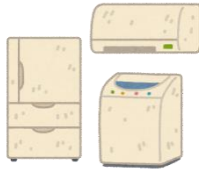
* Nếu đổ rác khác loại đã quy định, hoặc đổ rác không đúng chỗ quy định thì sẽ không được thu gom.

* Tùy cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi bạn đang sinh sống, có trường hợp phải sử dụng loại túi đựng rác có mất phí mà cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố chỉ định.

▼ Ví dụ phân loại rác

Rác đốt	Rác tươi thải từ bếp, rác giấy v.v...	
Rác không đốt	Đĩa, cốc đã vỡ, kim loại, thủy tinh v.v...	
Rác tái nguyên 	Chai thủy tinh, lon, chai nhựa PET, báo, sách, hộp đựng bằng nhựa, bìa các tông v.v...	
Rác quá khổ Khi vứt rác quá khổ, có trường hợp tốn tiền để xử lý hoặc tái chế	Đồ đạc như bàn, ghế v.v..., xe đạp, chăn đệm v.v...	

Chương XII. Các quy tắc, tập quán trong cuộc sống thường ngày

Rác đồ điện gia dụng Khi vứt rác đồ điện gia dụng, có trường hợp tốn tiền để tái chế	Máy điều hòa không khí, tivi, tủ lạnh, tủ cấp đông, máy giặt, máy sấy quần áo v.v...	
---	--	---

- Một điểm quan trọng Dầu ăn đã qua sử dụng

Không xả dầu ăn vào bồn rửa. Khi bạn cho nhiều tờ giấy báo vào trong nồi, giấy báo sẽ hút dầu ăn và giấy báo đó sẽ vứt như một loại “Rác đốt”.

- Một điểm quan trọng Rác quá khổ

Khi đổ rác quá khổ, cần liên lạc trước với cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi bạn đang sinh sống và tiến hành đăng ký đổ rác quá khổ.

Ngoài ra, máy điều hòa không khí, tivi, tủ lạnh, tủ cấp đông, máy giặt, máy sấy quần áo thì cần phải yêu cầu đơn vị được cấp phép xử lý đến thu gom.

Trường hợp không biết nên yêu cầu đơn vị nào, rác gì, hãy liên hệ cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi bạn đang sinh sống.

- Một điểm quan trọng Rác đồ điện gia dụng

Trường hợp mua thay mới hoặc vứt bỏ các đồ điện gia dụng dưới đây, cần phải trả chi phí tái chế đồ điện gia dụng đó.

- Máy điều hòa không khí
- Tivi
- Tủ lạnh, tủ cấp đông
- Máy giặt, máy sấy quần áo

Nơi thanh toán chi phí tái chế và tiếp quản sản phẩm cũ

① Trường hợp mua thay mới

- Cửa hàng bạn mua sản phẩm mới

Vì phương pháp tiếp quản khác nhau tùy theo từng cửa hàng nên hãy liên hệ cửa hàng để biết thêm thông tin chi tiết.

② Trường hợp không mua thay mới mà chỉ vứt bỏ

Chương XII. Các quy tắc, tập quán trong cuộc sống thường ngày

- Cửa hàng đã mua sản phẩm sẽ vứt bỏ

Trường hợp không biết cửa hàng đã mua là cửa hàng nào, hãy liên hệ cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi bạn đang sinh sống.

(2) Vứt rác trái phép (vứt rác bất hợp pháp)

Cho dù là địa điểm nào đi nữa thì cũng không được tùy tiện vứt rác ngoài nơi quy định.

Trường hợp đã vứt rác ngoài nơi quy định, có thể bị phạt hình sự.

Hãy vứt rác theo đúng quy định tại xã, phường, quận, thành phố nơi bạn đang sinh sống.

Ngoài ra, nhiều xã, phường, quận, thành phố ban bố quy định cấm “Xả rác bừa bãi” ví dụ như vứt lon rỗng, mẫu thuốc lá trên đường phố v.v... Đừng xả rác bừa bãi vì đó có thể trở thành hành vi phạm tội.

1-2. Tiếng ồn

Người Nhật có tư duy rằng việc gây ra tiếng ồn lớn, nói to sẽ gây phiền toái cho người khác.

- Hãy chú ý sao cho tiếng nói chuyện to, tiếng tiệt tùng, tivi, nhạc v.v... không gây phiền toái cho hàng xóm.
- Hãy chú ý sao cho không gây ra tiếng ồn lớn, ví dụ như giặt giũ, sử dụng máy hút bụi, tắm vòi hoa sen v.v... vào sáng sớm.
- Đặc biệt tại nhà ở tập thể ví dụ như chung cư, tòa nhà nhiều căn hộ v.v..., hãy chú ý sao cho không gây ra tiếng ồn lớn.

1-3. Nhà vệ sinh

Nhà vệ sinh xả nước ở Nhật Bản

- Nhất định phải sử dụng giấy có sẵn ở nhà vệ sinh.
- Nhất định phải xả trôi giấy đã qua sử dụng tại nhà vệ sinh.
 - Một số quốc gia có thói quen vứt giấy vệ sinh đã qua sử dụng vào thùng rác được trang bị trong nhà vệ sinh, nhưng nếu sử dụng giấy có sẵn ở nhà vệ sinh thì rất hiếm khi bị nhà vệ sinh xả nước ở Nhật Bản bị tắc.

Chương XII. Các quy tắc, tập quán trong cuộc sống thường ngày

- Nhà vệ sinh tại trung tâm thương mại và nhà ga có rất nhiều nút, nhưng nút xả nước thường ghi dòng 流す (FLUSH) (xả nước).

1-4. Sử dụng điện thoại di động

- Không được thao tác điện thoại di động khi đang đi bộ, vì có thể va vào người khác, khiến người đó bị thương hoặc chính bản thân bị thương.
- Luật pháp nghiêm cấm việc thao tác điện thoại di động khi đang đi xe đạp hoặc đang điều khiển các phương tiện xe cộ

1-5. Trên tàu điện và xe buýt

Tàu điện và xe buýt là nơi công cộng nên hãy chú ý các điểm dưới đây.

- Nói chuyện to là vi phạm quy tắc ứng xử.
- Tại Nhật Bản, nói chuyện qua điện thoại di động khi đang trên tàu hoặc xe buýt là vi phạm quy tắc ứng xử.
- Mở tiếng to khi nghe nhạc cũng gây phiền hà cho người khác. Hãy chú ý sao cho âm thanh không lọt ra ngoài khỏi tai nghe.
- Khi tàu xe đông người mà bạn vẫn đeo ba lô trên lưng thì sẽ va vào người khác và gây phiền hà cho người xung quanh.

1-6. Suối nước nóng và nhà tắm công cộng

- Hãy tuân thủ các quy tắc dưới đây khi sử dụng suối nước nóng và nhà tắm công cộng v.v...
- Hãy làm sạch cơ thể trước khi vào bể tắm chung.
- Không được cho khăn vào trong bể tắm.
- Không được dùng xà phòng, dầu gội để làm sạch cơ thể, tóc trong bể tắm.
- Có trường hợp người có hình xăm không được vào.

1-7. Biển báo cấm

Có nhiều loại biển báo thể hiện việc “Cấm” việc gì đó.

Đây là biển báo cấm cơ bản. ⇒



Chương XII. Các quy tắc, tập quán trong cuộc sống thường ngày

Hãy tuân thủ quy định tại nơi có biển báo cấm.



“Cấm bơi lội”



“Cấm hút thuốc”



“Cấm sử dụng điện thoại di động”

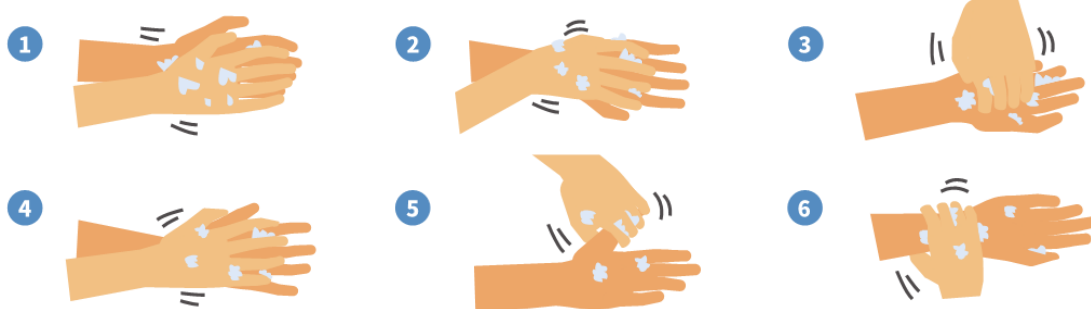
2. Phòng chống bệnh truyền nhiễm

Tại Nhật, đặc biệt vào thời kỳ mùa đông khi không khí bị khô, ngoài các bệnh truyền nhiễm như bệnh cảm hay bệnh cúm (influenza), v.v... lây lan, còn có khi lây lan các bệnh truyền nhiễm chưa có từ trước đến nay do virus mới gây ra. Phần này xin giới thiệu phương pháp phòng ngừa cơ bản nhằm ngăn chặn sự lây lan của bệnh truyền nhiễm. Khi có hiện tượng lây lan bệnh truyền nhiễm, mỗi người hãy chú ý thực hiện các điều sau đây.

2-1. Rửa tay

Việc rửa tay bằng dòng nước hay xà phòng là phương pháp hữu hiệu để loại bỏ về mặt vật lý virus bám vào ngón tay, v.v... Khi trở về phòng từ bên ngoài, hay trước và sau khi nấu ăn, trước khi dùng bữa, v.v..., hãy rửa tay thật kỹ. Trình tự rửa tay như sau.

- ① Sau khi làm ướt tay bằng dòng nước, thoa xà phòng vào rồi cọ kỹ lòng bàn tay.
- ② Duỗi mu bàn tay, và cọ mu bàn tay bằng lòng bàn tay của tay còn lại.
- ③ Cọ cẩn thận đầu ngón tay và kẽ móng.
- ④ Rửa phần giữa các ngón.
- ⑤ Dùng lòng bàn tay vặn xoắn ngón cái để rửa.
- ⑥ Đừng quên rửa cổ tay.



Chương XII. Các quy tắc, tập quán trong cuộc sống thường ngày

* Sau khi rửa bằng xà phòng xong, dội rửa bằng nước cho sạch rồi dùng khăn lau hoặc khăn giấy sạch để lau khô thật kỹ.

2-2. Quy tắc khi ho

Quy tắc khi ho là việc khi ho hay hắt hơi dùng khẩu trang hoặc khăn giấy, khăn tay, mặt trong tay áo hay khuỷu tay để che miệng và mũi nhằm ngăn không cho bệnh truyền nhiễm lây sang người khác.

Khi ho hay hắt hơi, hãy tuân thủ thực hiện các việc sau đây.

- Đeo khẩu trang, che miệng và mũi.
- Khi không có khẩu trang thì dùng khăn giấy hoặc khăn tay để che miệng và mũi.
- Trường hợp gấp quá thì dùng mặt trong tay áo hay khuỷu tay để che miệng và mũi.
- Không được ho hay hắt hơi mà không làm gì, cũng như không được dùng tay chặn miệng, mũi khi ho hay hắt hơi.

Ngoài ra, khi đeo khẩu trang, việc đeo đúng cách cũng rất quan trọng. Hãy đeo khẩu trang theo trình tự sau đây.

- ① Chắc chắn che phủ cả mũi lẫn miệng
- ② Đeo dây đeo qua tai
- ③ Phủ kín tận mũi sao cho không có khe hở

2.3. Độ ẩm

Nếu không khí khô thì chức năng bảo vệ niêm mạc đường hô hấp bị giảm và dễ bị mắc bệnh truyền nhiễm. Đặc biệt, trong phòng dễ bị khô, nếu giữ được độ ẩm phù hợp (50~60%) bằng cách sử dụng máy tạo độ ẩm, v.v... sẽ có hiệu quả.

2.4. Nghỉ ngơi và ăn uống dinh dưỡng

Để tăng sức đề kháng của cơ thể, hàng ngày hãy chú trọng vào việc ăn uống đầy đủ dinh dưỡng và cân bằng dinh dưỡng.

Chương XII. Các quy tắc, tập quán trong cuộc sống thường ngày

2.5. Ra ngoài

Khi bệnh truyền nhiễm lây lan, đặc biệt những người cao tuổi hay người có bệnh nền, phụ nữ mang thai, người có thể trạng kém hoặc người bị thiếu ngủ nên hạn chế ra ngoài. Đặc biệt, không nên ra ngoài để đi đến chỗ đông người hay các khu phố sầm uất.

Ngoài ra, khi ra ngoài bắt buộc phải đeo khẩu trang. Khi có khả năng đi vào chỗ đông người, với việc đeo khẩu trang bằng vải không dệt, có thể ngăn ngừa lây nhiễm qua giọt bắn ở một mức độ nào đó.

3. Những điều cần thiết đối với đời sống

3-1. Sinh hoạt cộng đồng

(1) Các tổ chức cộng đồng (Hội tự quản, tổ dân phố)

Ở Nhật Bản, những cư dân địa phương có thể tình nguyện thành lập và đưa vào hoạt động các tổ chức cộng đồng với mục đích phát triển địa phương và giúp đỡ các cư dân sinh sống dễ dàng và thoải mái hơn. Chi phí cho hoạt động của các tổ chức này được đóng góp tự nguyện bởi các cư dân là thành viên.

Các nội dung hoạt động chính

- Diễn tập phòng chống thảm họa chuẩn bị cho trường hợp động đất, hỏa hoạn
- Hoạt động trông chừng an toàn cho trẻ em từ nhà đến trường và ngược lại
- Hoạt động phúc lợi dành cho người cao tuổi, người khuyết tật
- Phổ biến thông báo từ tòa thị chính v.v...
- Tổ chức các sự kiện ví dụ như lễ hội, hội thao v.v... để thắt chặt mối quan hệ giữa các thành viên

Để biết thêm chi tiết, hãy liên hệ cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi bạn đang sinh sống.

(2) Tình làng nghĩa xóm

- Việc giao tiếp với những người hàng xóm, ví dụ như chào hỏi thường xuyên, tham gia các sự kiện sẽ giúp hạn chế những vấn đề rắc rối phát sinh giữa bạn và những người này. Đồng thời, còn giúp bạn có cơ hội trao đổi thông tin để biết thêm về những điều cần chú ý trong khu vực sinh sống.

Chương XII. Các quy tắc, tập quán trong cuộc sống thường ngày

- Khi xảy ra thiên tai, thảm họa v.v..., hàng xóm cũng có thể giúp đỡ lẫn nhau.

3-2. Phòng chống tội phạm

Hãy chú ý các điểm dưới đây để không trở thành nạn nhân của hành vi trộm cắp, sàm sỡ v.v...

- Khi đi ra khỏi nhà, nhất định phải khóa cửa sổ và cửa chính.
- Khi đỗ xe ô tô, xe máy, xe đạp, nhất định phải khóa xe.
- Khi cầm theo đồ vật quan trọng như túi xách, ví v.v..., không để ngoài tầm mắt.
- Hạn chế tối đa việc đi qua đường tối hoặc nơi vắng người qua lại vào buổi tối.
- Hãy tham vấn trụ sở cảnh sát v.v... gần nhất khi bạn có thắc mắc hay cảm thấy lo lắng về việc phòng chống tội phạm.

3-3. Các dịch vụ cần thiết cho cuộc sống hàng ngày

(1) Điện

Bắt đầu sử dụng điện

Để bắt đầu sử dụng điện, cần làm các việc dưới đây.

- ① Quyết định ngày bắt đầu sử dụng điện.
- ② Đăng ký với công ty điện lực qua internet hoặc điện thoại.
- ③ Bật công tắc cầu dao vào ngày bắt đầu sử dụng điện.

Tuy nhiên, tùy thuộc vào nội dung hợp đồng và trang thiết bị nơi ở, có thể sẽ phải nhờ người của công ty điện lực đến. Trong trường hợp đó, sẽ có hướng dẫn từ công ty điện lực nên hãy chú ý.

Tiền điện và phương pháp thanh toán

- Có rất nhiều sự lựa chọn tùy theo cách sử dụng điện của người sử dụng. Bạn có thể chọn hợp đồng phù hợp với cách sử dụng điện của bản thân.
- Về cơ bản, chi phí sử dụng điện được tính trên cơ sở lượng điện đã sử dụng, tuy nhiên, có khoản phí cố định hàng tháng gọi là “Chi phí cơ bản” và bạn phải trả chi phí cơ bản này bất kể lượng điện sử dụng nhiều hay ít.

Chương XII. Các quy tắc, tập quán trong cuộc sống thường ngày

- Phương pháp thanh toán tiền điện gồm có: tự động rút từ tài khoản ngân hàng, thanh toán tại cửa hàng tiện lợi hoặc ngân hàng, thanh toán bằng thẻ tín dụng v.v...
- * Về lượng điện đã sử dụng, mỗi tháng 1 lần, người của công ty điện lực sẽ kiểm tra từ xa hoặc tận nơi chỉ số công tơ điện lắp tại từng căn hộ.
- * Hàng tháng, công ty điện lực thông báo cho người sử dụng bằng “Thông báo lượng điện đã sử dụng”.
- * Có thể xác nhận nội dung hợp đồng điện bằng tài liệu do doanh nghiệp cung cấp trước hoặc sau hợp đồng.

Chấm dứt việc sử dụng điện

Để chấm dứt việc sử dụng điện, cần làm các việc dưới đây.

- ① Quyết định ngày chấm dứt việc sử dụng điện.
- ② Đăng ký hủy hợp đồng với công ty điện lực qua internet hoặc điện thoại.

Vào ngày chấm dứt việc sử dụng điện, về cơ bản, người sử dụng không nhất thiết phải có mặt. Tuy nhiên, trong trường hợp không thể xác nhận công tơ điện từ bên ngoài căn hộ, người sử dụng sẽ cần phải có mặt. Trong trường hợp đó, sẽ có hướng dẫn từ công ty điện lực nên hãy chú ý.

(2) Gas

Các loại gas

- Có một số loại gas có thể sử dụng tại hộ gia đình bình thường, tùy thuộc vào thành phần và đặc tính cháy, ví dụ như gas đô thị 13A, LP gas v.v...
 - Việc lựa chọn thiết bị dùng gas tại nhà cần tương ứng với loại gas.
- * Nếu sử dụng thiết bị dùng gas không tương ứng với loại gas, có thể xảy ra hỏa hoạn hoặc đột cháy không hoàn toàn, rất nguy hiểm.

Bắt đầu sử dụng gas

Để bắt đầu sử dụng gas, cần làm các việc dưới đây.

- ① Quyết định ngày bắt đầu sử dụng gas.
- ② Đăng ký với doanh nghiệp bán lẻ gas hoặc doanh nghiệp phân phối LP gas ở khu vực bạn cư trú qua internet hoặc điện thoại.

Chương XII. Các quy tắc, tập quán trong cuộc sống thường ngày

- * Vào ngày bắt đầu sử dụng, người của công ty gas sẽ đến, sau khi kiểm tra các thiết bị, bắt đầu cung cấp gas và hướng dẫn cho bạn cách sử dụng thiết bị dùng gas.

Tiền gas và phương pháp thanh toán

- Doanh nghiệp bán lẻ gas tại khu vực cư trú có chuẩn bị phương án tiền gas tùy theo cách sử dụng gas.
 - Về cơ bản, tiền gas là tổng gồm chi phí cơ bản cố định và chi phí tăng giảm tùy vào lượng gas sử dụng, sẽ được tính toán và lên hóa đơn hàng tháng.
 - Phương pháp thanh toán tiền gas gồm có: tự động rút từ tài khoản ngân hàng, thanh toán tại cửa hàng tiện lợi hoặc ngân hàng, thanh toán bằng thẻ tín dụng v.v...
- * Có thể xác nhận nội dung hợp đồng gas bằng tài liệu do doanh nghiệp cung cấp trước hoặc sau hợp đồng.

Chấm dứt việc sử dụng gas

Để chấm dứt việc sử dụng gas, cần làm các việc dưới đây.

- ① Quyết định ngày chấm dứt việc sử dụng gas.
 - ② Đăng ký hủy hợp đồng với công ty gas qua internet hoặc điện thoại.
- * Hãy chuẩn bị sẵn trong tay phiếu đọc công tơ gas được gửi đến hàng tháng và cho công ty gas biết “Mã số khách hàng” để thủ tục diễn ra thuận lợi.

Vào ngày chấm dứt việc sử dụng gas, nhân viên sẽ dùng công tơ gas. Trường hợp nhân viên không tới được chỗ có công tơ gas, người sử dụng gas hoặc người đại diện sẽ cần phải có mặt.

(3) Nước

Sử dụng nước

Trường hợp bắt đầu sử dụng nước vì lý do chuyển nhà v.v..., người sử dụng nước cần đăng ký trước về việc bắt đầu sử dụng nước với cơ quan phụ trách nước của xã, phường, quận, thành phố nơi sinh sống hoặc với doanh nghiệp nước.

Để biết thêm chi tiết, hãy liên hệ cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi bạn đang sinh sống.

Chương XII. Các quy tắc, tập quán trong cuộc sống thường ngày

Tiền nước

Cách thanh toán, yêu cầu thanh toán tiền nước như dưới đây.

- ① Tiền nước do từng doanh nghiệp nước thuộc xã, phường, quận, thành phố nơi sinh sống quyết định. Doanh nghiệp nước xác nhận lượng nước người sử dụng đã dùng qua công tơ rồi yêu cầu người sử dụng thanh toán số tiền tương ứng với lượng sử dụng.
- ② Tiền nước được yêu cầu thanh toán là khoản tiền tổng gồm “chi phí cơ bản” và “chi phí tăng giảm tùy vào lượng”. “Chi phí cơ bản” được quyết định theo kích cỡ đường kính công tơ nước, đường kính ống càng lớn thì số tiền càng cao. Mặt khác, “chi phí tăng giảm tùy vào lượng” được quyết định theo lượng nước đã sử dụng, lượng nước đã sử dụng càng nhiều thì số tiền càng cao.
- ③ Phương pháp thanh toán tiền nước khác nhau tùy theo doanh nghiệp nước. Về cơ bản, có thể lựa chọn trong số các phương pháp: chuyển khoản ngân hàng, thanh toán tại cửa hàng tiện lợi hoặc ngân hàng v.v...

3-4. Điện thoại di động

(1) Hợp đồng điện thoại di động

- Khi làm hợp đồng điện thoại di động, phải qua bước xác nhận danh tính.
- Để xác nhận danh tính, cần xuất trình hoặc gửi bản sao qua đường bưu điện hoặc trang web các giấy tờ chính thức (giấy tờ xác nhận danh tính) có ghi ① họ tên, ② ngày tháng năm sinh, ③ địa chỉ hiện tại cho hãng điện thoại di động.
- Ví dụ, các giấy tờ dưới đây có thể sử dụng làm giấy tờ xác nhận danh tính.
 - ① Thẻ cư trú
 - ② Bằng lái xe
 - ③ Thẻ Số định danh cá nhân
 - ④ Hộ chiếu (giới hạn ở hộ chiếu có ghi địa chỉ hiện tại)
- Trường hợp bạn là người vị thành niên, cần tất cả các giấy tờ dưới đây.
 - ① Giấy tờ xác nhận danh tính của bạn
 - ② Giấy chấp thuận của bố mẹ
- Để tiến hành thủ tục thanh toán chi phí điện thoại di động, cần một trong những giấy tờ dưới đây.

Chương XII. Các quy tắc, tập quán trong cuộc sống thường ngày

- ① Thẻ tín dụng
 - ② Thẻ rút tiền mặt của tài khoản ngân hàng nội địa Nhật Bản
 - ③ Sổ ngân hàng của tài khoản ngân hàng nội địa Nhật Bản
- Tùy công ty điện thoại di động, có công ty hỗ trợ bằng tiếng nước ngoài trên trang chủ hoặc tại cửa hàng v.v...
 - Có thể xác nhận trước các giấy tờ cần thiết để làm hợp đồng hoặc hỏi các câu hỏi liên quan đến dịch vụ điện thoại di động.

(2) Lưu ý khi ký kết hợp đồng và sử dụng

- Có những kẻ môi giới bất chính tiếp cận bạn và nói rằng “Tôi sẽ thay mặt giúp bạn làm hợp đồng điện thoại di động” rồi tự tiện sử dụng giấy tờ xác nhận danh tính của bạn để làm hợp đồng di động và sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.
- Trường hợp nhờ người khác làm hợp đồng, chính bản thân bạn cũng phải xác nhận nội dung hợp đồng.
- Việc chuyển nhượng điện thoại di động đã làm hợp đồng cho người khác khi chưa có sự đồng ý của công ty điện thoại di động là hành vi vi phạm pháp luật và sẽ bị xử phạt.

3-5. Tài khoản ngân hàng

(1) Mở tài khoản ngân hàng

- Có thể tiến hành thủ tục mở tài khoản ngân hàng tại chi nhánh, phòng giao dịch của ngân hàng. Đối với một số ngân hàng, cũng có thể làm thủ tục qua đường bưu điện, ứng dụng của điện thoại thông minh, máy tính. Thông thường, thẻ rút tiền mặt sẽ được gửi qua đường bưu điện đến nhà bạn sau.
- Khi mở tài khoản ngân hàng, hãy đem các giấy tờ v.v... dưới đây đến ngân hàng.
 - ① Giấy tờ xác nhận danh tính (Ví dụ: Thẻ cư trú)
 - ② Con dấu (Một số ngân hàng cho phép sử dụng chữ ký.)
 - ③ Thẻ nhân viên hoặc thẻ sinh viên (nếu bạn không có thẻ, hãy nhờ người của công ty hoặc người của trường đi cùng)

Chương XII. Các quy tắc, tập quán trong cuộc sống thường ngày

- Trường hợp bạn lo lắng về việc giao tiếp bằng tiếng Nhật, hãy nhờ người sẽ tiếp tục hỗ trợ bạn trong tương lai (người của cơ quan hoặc trường học nơi bạn trực thuộc) phiên dịch giúp.

(2) Đóng tài khoản ngân hàng không sử dụng

- Trường hợp không sử dụng tài khoản ngân hàng nữa vì lý do ví dụ như về nước v.v..., hãy đóng tài khoản ngân hàng. Có thể tiến hành thủ tục đóng tài khoản tại chi nhánh, phòng giao dịch của ngân hàng.
- * Việc mua bán hoặc chuyển giao tài khoản ngân hàng (bao gồm thẻ rút tiền mặt, sổ ngân hàng) là hành vi phạm tội. Tuyệt đối không được làm. Nếu vi phạm, sẽ bị phạt tù lên tới 1 năm hoặc phạt tiền lên tới 1 triệu Yên.

3-6. Bưu điện

- Ký hiệu của bưu điện và các hòm thư ở Nhật Bản là hình “〒” màu đỏ.
- Tại bưu điện, có thể sử dụng các dịch vụ dưới đây.
 - ① Gửi thư, bưu thiếp và gửi hàng đến các địa điểm trong và ngoài Nhật Bản.
 - ② Gửi tiền tiết kiệm, gửi tiền, chuyển khoản thanh toán cho các dịch vụ, tiện ích công cộng v.v...
 - ③ Đăng ký bảo hiểm nhân thọ.

4. Giao thông công cộng

4-1. Thẻ IC

(1) Chức năng cơ bản

Có thể dùng thẻ IC giao thông vào việc thanh toán tiền vé xe buýt, tàu điện của nhiều công ty. Dưới đây trình bày chức năng của thẻ IC giao thông thường gặp.

- Bạn có thể tiết kiệm thời gian, công sức mua vé tại máy bán vé bằng cách cho tiền (nạp tiền) sẵn vào thẻ IC.
- Có thể mua tại máy bán vé, quầy làm việc của nhà ga, phòng kinh doanh của hãng xe buýt v.v...
- Có trường hợp tiền vé sẽ rẻ hơn so với thanh toán bằng tiền mặt.

Chương XII. Các quy tắc, tập quán trong cuộc sống thường ngày

(2) Thẻ ghi tên

- Là thẻ có ghi tên người sử dụng.
- Cần đăng ký tên, số điện thoại, ngày sinh, giới tính nam/nữ.
- Dù làm mất thẻ cũng có thể được cấp lại.

(3) Thẻ không ghi tên

- Là thẻ không ghi tên người sử dụng.
- Dù làm mất thẻ cũng không được cấp lại.

(4) Tiền đặt cọc (deposit)

- Khi mua thẻ, thường phải thanh toán tiền đặt cọc.
- Khi trả lại thẻ IC, sẽ được hoàn lại khoản tiền đặt cọc này.

4-2. Đường sắt

Đường sắt Nhật Bản rất phát triển, được sử dụng làm phương tiện di chuyển quen thuộc khi đi làm, đi học v.v...

(1) Sử dụng đường sắt

Dưới đây nêu trình tự cơ bản khi sử dụng đường sắt.

- ① Xác nhận điểm đến trên bản đồ lộ trình.
- ② Mua vé tới điểm đích tại nhà ga, đi qua cửa soát vé. (Trường hợp có thể sử dụng thẻ IC giao thông, có thể đi qua cửa soát vé bằng cách giơ thẻ lên máy soát vé tự động.)
- ③ Đi theo bảng chỉ dẫn trong nhà ga và tiến đến sân ga có số tuyến mà tàu đi tới điểm đích sẽ đến và khởi hành.
- ④ Tại sân ga, đứng chờ tàu ở phần phía trong vạch màu trắng hoặc vạch nổi màu vàng.
- ⑤ Tại điểm đích, dùng vé tàu đã mua để đi qua cửa soát vé. (Trường hợp đã sử dụng thẻ IC giao thông, tiền vé sẽ được thanh toán từ số tiền nạp trong thẻ bằng cách giơ thẻ lên máy soát vé tự động.)

Chương XII. Các quy tắc, tập quán trong cuộc sống thường ngày

(2) Các loại vé

- ① Vé tàu thường: Vé cần khi đi tàu.
- ② Vé theo tập: Có thể mua một tập gồm 11 vé cho cùng một khoảng cách với giá tương đương 10 vé rời (thời hạn có hiệu lực là 3 tháng).
- ③ Vé định kỳ: Sử dụng trong trường hợp đi qua lại nhiều một khoảng cách nhất định theo đơn vị tháng vì lý do đi làm hoặc đi học. Vé định kỳ rẻ hơn so với trường hợp đi cùng khoảng cách bằng vé tàu thường. Có ấn định thời gian là 1 tháng, 3 tháng, 6 tháng v.v...

(3) Các loại vé khác

- Trường hợp đi tàu tốc hành hoặc trường hợp sử dụng thiết bị đặc biệt trên toa tàu, ngoài vé tàu ra còn cần thêm các loại vé (vé trả thêm) dưới đây.
 - ① Vé tàu cao tốc: Vé này cần khi đi tàu shinkansen (tàu siêu tốc) hoặc tàu tốc hành.
 - ② Vé chỉ định chỗ ngồi: Vé này cần khi sử dụng ghế chỉ định. Có một số vé chỉ định chỗ ngồi được lập thành một bộ cùng với vé tàu cao tốc.
 - ③ Vé tàu xanh: Vé này cần khi sử dụng toa tàu cấp cao hơn toa tàu thông thường.

4-3. Xe buýt

(1) Xe buýt di chuyển quãng đường xa (Xe buýt chạy đường dài)

- Về cơ bản, cần mua vé v.v..., thanh toán trước khi lên xe.

(2) Xe buýt di chuyển theo tuyến đường cố định trong khu vực sinh sống (Xe buýt chạy theo tuyến)

- ① Trường hợp dù đi đến đâu thì giá vé cũng giống nhau
 - Bỏ tiền vào hộp thu tiền vé khi lên xe buýt.
 - Trường hợp thanh toán bằng thẻ IC giao thông v.v... thì gior thẻ lên hộp thu tiền vé.

Chương XII. Các quy tắc, tập quán trong cuộc sống thường ngày

- ② Trường hợp giá vé thay đổi theo khoảng cách
- Nhận phiếu có ghi số khi lên xe buýt, xác nhận số ghi trên phiếu tại bảng đặt phía trên tài xế và trả tiền vé hiển thị dưới số đó khi xuống xe.
 - Trường hợp trả bằng thẻ IC giao thông, xuất trình thẻ 2 lần khi lên xe và khi xuống xe buýt.